



ISSN: 2615-9597

Số 2
2020

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM)

Website: tapchimoitruong.vn

ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ MỘT SỐ ĐÔ THỊ NƯỚC TA VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CẢI THIỆN



**Một số giải pháp hoàn thiện quy định về quản lý chất thải
trong Luật Bảo vệ môi trường**



CÔNG TY TNHH CHENG LOONG BÌNH DƯƠNG PAPER

Tập đoàn Cheng Loong được thành lập từ năm 1959, là Tập đoàn có bề dày lịch sử chuyên về sản xuất giấy, trụ sở chính tại New Taipei, Đài Loan.

Tập đoàn Cheng Loong có chiến lược phát triển sản xuất đưa Việt Nam trở thành trung tâm phân phối sản phẩm giấy của tập đoàn trên thị trường châu Á cũng như quốc tế. Năm 2015, Công ty TNHH Cheng Loong Bình Dương Paper được thành lập, tọa lạc tại khu số 4, Khu công nghiệp Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Mục tiêu của Công ty là xây dựng nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp và giấy tiêu dùng, với quy mô công suất bao bì công nghiệp (1.000.000 tấn/năm) và giấy tiêu dùng (50.000 tấn/năm).

Công ty TNHH Cheng Loong Bình Dương Paper dựa trên tiêu chí kinh doanh "Trung - Thành - Tín - Thực", nghĩa là đổi nhân trung thành - xử sự tín thực - năng động cầu tiến - toàn tâm nỗ lực. Từ đó, lấy hình tượng doanh nghiệp xanh trường tồn làm mục tiêu, phát huy vai trò doanh nghiệp xanh sáng tạo và xây dựng cuộc sống hạnh phúc.

Từ thế mạnh sản xuất kinh doanh của mình, Tập đoàn hoạt động ổn định với tỷ lệ năng lượng tái tạo đạt 9.6%, tỷ lệ giấy tái chế chiếm 92.6%, luôn đáp ứng yêu cầu của khách hàng và được xếp hạng trong ngành giấy ở cả quốc nội và quốc tế như: Đứng Top 100 thương hiệu lớn tại Đài Loan, đứng thứ 61 trong nhóm ngành giấy toàn cầu; doanh nghiệp giấy và bao bì lớn nhất Đài Loan. Hơn nữa, tập đoàn đã đạt được doanh thu ngành giấy khoảng 1.6 tỷ USD, doanh thu tập đoàn khoảng 2.4 tỷ USD, đã tạo việc làm cho 7.705 nhân viên.

Bên cạnh đó, tập đoàn đã vinh dự đạt được rất nhiều các giải thưởng Doanh nghiệp chuẩn mực về thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; Doanh nghiệp xuất sắc đối với "Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp" (CRS) - do tạp chí Global Views bình chọn; Giải nhì cuộc thi "Đánh giá kinh tế tài nguyên tái chế" năm 2019; Giải nhất chứng chỉ năng lượng tái tạo và đứng hàng đầu về tiêu dùng xanh chiếm 91.1% Đài tệ.

Giấy Công Nghiệp



Bao Bì



Giấy Bìa Trắng



Giấy Tiêu Dùng



SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

Tại Việt Nam, Công ty TNHH Cheng Loong Bình Dương Paper luôn đặc biệt quan tâm đến công tác an sinh xã hội và đã có những đóng góp tích cực trong các hoạt động xã hội tại địa phương như: được Chủ tịch UBND tỉnh tặng giấy khen về công tác tim kiếm quy tập và lễ truy điệu hài cốt liệt sĩ tại thị xã Bến Cát; Tặng xe cứu thương cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương; Tặng quà trung thu cho trẻ em nghèo hiếu học tại xã An Tây năm 2018; Tổ chức ngày hội trung thu và trao học bổng cho học sinh - sinh viên vượt khó, trẻ em khó khăn tỉnh Bình Dương năm 2019.

Trong tương lai biết rằng Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, song được sự quan tâm, ủng hộ từ phía tập đoàn, CBCNV trong công ty, sự ủng hộ của các bạn hàng trong và ngoài nước, cơ quan báo chí, truyền thông đã giúp Cheng Loong Bình Dương Paper luôn giữ vững một thương hiệu quốc tế lớn mạnh, lâu dài. Đặc biệt, Công ty góp phần tạo công ăn việc làm cho địa phương, đóng góp ngân sách và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài

(Chủ tịch)

GS. TS. Nguyễn Việt Anh

GS. TS. Đặng Kim Chi

PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh

GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng

TS. Nguyễn Thế Đồng

PGS. TS. Lê Thu Hoa

GS. TSKH. Đặng Huy Huỳnh

PGS. TS. Phạm Văn Lợi

PGS. TS. Phạm Trung Lương

GS. TS. Nguyễn Văn Phuoc

TS. Nguyễn Ngọc Sinh

PGS. TS. Lê Kế Sơn

PGS. TS. Nguyễn Danh Son

PGS. TS. Trương Mạnh Tiến

TS. Hoàng Dương Tùng

PGS. TS. Trịnh Văn Tuyên

PHỤ TRÁCH TẠP CHÍ

Nguyễn Văn Thùy

Tel: (024) 61281438

● TRỤ SỞ TẠI HÀ NỘI:

Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ,

P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Trí sự: (024) 66569135

Biên tập: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

● THƯỜNG TRÚ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH:

Phòng A 907, Tầng 9 - Khu liên cơ quan

Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng,

P. 9, Q. 3, TP. HCM

Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875

Email: tcmtphianam@vea.gov.vn

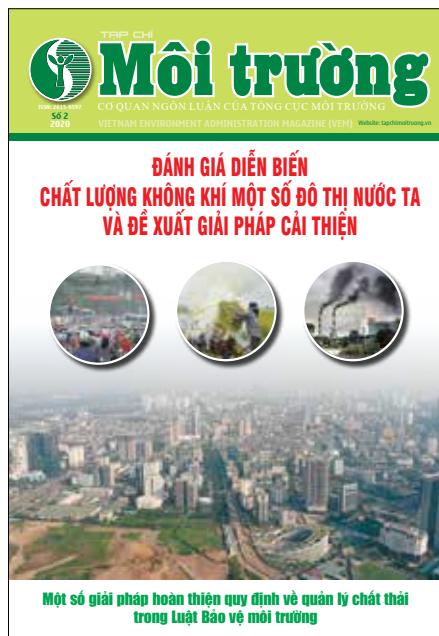
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Họa sỹ: Nguyễn Việt Hưng

Chế bản & in:

Cty CP In Văn hóa Truyền thông Hà Nội

Số 2/2020**Giá: 20.000đ**on the
cover

● Chất lượng không khí Hà Nội sáng ngày 13/12/2019

content



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [5] • Ký kết Biên bản ghi nhớ Hợp tác công tư xây dựng kinh tế tuần hoàn trong quản lý rác thải nhựa
- [6] • Cuộc họp Ủy ban hỗn hợp về quản lý chất thải và 3Rs lần thứ hai
- [7] • Chuyện về cây đa Kiên trì trong Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (SỬA ĐỔI)

- [9] VŨ THỊ DUYÊN THỦY: Một số giải pháp hoàn thiện quy định về quản lý chất thải trong Luật Bảo vệ môi trường
- [12] TRẦN VĂN MIÊU: Một số góp ý về Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của đoàn thể nhân dân và cộng đồng dân cư
- [14] LÊ MINH ÁNH: Nội dung cơ bản của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT quy định chi tiết hướng dẫn một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
- [16] DƯ VĂN TOÁN: Quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét để nhận chìm và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam
- [18] NGUYỄN HOÀNG ÁNH: Đề xuất hoàn thiện bộ tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020
- [21] NGUYỄN HẰNG: Tăng cường quản lý chất thải và kiểm soát việc nuôi nhốt, buôn bán, tiêu thụ trái phép động vật hoang dã



TRONG SỐ NÀY



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [22] PHÚ HÀ: Virus corona: Hồi chuông cảnh tỉnh từ nạn săn bắt và tiêu thụ động vật hoang dã
- [24] MẠC THỊ MINH TRÀ: Chất lượng môi trường không khí tại một số đô thị trong tháng 1 - 2 năm 2020
- [26] PHẠM QUANG HIẾU, PHẠM THỊ HỮU, ĐỖ HẢI HÀ...: Diễn biến chất lượng môi trường không khí và nước khu vực miền Trung, Tây Nguyên năm 2019
- [28] PHẠM NGỌC ĐĂNG: Đánh giá diễn biến chất lượng không khí một số đô thị nước ta và đề xuất giải pháp cải thiện
- [32] LÊ VÂN TRÌNH: Tác động của bụi amiăng đến sức khỏe con người và môi trường, đề xuất giải pháp kiểm soát



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [35] TRỊNH THÁI HÀ: Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng nhằm giảm thiểu chất thải nhựa, cải thiện chất lượng môi trường
- [37] NGUYỄN VĂN LUYỆN: Áp dụng hóa học xanh nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh và giảm thiểu phát thải các hóa chất nguy hại



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [39] HỒNG GẤM: Tập đoàn SCG chia sẻ kinh nghiệm về phát triển bền vững gắn với kinh tế tuần hoàn



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [41] PHẠM THỊ NHÂM: Ban Quản lý Khu bảo tồn biển đảo Côn Cô nỗ lực trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học
- [43] LÊ NGỌC KIM NGÂN: Bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường quần thể Hòn Yến
- [45] LÊ VĂN TÙNG: Huyện đảo Cô Tô phấn đấu trở thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển đảo cấp quốc gia



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [47] GIA LINH: Một số công trình thân thiện với môi trường ở thành phố Rotterdam, Hà Lan





EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài

(Chairman)

Prof. Dr. **Nguyễn Việt Anh**

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Thế Chinh**

Prof. Dr. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Assoc. Prof. Dr. Lê Thu Hoa

Prof. Dr. **Đặng Huy Huỳnh**

Assoc. Prof. Dr. **Phạm Văn Lợi**

Assoc. Prof. Dr. **Phạm Trung Lương**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc. Prof. Dr. Lê Kế Sơn

Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc. Prof. Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Assoc. Prof. Dr. **Trịnh Văn Tuyên**

PERSON IN CHARGE OF ENVIRONMENT MAGAZINE

Nguyễn Văn Thùy

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing: (024) 66569135
Editorial: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmmt@vea.gov.vn
<http://www.tapchimoitruongvn>

● Ho Chi Minh City:

A 907, 9th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875
Email: tcmtpianam@vea.gov.vn

PUBLICATION PERMIT

Nº1347/GP-BTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Hanoi air quality in the morning
on December 12th, 2019
Photo by: VNA

Processed & printed by:
Hanoi Culture and Media Printing
Joint Stock Company

Nº2/2020

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [5] Signing MOU on Public Private Partnership on circular economy for plastic waste management
- [6] Inter-committee's 3rd meeting on solid waste management and 3Rs
- [7] A story about a Patient Fig Tree in President Ho Chi Minh's Office heritage site



LAW - POLICY

COMMENTS ON REVISED LAW ON ENVIRONMENTAL PROTECTION

- [9] VŨ THỊ DUYÊN THỦY: Recommendations for improving solid waste regulations in Law on Environmental Protection
- [12] TRẦN VĂN MIỀU: Some comments on the revised Law on Environmental Protection to increase roles and responsibilities of mass organisations and local community

- [14] LÊ MINH ÁNH: About the Circular 25 on providing guidance for implementation of Decree 40

- [16] ĐƯ VĂN TOÁN: Regulations on technical assessment of and determination of location for dredged materials disposal at Vietnam's Sea

- [18] NGUYỄN HOÀNG ÁNH: Recommendations for completing environmental criteria in new rural development after 2020

- [21] NGUYỄN HẰNG: Strengthening waste management and wildlife encroaching, breeding, illegal trade and consumption



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [22] PHÚ HÀ: Corona virus: warning bell for illegal wildlife hunting and consumption

- [24] MẠC THỊ MINH TRÀ: Air environment quality in some urban areas in 1-2/2020

- [26] PHẠM QUANG HIẾU, PHẠM THỊ HỮU, ĐỖ HẢI HÀ...: Air and water environment quality trends in the Central Highland and Central Vietnam

- [28] PHẠM NGỌC ĐĂNG: Assessment of urban air pollution trends and proposed solutions

- [32] LÊ VĂN TRÌNH: Asbestos's effects on human health and proposed measures



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [35] TRỊNH THÁI HÀ: Promoting youth roles in community initiatives of plastic waste reduction and environmental quality improvement

- [37] NGUYỄN VĂN LUYỆN: Green chemistry for green growth and hazardous waste mitigation



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [39] HỒNG GẦM: SCG Group sharing experience in sustainable development and circular economy



ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT

- [41] PHẠM THỊ NHÂM: Con Co Maritime Protected Area's effort in biodiversity conservation

- [43] LÊ NGỌC KIM NGÂN: Biodiversity conservation and environmental protection in Hon Yen landscape

- [45] LÊ VĂN TÙNG: Island district of Co To striving for a national ecological resort



AROUND THE WORLD

- [47] GIA LINH: Environmentally friendly works in Rotterdam City, Holland

Ký kết Biên bản ghi nhớ Hợp tác công tư xây dựng kinh tế tuần hoàn trong quản lý rác thải nhựa



▲ Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân (thứ 2 từ trái sang) và đại diện 3 doanh nghiệp ký kết Biên bản ghi nhớ

Ngày 19/2/2020, tại Hà Nội, Bộ TN&MT phối với các công ty: TNHH Dow Chemical Việt Nam (Dow Việt Nam); Tập đoàn SCG và Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam tổ chức Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ Hợp tác công tư xây dựng kinh tế tuần hoàn trong quản lý rác thải nhựa (RTN).

Hiện nay, ô nhiễm nhựa đang là một trong những thách thức lớn đối với loài người. Trung bình mỗi phút, trên thế giới có khoảng 1 triệu chai nước uống bằng nhựa được bán ra và 5.000 tỷ túi nhựa sử dụng một lần/năm được tiêu thụ, tuy nhiên, chỉ có 12% lượng RTN được tiêu hủy; 9% được tái chế; còn lại 79% tích lũy trong các bãi rác, điểm chôn lấp hoặc môi trường tự nhiên. Trước thực trạng trên, nhằm chia sẻ kiến thức, chuyển giao công nghệ, nâng cao nhận thức cộng đồng và thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo để giải quyết vấn đề RTN trên

quy mô toàn quốc, Bộ TN&MT và 3 doanh nghiệp: Dow Việt Nam, Tập đoàn SCG và Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam đã đề xuất Sáng kiến Hợp tác công tư xây dựng kinh tế tuần hoàn trong quản lý RTN. Sự kiện này như một lời khẳng định, giải quyết RTN không chỉ là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội, cộng đồng và doanh nghiệp.

Theo đó, Hợp tác công tư sẽ tập trung vào 4 nội dung chính: Nâng cao nhận thức của cộng đồng về giảm thiểu RTN, phân loại rác tại nguồn; hỗ trợ các hoạt động phân loại rác tại nguồn và tái chế RTN; thúc đẩy đổi mới công nghệ, giải pháp tái chế RTN; tăng cường đối thoại, xây dựng chính sách

hỗ trợ kinh tế tuần hoàn trong quản lý RTN tại Việt Nam.

Phát biểu tại Lễ ký kết, Thủ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân đánh giá cao sự chủ động của 3 doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng Bộ TN&MT chia sẻ trách nhiệm giải quyết vấn đề RTN, đặc biệt là xử lý các loại RTN khó thu gom và tái chế như sản phẩm, bao bì nhựa sử dụng một lần... Thủ trưởng hy vọng, sự tiên phong của 3 doanh nghiệp sẽ tạo cảm hứng kết nối thêm nhiều doanh nghiệp cùng hành động có trách nhiệm với môi trường, cũng như chung tay giải quyết vấn đề RTN, đồng thời tạo động lực phát triển nền kinh tế tuần hoàn, hướng đến phát triển bền vững tại Việt Nam.

BÙI HẰNG

Cuộc họp Ủy ban hỗn hợp về quản lý chất thải và 3Rs lần thứ hai



▲ Toàn cảnh Cuộc họp

Ngày 18/2/2020, tại Hà Nội đã diễn ra Cuộc họp Ủy ban hỗn hợp về quản lý chất thải và 3Rs lần thứ hai giữa Bộ TN&MT (MONRE) và Bộ Môi trường Nhật Bản (MOEJ). Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Thượng Hiền; Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tái tạo Môi trường và tuần hoàn vật chất, Bộ Môi trường Nhật Bản chủ trì Cuộc họp.

Bộ TN&MT và Bộ Môi trường Nhật Bản đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác về môi trường vào ngày 13/12/2013, từ đó, nhiều cuộc đối thoại chính sách đã được tiến hành, trong đó, tại cuộc đối thoại lần thứ 4 được tổ chức vào ngày 26/3/2018 tại Tôkyô, Nhật Bản, hai bên đã nhất trí thành lập Ủy ban hỗn hợp về quản lý chất thải và 3R, nhằm cải thiện hệ thống vệ sinh công cộng và bảo tồn môi trường ở Việt Nam, giao Tổng cục Môi trường là đơn vị chủ trì tổ chức phiên họp hàng năm để đưa ra những nội dung cụ thể về hoạch định chính sách, hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến quản lý chất thải. Ngày 11/1/2019, Ủy ban hỗn hợp tổ chức nhóm họp lần đầu tiên, thống nhất mục tiêu hoạt động, vai trò của Ủy ban là tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm về quản lý chất thải và 3R giữa hai nước; kết nối hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp, các chuyên gia và những bên liên quan khác để thiết lập được một hệ thống quản lý chất thải hiệu quả, dựa trên chính sách về 3R, công nghệ

phù hợp, trong đó có công nghệ đốt rác thu hồi năng lượng.

Phát biểu tại Cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Thượng Hiền cho biết, trong năm qua, công tác BVMT nói chung, quản lý chất thải nói riêng của Việt Nam đã có những bước chuyển biến đáng kể. Chính phủ đã ban hành nhiều Quyết định, Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải, trong đó có Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019 về việc giao Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối, thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn (CTR). Thực hiện Nghị quyết, Bộ TN&MT đã triển khai tổng rà soát công tác quản lý chất thải tại 63 tỉnh/thành trên cả nước. Đặc biệt, đầu năm 2020, Bộ TN&MT sẽ tổ chức Hội nghị toàn quốc về CTR dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ, nhằm thống nhất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTR nói chung, CTR sinh

hoạt nói riêng. Năm 2020, Bộ TN&MT cũng sẽ hoàn thiện dự án Luật BVMT (sửa đổi), hiện đang trình Bộ Tư pháp thẩm định, dự kiến trình Chính phủ vào tháng 5/2020. Trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) có 1 chương về quản lý chất thải, nêu rõ chất thải là một loại tài nguyên, cần tận dụng những thành phần có ích trong chất thải để thu hồi năng lượng, tái sử dụng và tái chế.

Tại Cuộc họp, các đại biểu đã tập trung thảo luận một số nội dung: Định hướng chính sách phát triển xử lý CTR sinh hoạt bằng phương pháp đốt thu hồi năng lượng tại Việt Nam; quy hoạch các cơ sở xử lý, phân loại chất thải tại nguồn; công nghệ đốt rác và xử lý tro của Nhật Bản; hoạt động của Ủy ban hỗn hợp trong thời gian tới... Đồng thời, đưa ra các giải pháp đồng bộ về chính sách, công nghệ, nguồn lực... để quản lý hiệu quả chất thải ở Việt Nam.

THU HẰNG

Chuyện về cây đa Kiên trì trong Khu Di tích Phủ Chủ tịch Hồ Chí Minh

PHẠM THỊ VUI

Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương

Sinh thời, trên cương vị là người lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, bận rộn với trăm công nghìn việc, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian quan tâm đến vấn đề trồng cây và môi trường. Người quan niệm rằng, trồng cây không chỉ là công việc nông lâm đơn thuần, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân về BVMT.

Từ năm 1959 đến đầu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết 7 bài viết kêu gọi trồng cây. Trong mỗi bài viết, Người đều đưa ra những dẫn chứng, ích lợi của việc làm này. Đặc biệt, ngày 28/11/1959, Người đã viết bài “Tết trồng cây”, đăng trên báo Nhân dân số 2082, chính thức khởi xướng và phát động phong trào Tết trồng cây, trong đó nêu rõ: “Việc này tốn kém ít mà lợi ích rất nhiều... Nước ta phong cảnh sẽ ngày càng tươi đẹp, khí hậu điều hòa, cây gỗ đầy đủ hơn. Điều đó sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống của nhân dân ta...”. Ngày 9/5/1961, tại buổi nói chuyện với nhân dân đảo Cô Tô, Hải Ninh (nay là tỉnh Quảng Ninh), Người căn dặn: “Cần trồng nhiều cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây chắn gió. Trồng cây sẽ mang lại cho nhân dân ta một nguồn lợi to, làm cho xứ sở ta thêm đẹp”. Trong thơ mừng Xuân năm 1962, Người viết: Mùa Xuân là Tết trồng cây/ Làm cho đất nước càng ngày càng Xuân. Ngày 20/1/1965, trong bài “Hãy nhiệt liệt tổ chức Tết trồng cây” đăng trên báo Hà Đông (nay là Hà Nội mới), Người chỉ rõ: Muốn xây dựng nông thôn mới, việc đầu tiên là xây dựng lại nhà ở cho đàng hoàng. Muốn vậy thì ngay từ bây giờ phải trồng nhiều cây để lấy gỗ. Chỉ có việc đó cũng đủ thấy cần phải đẩy mạnh phong trào Tết trồng cây... Không chỉ kêu gọi mọi người tham gia trồng cây gây rừng thông qua các bài viết, cuộc trao đổi, trò chuyện trực tiếp, Người còn nêu gương bằng những hành động cụ thể. Năm 1960, Người tham gia trồng cây với nhân dân ở Công viên Thống Nhất, Hà Nội; năm 1961, Người



▲ Cây đa Kiên trì trong Khu Di tích Phủ Chủ tịch

cùng thanh niên Thủ đô trồng cây ở vườn hoa Thanh Niên; ngày 3/2/1963, Người về thăm và tham gia trồng cây trong Hội trồng cây thống nhất của đồng bào huyện Đông Anh, Hà Nội... Từ đó, hàng năm, mỗi khi mùa Xuân về, Người lại phát động và cùng đồng bào cả nước hưởng ứng Tết trồng cây.

Từ tháng 12/1954, Người về sống và làm việc tại Phủ Toàn quyền Đông Dương (nay là Khu Di tích Phủ Chủ tịch), tranh

thủ những lúc rảnh rỗi, Người lại trồng, chăm sóc cây xanh. Ngày nay, trong Khu Phủ Chủ tịch, ở ngã ba cửa con đường dẫn tới khu nhà sàn có một cây đa lớn, dáng vẻ kỳ lạ. Không giống như những cây đa bình thường với từng chùm rễ xõa xuống theo hướng thẳng đứng, cây đa này có 2 cái rễ to từ trên ngọn đâm xuyên xuống đất, chêch xa khỏi gốc theo hình chữ V ngược, cùng với gốc tạo nên thế 3 chân vững chắc. Tính

Thực hiện lời dạy Bác Hồ “Mùa Xuân là Tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng Xuân”, phong trào trồng cây, trồng rừng và bảo vệ rừng trong những năm qua tiếp tục phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trên cả nước và đã đạt được những kết quả có ý nghĩa to lớn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát huy vai trò phòng hộ của rừng, cải thiện môi trường, giảm nhẹ thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu. Phong trào “Tết trồng cây đồi đồi nhớ ơn Bác Hồ” đã trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam mỗi khi Xuân về.



từ nỗi rẽ đa bám vào thân cây xuống mặt đất có chiều cao hơn 10 m, tạo nên cái vòm cổng thanh thoát, đẹp mắt. Ngoài ra còn có nhiều rẽ phụ từ những cành cao đậm thẳng xuống đất, trong đó có 1 rẽ độ nghiêng khá lớn. Ngày ấy, Người vẫn thường qua lại cái cổng gốc đa, ngày nay, hàng triệu cháu con về thăm vườn của Người cũng lại được đi ngang qua cái cổng nhân tạo này. Chọn đúng khoảng cách và vị trí đúng thích hợp để ngắm, khách tham quan sẽ thấy cây đa có dáng vẻ đẹp.

Theo lời kể của các hướng dẫn viên trong Khu Di tích Phủ Chủ tịch, tháng 9/1965, khi những người làm vườn thấy hai rẽ đa nhỏ từ trên cành buông xuống lở lửng, nghĩ hai rẽ phụ sẽ làm vướng lối đi lại của Người, mọi người định cắt bỏ đi. Biết được ý định đó, Người không tán thành và gợi ý, nên tìm cách kéo rẽ đa xuống đất, nhưng phải làm sao không vướng lối đi mà có thể tạo cho cây có một thế vững chắc và đẹp. Sau đó, Người đã gợi ý cho mọi người cách làm như sau: Đầu tiên là chọn một cây buông (giống như cây nứa) có chiều dài hợp lý, đục rỗng các đốt bên trong, sau đó cho đất xốp vào lòng cây, ốp rẽ đa vào giữa rồi dùng dây buộc chặt cây buông đó lại. Một đầu ốp chặt xuống đất theo vị trí cần thiết, đầu kia ôm lấy rẽ đa. Tuy nhiên, để rẽ đa có thể theo thân cây buông phát triển kéo dài xuống đất thì phải cần độ ẩm. Để không mất thời gian cho việc tưới nước thường xuyên, Người cho chế tạo một bể nước tự động thiết kế cho tưới nhỏ giọt theo thân cây buông để nuôi rẽ đa từ trên xuống. Làm theo cách này, thời gian bén đất của rẽ cây sẽ ngắn hơn, đồng thời hướng được rẽ theo chiều mong muốn. Kết quả, đến năm 1968, rẽ đa đã bám chặt xuống đất tại

vị trí bên kia đường, cách gốc chừng 3 m, cùng với gốc ôm lấy lối đi. Sau này, cây đa được kéo thêm hai rẽ phụ nữa cũng bằng phương pháp kể trên và được đặt tên là Kiên trì để ghi nhớ lời dạy của Người.

Từ cách nuôi tùng chiếc rẽ đa đã cho chúng ta hiểu được Bác Hồ không chỉ là người có tình cảm đặc biệt với thiên nhiên, mà còn là một nghệ nhân đầy sáng tạo. Đặc biệt hơn cả, chúng ta học được từ Người lòng kiên trì - đức tính cần thiết để đi đến mọi thành công. Cây đa

Kiên trì không chỉ góp phần tạo không gian xanh mà còn mang ý nghĩa sâu xa, gắn liền với những đức tính quý báu về tấm gương đạo đức của Người đối với thiên nhiên, lòng thương yêu con người; cách ứng xử với môi trường. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Người sống như trời đất của ta/Yêu tùng ngọn lúa mỗi hành hoa”. Tết Kỷ Dậu năm 1969, tuy sức khỏe đã yếu đi nhiều, nhưng sáng mùng Một Tết, Người vẫn đi chúc Tết một số đơn vị. Sau khi thăm, nói chuyện với anh, chị em chiến sĩ Quân chủng Phòng không - Không quân ở

sân bay Bạch Mai, Người tiếp tục lên đường chúc Tết đồng bào Sơn Tây và trồng cây đa lưu niệm ở đồi Vật Lại - Ba Vì. Mùa thu tháng 9 năm ấy, Người ra đi vào cõi vĩnh hằng, trong bản Di chúc để lại cho toàn Đảng, toàn dân, Người lại một lần nữa nhắc đến việc trồng cây: “Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp”.

Có thể thấy, tình yêu thiên nhiên, vườn cây, ao cá, hoa lá, chim muông... là nếp sống thanh cao mà giản dị của Người, là một điều đáng để cho mọi tầng lớp nhân dân học tập, noi theo. Nhận thức được tầm quan trọng của việc gìn giữ, bảo vệ những cây xanh di tích gắn liền với Người, cho đến ngày nay, khu vườn trong Khu Di tích Phủ Chủ tịch, trong đó có cây đa Kiên trì vẫn được duy trì, bảo tồn nguyên vẹn với không gian xanh, thoáng đãng, sạch sẽ, để nhắc nhở chúng ta: “Người đi rồi cây xanh vẫn còn đó, hiến cho đời những mùa Xuân nho nhỏ...”■

Một số giải pháp hoàn thiện quy định về quản lý chất thải trong Luật Bảo vệ môi trường

PGS.TS. VŨ THỊ DUYÊN THỦY

Trường Đại học Luật Hà Nội

Luật BVMT năm 2014 được ban hành đã tạo ra những thay đổi tích cực trong quan điểm BVMT bằng pháp luật của Nhà nước. Luật đã trở thành công cụ pháp lý quan trọng trong kiểm soát ô nhiễm môi trường (ÔNMT), góp phần đảm bảo phát triển bền vững tại Việt Nam. Trong Luật BVMT năm 2014 đã có một mục riêng về quản lý chất thải (QLCT), trong đó quy định trách nhiệm của từng chủ thể trong QLCT và những yêu cầu đặc thù QLCT thông thường hay chất thải nguy hại. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, trước những yêu cầu mới của QLCT và ứng phó với biến đổi khí hậu, nhóm quy định về QLCT trong Luật BVMT đã bộc lộ một số hạn chế nhất định, cần sớm được hoàn thiện.

Nhận thức rõ điều đó, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã bổ sung, sửa đổi nhiều quy định về QLCT như: Chuyển quy định về QLCT phong xạ sang phạm vi quản lý của Luật Năng lượng nguyên tử; quy định rõ hơn việc phân loại chất thải rắn thông thường... Về cơ bản, đó là những thay đổi tiến bộ và phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở Luật BVMT năm 2014 và Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) xin đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của Luật, góp phần nâng cao hiệu quả QLCT tại Việt Nam.

Thứ nhất, bổ sung quy định về trao đổi chất thải

Theo cách tiếp cận truyền thống tại Việt Nam, mọi loại chất thải (những vật chất bị loại bỏ từ các hoạt động của con người) đều được quản lý theo một quy trình chung là giảm thiểu, phân loại, thu gom, xử lý và tiêu hủy. Do vậy, chất thải không được nhìn nhận dưới góc độ kinh tế và đường như trở thành một gánh nặng cho xã

hội vì những vấn đề về môi trường, chi phí để xử lý chúng. Tuy nhiên, tiếp cận theo một cách khác, trong số những vật chất bị loại bỏ từ hoạt động của con người, không ít loại có thể tái chế, tái sử dụng và có thể trở thành nguồn nguyên liệu thay thế cho nguyên liệu tự nhiên. Trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày một khan hiếm, cách tiếp cận này càng trở nên có ý nghĩa trong việc kiểm soát ÔNMT và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo phát triển bền vững.

Với cách tiếp cận tích cực đó, Luật BVMT hiện hành đã có quy định khuyến khích việc tái chế, tái sử dụng chất thải tại từng cơ sở sản xuất có phát sinh chất thải. Song thực tế, quy định này chưa phát huy hiệu quả mà mới chỉ dừng lại ở yêu cầu chung chung, mang tính khuyến nghị. Bên cạnh đó, thực tiễn QLCT tại nhiều nước trên thế giới cũng đã cho thấy, giá trị kinh tế và môi trường của việc trao đổi chất thải giữa các cơ sở sản xuất. Theo đó, chất thải của cơ sở sản xuất này có thể trở thành nguồn nguyên liệu cho một hoặc nhiều cơ sở sản xuất khác. Vì vậy, việc trao đổi chất thải giữa các nhóm doanh nghiệp không chỉ giúp tiết kiệm chi phí sản xuất, mà còn có giá trị không nhỏ trong việc ngăn ngừa ÔNMT, hay khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên. Với ý nghĩa đó, cần bổ sung quy định trao đổi chất thải vào Luật BVMT hiện hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động trao đổi chất thải giữa các cơ sở sản xuất,

qua đó tận dụng tốt hơn những giá trị về kinh tế và môi trường của hoạt động này.

Thứ hai, bổ sung quy định về cán bộ chuyên trách thực hiện QLCT tại các cơ sở có phát sinh chất thải

Do QLCT là hoạt động mang tính chuyên môn, đòi hỏi cán bộ tại các cơ sở có phát sinh chất thải phải được đào tạo về chuyên môn. Song, tại các doanh nghiệp, đây là vấn đề còn bị xem nhẹ, đặc biệt là tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên hiệu quả QLCT chưa cao. Vì vậy, cần bổ sung quy định về việc bắt buộc phải có người chịu trách nhiệm chuyên môn về kiểm soát ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Người đó phải được tập huấn chuyên môn về kiểm soát ÔNMT nói chung và QLCT nói riêng. Khi đó, họ sẽ có khả năng phát hiện sớm những bất ổn về môi trường tại doanh nghiệp trước khi nó xảy ra, đảm bảo sự chủ động của doanh nghiệp trong phòng ngừa ÔNMT, đồng thời giảm thiểu gánh nặng về thủ tục hành chính của doanh nghiệp trong QLCT.

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có lượng chất thải thải vào môi trường không lớn, cán bộ chuyên môn về QLCT cần được tập huấn và phải có chứng chỉ, thể hiện được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội. Đối với những cơ sở có lượng chất thải thải ra môi trường lớn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường thì có thể quy định thêm các yêu cầu cao hơn về nhân sự.



▲ Luật BVMT khuyến khích việc tái chế, tái sử dụng chất thải

Thứ ba, bãi bỏ một số quy định trùng lặp về QLCT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trong mọi lĩnh vực là chủ nguồn thải của rất nhiều loại chất thải. Việc thực hiện QLCT phát sinh tại các cơ sở này là hết sức cần thiết và là trách nhiệm của các chủ cơ sở đó. Với cách tiếp cận này, Luật BVMT năm 2014 đã đưa ra khá nhiều quy định về BVMT trong từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh dịch vụ, kèm theo đó là những yêu cầu về QLCT. Cụ thể như: Điều 38 quy định về BVMT trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản có nêu: "Tổ chức, cá nhân khi tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường (thu gom và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật; Thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về QLCT rắn)"; Điều 69 quy định về BVMT trong sản xuất nông nghiệp nêu rõ: "Khu chăn nuôi tập trung phải có phương án BVMT và đáp ứng yêu cầu: Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư; Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về QLCT"; Điều 79 quy định về BVMT đối với cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm đề cập đến việc những cơ sở nghiên cứu và phải thực hiện các yêu cầu BVMT: "Thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu gom

và xử lý theo quy định của pháp luật về QLCT rắn"...

Việc thực hiện các yêu cầu QLCT trong quá trình hoạt động của các cơ sở nêu trên là đúng, song việc quy định lặp đi, lặp lại trong Luật BVMT năm 2014 là không cần thiết, khi đã có quy định chung về trách nhiệm thực hiện quản lý nước thải, chất thải rắn và khí thải cho mọi tổ chức, cá nhân có làm phát sinh chất thải trong quá trình hoạt động. Dù đó là chất thải phát sinh trong nông nghiệp hay trong các cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm, hoặc các hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, thì các chủ cơ sở đó đều phải thực hiện các yêu cầu QLCT theo quy định chung. Điều đó có nghĩa, việc nhắc lại các yêu cầu này trong từng lĩnh vực, tại nhiều điều luật khác nhau trong cùng một đạo luật là thiếu khoa học, trừ khi có những yêu cầu đặc thù.

Thứ tư, quy định rõ về trách nhiệm phân loại chất thải của chủ nguồn thải

Hiện nay, trong nhóm quy định chung về QLCT của Luật BVMT năm 2014, tại Điều 86 về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải có quy định: "Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng phải được phân loại". Tuy nhiên, trách nhiệm phải phân loại chất thải lại chưa được quy định cho chủ thể nào. Đó là trách nhiệm của chủ nguồn thải, của chủ vận chuyển, xử lý chất thải hay là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước?

Về mặt khoa học cũng như thực tiễn, phân loại chất thải tại nguồn là giải pháp hiệu quả cả về phương diện kinh tế lẫn môi trường. Song nếu chỉ dừng lại ở yêu cầu chung là phải phân loại chất thải như quy định hiện hành, thì không thể ràng buộc trách nhiệm của bất kỳ một chủ thể nào trong quy trình QLCT. Thiết nghĩ, sẽ khả thi hơn khi quy định rõ trách nhiệm phân loại chất thải này, trước hết cho chủ nguồn thải, sau đó là cho các chủ thể có liên quan (chủ vận chuyển chất thải hay chủ xử lý chất thải) trong trường hợp chủ nguồn thải vì lý do nào đó chưa thực hiện nghĩa vụ này. Đây là quy định đã được đề xuất tại Điều 44 của Dự thảo Luật: Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn. Tuy nhiên, quy định này không chỉ rõ ai là người phải phân loại chất thải. Chủ nguồn thải chỉ có trách nhiệm phải giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải. Do đó, sẽ hợp lý hơn khi quy định rõ trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn của chủ nguồn thải trong nhóm quy định chung về QLCT.

Thú năm, chuyển quy định về sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ, pháo hoa trong nhóm quy định hiện hành về QLCT sang một lĩnh vực pháp luật khác

Quy định về quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ tại Khoản 4 Điều 103 Luật BVMT năm 2014 có quy định: "Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ". Việc sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo hoa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quy định này trong bối cảnh hiện tại của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn, nhưng nó chưa phù hợp khi đặt trong nhóm quy định về quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ. Có hai lý do chính để lý giải cho quan điểm này, đó là, pháo nổ, pháo hoa không phải chất thải. Chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển và sử dụng pháo nổ, pháo hoa cũng không phải là vấn đề lớn hay đặc thù, cần có một quy trình riêng biệt để kiểm soát. Mục đích chính của việc nghiêm cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ trong điều kiện của Việt Nam hiện nay là vấn đề quản lý vật liệu nổ, chứ không phải vấn đề quản lý và kiểm soát tiếng ồn hay độ rung phát sinh trong quá trình sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ dưới góc độ QLCT. Như vậy, sẽ hợp lý hơn nếu chuyển quy định này sang một lĩnh vực pháp luật khác (pháp luật về quản lý vật liệu nổ), thay vì đặt nó trong nhóm các quy định về QLCT.

Tóm lại, sau hơn 5 năm áp dụng, các quy định về QLCT của Luật BVMT năm 2014 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định. Tuy không lớn, nhưng việc khắc phục chúng là cần thiết để nâng cao hiệu quả kiểm soát ÔNMT ở Việt Nam trong thời gian tới■

Hoàn thiện hệ thống các công cụ kinh tế, tạo sự đột phá trong công tác bảo vệ môi trường



▲ Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân chủ trì cuộc họp

Ngày 19/2/2020, tại Hà Nội, Thủ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân chủ trì cuộc họp “Tổng kết, đánh giá và đề xuất hoàn thiện hệ thống các công cụ kinh tế, dựa vào nguyên tắc thị trường cho BVMT ở Việt Nam”. Đây là Dự án do Viện Chiến lược, chính sách TN&MT thực hiện, từ năm 2020 - 2021, với mục tiêu điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng các công cụ kinh tế và cơ chế dựa vào thị trường để đề xuất các giải pháp phù hợp, góp phần hoàn thiện các nội dung pháp luật BVMT ở Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Hiện nay, tại nhiều nước trên thế giới như Úcstralia, Bỉ, Canada, Đan Mạch, Phần Lan... đã áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường như quy định về phí ô nhiễm không khí, phí ô nhiễm nước, phí rác thải, phí sử dụng môi trường, thuế môi trường, phí sản phẩm... Những công cụ kinh tế này dựa trên nguyên tắc thị trường; tối thiểu hóa chi phí làm giảm ô nhiễm; đồng thời khuyến khích các chủ thể gây ô nhiễm đầu tư đổi mới công nghệ. Tại Việt Nam, công cụ kinh tế cho BVMT đã được

áp dụng trong một số lĩnh vực như chi trả dịch vụ môi trường, thu phí nước thải, thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng các công cụ kinh tế cho BVMT vẫn còn một số bất cập như thuế môi trường, phí môi trường hay các hình thức ký quỹ phục hồi môi trường chưa được thể hiện đầy đủ và chưa sát với thực tiễn để huy động đủ nguồn lực đầu tư trở lại cho BVMT; quy định phân bổ và sử dụng nguồn thu từ thuế, phí và các nguồn tài chính khác cho BVMT vẫn còn hạn chế...

Đánh giá cao ý nghĩa của Dự án, Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân nhấn mạnh, kết quả quan trọng mà Dự án đem lại là đề xuất các chính sách pháp lý, cơ chế để áp dụng hệ thống công cụ kinh tế vào tình hình thực tiễn trong BVMT ở Việt Nam. Định hướng sử dụng công cụ kinh tế, dựa vào nguyên tắc thị trường cho BVMT sẽ được thể chế hóa trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), là cơ sở pháp lý quan trọng để tạo sự đột phá trong BVMT ở nước ta. Thủ trưởng chỉ đạo, Viện Chiến lược, chính sách TN&MT kết hợp cùng các chuyên gia trong và ngoài nước để hoàn thành Dự án vào tháng 6/2021.

N. Hằng

Một số góp ý về Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể nhân dân và cộng đồng dân cư

TS. TRẦN VĂN MIỀU - Phó Chủ tịch
Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định: BVMT là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân và vì nhân dân; là nhiệm vụ có tính cấp bách, lâu dài, có điểm khởi đầu và không có điểm kết thúc. Để sự nghiệp đó thành công cần tiến hành xã hội hóa công tác BVMT, nhằm huy động sự tham gia của các ngành, các cấp, các đoàn thể nhân dân, tổ chức tôn giáo và cộng đồng dân cư.

Đoàn thể nhân dân là tổ chức tự nguyện của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng; tổ chức và hoạt động tuân theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức; đại diện và chăm lo bảo vệ lợi ích hợp pháp và nhu cầu chính đáng của các tầng lớp nhân dân; tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Điều 9, Chương 1, Hiến pháp năm 2013 quy định về các đoàn thể nhân dân ở Việt Nam, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội.

Cộng đồng dân cư bao gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư tương tự. Cộng đồng dân cư đó có một số nét đặc trưng như cùng chung sống, sinh hoạt và hoạt động ở dưới cấp cơ sở; Gắn bó với nhau bởi các mối quan hệ xã hội cộng đồng; Cộng đồng dân cư Việt Nam là những người dân được quyền tự nguyện tham gia vào một tổ chức quần chúng nhân dân nhất định; Gắn bó với nhau bởi tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, yêu nước; Quan hệ mật thiết với môi trường thiên nhiên, có tác động hai chiều, chiều tích cực và chiều tiêu cực lên môi trường.

NHỮNG ƯU, NHƯỢC ĐIỂM CỦA CHƯƠNG XV, LUẬT BVMT NĂM 2014

Sau khi Luật BVMT năm 2014 được ban hành, Chương XV của Luật “Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong BVMT” đã được ghi nhận với 3 điều luật là Điều 144: Trách nhiệm và quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Điều 145: Trách

nhiệm và quyền của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Điều 146: Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư. Nhìn chung, Chương XV, Luật BVMT năm 2014 có những ưu điểm như sau: Luật đã ghi nhận về đảm bảo quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư “được sống trong môi trường trong lành và có trách nhiệm BVMT”; Là hành lang pháp lý quan trọng để các đoàn thể nhân dân và cộng đồng dân cư tham gia BVMT; Xây dựng mối quan hệ hữu cơ, gắn kết, cùng chung tay BVMT giữa các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam; các tổ chức liên hiệp hội (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam và Liên hiệp các Hội hữu nghị Việt Nam); và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Luật đã khẳng định vai trò của các

đoàn thể nhân dân trong huy động cộng đồng dân cư tham gia BVMT, phát huy dân chủ, sức sáng tạo của nhân dân và xã hội hóa công tác BVMT; Đảm bảo các quyền tiếp cận về thông tin, tư pháp, nâng cao năng lực và sự tham gia của cộng đồng dân cư trong BVMT; Các đoàn thể nhân dân tổ chức hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, phát động phong trào chung tay BVMT, xây dựng mô hình, phản biện

xã hội, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và tham vấn, tư vấn, hỗ trợ cộng đồng dân cư tham gia BVMT; Đảm bảo quyền bình đẳng giới trong hoạt động BVMT.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, nội dung Chương XV có một số hạn chế, bất cập cụ thể như sau: Tên chương: “Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong BVMT” chưa đầy đủ, vì chỉ nêu trách nhiệm mà chưa nêu quyền của các chủ thể trong BVMT. Trong đó, nội dung Chương XV gồm có 3 điều: Quy định về trách nhiệm và quyền của Mặt trận; quy định về trách nhiệm và quyền của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; quy định về quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư. Như vậy, có thể thấy tên các điều không thống nhất với nhau, có điều trách nhiệm trước và quyền hạn sau, ngược lại có điều quyền hạn trước và nghĩa vụ sau.

Ngoài ra, các khoản, mục được ghi trong các điều luật còn chung chung, chưa cụ thể, nên các đoàn thể nhân dân rất khó thực hiện nhiệm vụ tham gia BVMT. Điều 145 quy định chung về trách nhiệm, quyền của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tuy nhiên hai tổ chức này có tính chất, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng khác nhau. Đối với cộng đồng dân cư, chưa làm rõ khái niệm về



▲ Huy động các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư tham gia BVMT

cộng đồng dân cư và người hoặc tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư. Trong thực tế, rất ít nơi có thể họp các chủ hộ gia đình để bầu ra người hoặc tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư. Mặt khác, Chương XV, Luật BVMT năm 2014 chưa làm rõ quyền và trách nhiệm đặc thù của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp; chưa làm rõ trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước, các cấp chính quyền trong việc hỗ trợ, khuyến khích các đoàn thể nhân dân và cộng đồng dân cư tham gia BVMT.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI CHƯƠNG XV LUẬT BVMT NĂM 2014

Như đã phân tích ở phần trên, trong bối cảnh hiện nay, xin đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

Khái niệm về cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, xóm, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự. Người hoặc tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư là Ban Mặt trận Tổ quốc và đưa khái niệm về cộng đồng dân cư và tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư vào Điều giải thích từ ngữ.

Tên Chương: Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo và cộng đồng dân cư trong BVMT (Gọi tắt là chương đoàn thể và cộng đồng). Để ghi nhận nội dung tên Chương nêu trên, xin đề xuất 6 điều: Quyền và trách nhiệm của

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quyền và trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội; Quyền và trách nhiệm của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác; Quyền và trách nhiệm của các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận; Quyền và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong BVMT; Đảm bảo điều kiện cho các tổ chức và cộng đồng dân cư hoạt động BVMT.

Những đề xuất nêu trên đã khắc phục được những hạn chế, bất cập của Chương XV, Luật BVMT năm 2014. Bởi tên chương quy định quyền và trách nhiệm của các đoàn thể và cộng đồng trong BVMT; tách quyền và trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp ra khỏi các tổ chức chính trị - xã hội và bổ sung thêm một chủ thể mới tham gia BVMT - đó là các tổ chức tôn giáo được đăng ký hoạt động theo pháp luật. Trong các điều đã tách quyền và trách nhiệm của từng chủ thể trong BVMT (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo

và cộng đồng dân cư). Căn cứ vào tính chất, chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể để quy định rõ quyền, trách nhiệm và có quy định rõ trách nhiệm của từng tổ chức chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam), các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các liên hiệp hội và các tổ chức xã hội khác; Quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, các cấp chính quyền trong khuyến khích, hỗ trợ các đoàn thể nhân dân và cộng đồng dân cư tham gia BVMT; Xác định rõ, người đại diện cho cộng đồng dân cư là Ban Mặt trận Tổ quốc ở thôn, làng, xóm, bản, phum, sóc, tổ dân phố...; Những quy định của chương đoàn thể và cộng đồng sẽ không làm tăng thêm biên chế của Nhà nước, không làm tăng ngân sách của Nhà nước cấp cho sự nghiệp BVMT; ghi nhận vấn đề giới trong BVMT■

Nội dung cơ bản của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT quy định chi tiết hướng dẫn một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP

LÊ THỊ MINH ÁNH
Tổng cục Môi trường

Ngày 13/5/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT (Nghị định số 40/2019/NĐ-CP). Để hướng dẫn triển khai thi hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, ngày 31/12/2019, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (QTMT). Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/2/2020.

Thông tư gồm 7 chương, 40 điều và 6 Phụ lục hướng dẫn cụ thể các nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường (ĐTM), kế hoạch BVMT và cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; công bố danh mục sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường; tiêu chí lựa chọn, thẩm định công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH); đóng bã chôn lấp CTRSH; quản lý chất lượng môi trường; quản lý hoạt động dịch vụ QTMT; báo cáo công tác BVMT. Sau đây là một số điểm mới về pháp luật BVMT của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT:

Về mẫu báo cáo ĐTM: Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT quy định cụ thể, chi tiết cấu trúc và nội dung của báo cáo ĐTM. Tại mẫu báo cáo này đã nêu những dự án thuộc Phụ lục IIa có lưu lượng xả thải lớn phải tham vấn ít nhất 10 chuyên gia, nhà khoa học, các dự án còn lại thuộc Phụ lục IIa thực hiện tham vấn ít nhất 3 chuyên gia, nhà khoa học; việc lấy ý kiến của tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình được áp dụng đối với các dự án có nguy cơ bồi lấp, xói lở hoặc xâm nhập mặn do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; dự án có hoạt động nhận chìm vật, chất nạo vét xuống biển có tổng khối lượng từ 5.000.000 m³ trở lên; các dự án có lưu lượng nước thải công nghiệp từ 10.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên (trừ các trường hợp đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và nước thải của dự án nuôi trồng



▲ Thực hiện kiểm soát hiện trạng bãi chôn lấp CTRSH sau khi đóng cửa theo đúng quy trình

thủy sản) hoặc lưu lượng khí thải từ 200.000 m³/giờ trở lên.

Về số thay đổi sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt: Khác với quy định trước đây là bất cứ thay đổi nào, chủ dự án cũng phải được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM, theo quy định mới chỉ những thay đổi làm tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ thì tùy từng trường hợp, chủ cơ sở, khu công nghiệp (KCN), dự án mới phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM để chấp thuận thay đổi hoặc lập lại báo cáo ĐTM. Đối với những thay đổi khác, chủ cơ sở, KCN, dự án tự quyết định, không phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở: Thông tư quy định về mẫu tổ hợp và quan trắc, đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất của từng công đoạn và giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải, khí thải. Theo đó, trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất của từng công đoạn thì lấy mẫu tối thiểu là 15 ngày/ lần trong ít nhất 75 ngày (tức là tối thiểu 5 ngày lấy mẫu tổ hợp) với thông số quan trắc từng công đoạn xử lý là thông số ô nhiễm chính đã được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn. Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải, công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải thì lấy mẫu ít nhất là 1 ngày/lần trong 7 ngày liên tiếp (tối thiểu 1 mẫu đầu vào đối với nước thải, 7 mẫu đầu ra đối với nước thải, bụi, khí thải), trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được, thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp. Thông số quan trắc thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải. Đối với những dự án, cơ sở đã có thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải trước ngày 15/2/2020, chủ dự án, cơ sở chỉ thực hiện quan trắc trong giai đoạn vận hành ổn

định mà không phải thực hiện quan trắc trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất của từng công đoạn xử lý.

Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải: Thông tư hướng dẫn kỹ thuật đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong trường hợp chủ dự án lựa chọn giải pháp kỹ thuật được khuyến khích là xây dựng các bể sự cố quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Ngoài giải pháp kỹ thuật nêu trên, chủ dự án, cơ sở, KCN căn cứ vào đặc điểm, tải lượng dòng thải của mình có thể đề xuất với cơ quan có thẩm quyền giải pháp khác để thực hiện công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và phù hợp với kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của chủ dự án, cơ sở, KCN.

Về xử lý CTRSH: Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn, đánh giá và công bố công nghệ xử lý CTRSH. Theo đó, công nghệ xử lý CTRSH sẽ được thẩm định, xem xét cho ý kiến đáp ứng yêu cầu BVMT theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; trên cơ sở kết quả xác nhận hoàn thành công trình BVMT, Bộ TN&MT ban hành và cập nhật danh mục công nghệ xử lý CTRSH, công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ TN&MT. Đồng thời, Thông tư quy định quy trình đóng bã chôn lấp (BCL) CTRSH họp vệ sinh với các nội dung xác định các trường hợp đóng BCL, thủ tục đóng BCL, trình tự đóng BCL, kiểm soát hiện trạng BCL sau khi đóng BCL và điều kiện tái sử dụng BCL, trách nhiệm của chủ BCL sau khi đóng BCL.

Quản lý chất lượng môi trường: Thông tư quy định về quan trắc, đánh giá và công bố hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt lục địa, môi trường không khí; điều tra, đánh giá, cảnh báo chất lượng môi trường; xác định mức độ, phạm vi, nguyên nhân ô nhiễm và cải tạo, phục hồi môi trường đất. Theo đó, chỉ số chất lượng nước, chất lượng không khí phải được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Các khu vực có khả năng bị ô nhiễm được tổ chức điều tra, đánh giá sơ bộ theo quy trình cụ thể để xác định và công bố khu vực có hoặc không bị ô nhiễm. Trường hợp khu vực bị ô nhiễm được điều tra, đánh giá chi tiết và phân loại theo 3 mức gồm: Ô nhiễm môi trường (ÔNMT), ÔNMT nghiêm trọng và ÔNMT đặc biệt nghiêm trọng; Tổ chức, cá nhân được xác định là đối tượng gây ô nhiễm

có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá chi tiết khu vực bị ô nhiễm, thực hiện xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường và báo cáo kết quả cho Bộ TN&MT hoặc UBND cấp tỉnh.

Báo cáo công tác BVMT: Trước đây, cơ sở, dự án phải thực hiện nhiều các báo cáo về BVMT định kỳ trong đó có nhiều thông tin trùng lắp bao gồm báo cáo quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, báo cáo quan trắc tự động liên tục, báo cáo quản lý CTRSH, báo cáo quản lý CTR công nghiệp thông thường, báo cáo quản lý chất thải nguy hại, báo cáo về quản lý phế liệu nhập khẩu, báo cáo kết quả giám sát và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. Theo quy định mới, chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chỉ phải lập 1 báo cáo công tác BVMT định kỳ theo mẫu quy định và gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31/1 của năm tiếp theo, báo cáo lần đầu được gửi trước ngày 31/1/2021. Tại mẫu báo cáo công tác BVMT đã tích hợp đầy đủ các nội dung về quan trắc, giám sát môi trường, quản lý nước thải, CTR, chất thải nguy hại, nhập khẩu phế liệu, cải tạo, phục hồi trong khai thác khoáng sản. Các cơ sở, dự án không phải gửi kèm các tài liệu có liên quan (biên bản bàn giao, liên chứng từ...) mà các tài liệu này được lưu giữ tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra. Đây là nội dung mới nhằm thực hiện chủ trương cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật của KCN thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về BVMT KCN.

Quản lý hoạt động dịch vụ QTMT: Thông tư quy định về đăng ký hoạt động thử nghiệm môi trường; trách nhiệm của tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT sau khi được cấp giấy chứng nhận; việc quản lý hoạt động dịch vụ QTMT đối với các đơn vị thứ cấp. Cụ thể, tổ chức đề nghị đăng ký hoạt động thử nghiệm phù hợp với lĩnh vực môi trường và đăng ký chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ QTMT có thể lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm phù hợp với lĩnh vực môi trường và Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ QTMT theo quy định về liên thông thủ tục hành chính do Bộ TN&MT ban hành.

Tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT: Thông tư quy định về đăng ký hoạt động thử nghiệm môi trường; trách nhiệm của tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm phù hợp với lĩnh vực môi trường và đăng ký chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ QTMT theo quy định về liên thông thủ tục hành chính do Bộ TN&MT ban hành. Tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT phải lập hồ sơ bản giấy hoặc bản điện tử để lưu trữ và theo dõi riêng đối với hoạt động quan trắc môi trường mà tổ chức thực hiện để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Khi tham gia cung cấp dịch vụ QTMT trường hợp tổ chức ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng thì các hợp đồng phải có ký hiệu riêng của tổ chức để nhận biết, ghi rõ ngày, tháng, năm của hợp đồng. Ký hiệu riêng phải được đánh số thứ tự bảo đảm đúng trình tự thời gian ký kết hợp đồng. Trả kết quả cho khách hàng thông qua phiếu kết quả quan trắc được người có thẩm quyền của tổ chức ký, đóng dấu với các thông tin cơ bản theo quy định. Trường hợp có liên kết với các đơn vị quan trắc thứ cấp thì biên bản bàn giao mẫu giữa tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT và đơn vị quan trắc thứ cấp phải được lưu giữ trong hồ sơ của mỗi đơn vị■

Quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét để nhận chìm và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở biển Việt Nam

TS. DƯ VĂN TOÁN

Viện Nghiên cứu biển và hải đảo

Trong những năm qua, biển và đại dương đang bị ô nhiễm do các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Một trong các nguồn gây ô nhiễm là việc nhận chìm bất hợp pháp chất thải và chất khác xuống biển, đại dương. Do vậy, cần kiểm soát và quản lý hiệu quả hoạt động nhận chìm nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, kết hợp hài hòa giữa BVMT và phát triển KT-XH.

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, nhận chìm chất nạo vét tại các cảng biển, luồng lạch xuống biển vẫn được thực hiện. Theo số liệu của ngành Hàng Hải, hàng năm, thế giới có khoảng 250 - 500 triệu tấn vật chất được nhận chìm, trong đó, Việt Nam có khoảng hơn 20 triệu tấn chất nạo vét được cấp phép cho nhận chìm ở biển. Tuy nhiên, không phải chất nạo vét nào cũng được nhận chìm xuống biển, cũng như không phải khu vực nào trên biển cũng cho phép nhận chìm, mà cần có các quy định kỹ thuật đánh giá rõ ràng đối với chất nạo vét để nhận chìm và lựa chọn khu vực nhận chìm tối ưu về mức độ an toàn môi trường, sinh thái biển.



▲ Việt Nam có khoảng hơn 20 triệu tấn chất nạo vét được cấp phép cho nhận chìm ở biển mỗi năm

Nhằm góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý hoạt động nạo vét, nhận chìm ở biển của Việt Nam, các nội dung quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 Quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 18/2/2020. Thông tư bao gồm 4 Chương và 24 Điều, trong đó chương I về quy định chung (từ điều 1 - 4); chương II về quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét (từ điều 5 - 14); chương III về quy định kỹ thuật xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở biển (từ điều 14 - 22); chương IV

về các điều khoản thi hành (từ điều 23 - 24). Thông tư có phạm vi điều chỉnh về quy định kỹ thuật về đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam. Đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam.

Việc áp dụng các phương pháp quan trắc, phân tích, đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển, xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét phải tuân thủ theo các phương pháp được quy định tại Thông tư này và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Trường hợp các phương pháp tiêu chuẩn quốc tế, phương pháp tiêu chuẩn khu vực hoặc phương pháp tiêu chuẩn nước ngoài chưa được quy định tại Thông tư này sẽ được xem xét, chấp nhận sử dụng nếu có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn. Trường hợp các phương pháp quan trắc, phân tích, đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển, xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét quy định tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các phương pháp mới thì áp dụng theo các phương pháp mới.

Thông tư cũng quy định nội dung và các bước đánh giá chất nạo vét như: Đặc điểm

thành phần, tính chất vật lý, hàm lượng chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét; khả năng lắng đọng, tạo cặn chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét; mức độ khả dụng sinh học chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét; độc tính của chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét; khả năng tích lũy sinh học của chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét. Việc lựa chọn các thông số phục vụ đánh giá chất nạo vét phải đánh giá, xác định được các nguồn, hoạt động có khả năng gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới môi trường khu vực nạo vét. Qua đó, xác định danh sách các thông số phân tích phục vụ đánh giá chất nạo vét; đánh giá các điều kiện phục vụ công tác phân tích, phương pháp, giới hạn định lượng thực tế của việc phân tích.

Với các mẫu vật chất thu thập được phải lập kế hoạch phân tích mẫu để xác định mức độ bảo đảm chất lượng cho toàn bộ công việc lấy mẫu, lưu trữ và phân tích mẫu phù hợp với các phương pháp phân tích được sử dụng. Các nội dung liên quan đến điều kiện bảo quản mẫu, độ sâu lấy mẫu, số lượng mẫu, bảm đồ khu vực lấy mẫu, các phương pháp thí nghiệm phân tích mẫu.

Đồng thời, Thông tư yêu cầu tiến hành phân tích, thử nghiệm liên quan đến sinh học đối với chất nạo vét thì phải quan sát được các phản ứng dương tính của sinh vật với chất gây ô nhiễm trong bể thử nghiệm nhằm xác định phản ứng bất thường của loài sinh vật khi bị phơi nhiễm với chất gây ô nhiễm; quan sát các phản ứng âm tính của sinh vật với các chất gây ô nhiễm (các sinh vật ở trạng thái bình thường không bị phơi nhiễm khi tiếp xúc với chất gây ô nhiễm có trong chất nạo vét); các sơ đồ kiểm soát nhằm ghi lại thời điểm, nồng độ chất gây ô nhiễm khi xảy ra các phản ứng bất thường của sinh vật.

Về đánh giá độc tính chất nạo vét, tiến hành lựa chọn phương pháp thử nghiệm độc tính của chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét theo phương pháp quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành tương ứng. Trường hợp phương pháp tiến hành thử nghiệm độc tính của chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét không có trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành thì áp dụng theo các hướng dẫn quốc tế ASTM E1367-99, ASTM E1525-02, ASTM E1391-03, ASTM E1706-05, ASTM E1367-03. Bên cạnh đó, việc xác định ranh giới, diện tích khu vực biển để xuất nhận chìm chất nạo vét được nối bằng các đường khép kín bao gồm các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ cụ thể và được thể hiện bằng sơ đồ khu vực biển trên nền bản đồ địa hình đáy biển với tỷ lệ thích hợp.

Đặc biệt, khu vực biển đề xuất sử dụng để nhận chìm chất nạo vét phải bảo đảm các yêu cầu: Không gây ra tác động có hại đến sức khỏe con người, tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước; hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới môi trường, hệ sinh thái biển, nguồn lợi thủy sản theo quy định pháp luật; không gây ảnh hưởng đến an toàn sử dụng công trình cảng biển và luồng hàng hải, các công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện ở biển, hoạt động của tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; không ảnh hưởng đến các hoạt động quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển. Trong đó, thông tin, tài liệu, dữ liệu cần thu thập, tổng hợp về khu vực có thể nhận chìm chất nạo vét gồm: Vị trí, tọa độ khu vực, khoảng cách tới bờ biển, hải đảo và tới khu vực nạo vét, diện tích, độ sâu; đặc tính khối nước của khu vực có thể nhận chìm chất nạo vét và vùng phụ cận (độ sâu; đặc tính phân tầng theo mùa và các điều kiện thời tiết khác nhau; đặc điểm sóng, gió, thủy triều, dòng chảy biển; biến thiên nhiệt độ, độ muối, pH và ôxy hòa tan theo độ sâu; chất rắn lơ lửng, độ đục hoặc độ trong suốt của khối nước); thông tin, tài liệu, dữ liệu về đặc điểm đáy biển (địa hình đáy biển; cấp phối hạt trầm tích); đặc điểm vận chuyển bùn cát đáy, bồi tụ, xói lở đáy; hóa học trầm tích; hình ảnh, video đại diện đáy biển khu vực; thông tin, tài liệu, dữ liệu về các hệ sinh thái của khu vực có thể nhận chìm chất nạo vét và vùng phụ cận...

Theo đó, có 4 bước đánh giá, xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét bao gồm: Thu thập, tổng hợp thông tin, tài liệu, dữ liệu phục vụ xác định khu vực có thể nhận chìm chất nạo vét; đề xuất các khu vực khả thi nhận chìm chất nạo vét; đánh giá chi tiết các khu vực để xuất nhận chìm chất nạo vét; so sánh, lựa chọn, xác định các khu vực có thể nhận chìm chất nạo vét. Các khu vực đề xuất nhận chìm chất nạo vét ở biển cần được đánh giá chi tiết bằng tổ hợp các phương pháp khảo sát và mô hình mô phỏng quá trình phát tán, lan truyền, biến đổi, chuyển hóa chất gây ô nhiễm trong chất nạo vét với các nội dung chính gồm: các đặc trưng, đặc tính vật lý, hóa học, sinh học của các khu vực để xuất nhận chìm chất nạo vét; mức độ ảnh hưởng của hoạt động nhận chìm chất nạo vét tới tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái biển, các hoạt động KT-XH, quốc phòng, an ninh tại các khu vực để xuất nhận chìm và vùng phụ cận...

Thông tư quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam được ban hành là một công cụ bổ sung thêm cho việc chi tiết hóa các nội dung của Hồ sơ nhận chìm đã được quy định tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Đồng thời, Thông tư cũng góp phần thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về việc đánh giá chất nạo vét để nhận chìm và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở biển Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế hàng hải song hành cùng công tác BVMT, sinh thái biển bền vững ở nước ta■

Đề xuất hoàn thiện bộ tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020

NGUYỄN HOÀNG ÁNH

Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý chất lượng môi trường,
Tổng cục Môi trường

BVMT được xem là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, là một trong những mục tiêu cơ bản của phát triển bền vững. Tại nhiều vùng nông thôn, tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới (NTM) đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể địa phương phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm BVMT của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định, môi trường là một trong ba vấn đề cần được quan tâm thực hiện giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, tiêu chí môi trường (gồm 8 chỉ tiêu) là một trong những tiêu chí quan trọng được tăng cường, tập trung chỉ đạo, thực hiện, kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong thời gian qua. Nhằm thực hiện hiệu quả tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM giai đoạn tiếp theo, một số đánh giá về bộ tiêu chí môi trường hiện hành và đề xuất ý kiến hoàn thiện bộ tiêu chí trong thời gian tới (sau năm 2020) là cần thiết và có ý nghĩa tích cực.

ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN KHI THỰC HIỆN TIÊU CHÍ 17 VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG XÂY DỰNG NTM

Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 đưa ra 19 tiêu chí về các lĩnh vực khác nhau theo yêu cầu của một xã NTM, trong đó có tiêu chí 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm) có 8 nội dung. Trong mỗi nội dung của tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm (chủ yếu liên quan đến môi trường) đã sơ bộ đưa ra các chỉ tiêu đánh giá chung cho cả nước và chỉ tiêu đánh giá



▲ Hội nghị toàn quốc đánh giá tình hình triển khai thực hiện Tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 và định hướng cho giai đoạn sau năm 2020 do Bộ TN&MT tổ chức tại TP. Hưng Yên, ngày 10/12/2019

cho 7 vùng sinh thái: Trung du, miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Để tiếp tục nâng cao và duy trì bền vững các tiêu chí, Bộ NN&PTNT đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xã NTM kiểu mẫu, trong đó tiêu chí môi trường nhấn mạnh vào những vấn đề nổi cộm, cần tiếp tục duy trì và siết chặt theo hướng lượng hóa các chỉ tiêu để giữ gìn cảnh quan và hạn chế ô nhiễm môi trường tại khu vực nông thôn theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 bao gồm các nội dung: Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên; 60% trở lên số tuyến

đường xã, thôn, bản, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến; có mô hình BVMT (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về BVMT) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút sự tham gia của cộng đồng; 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.

Có thể nói, Bộ tiêu chí xây dựng NTM đã đề cập tới các hoạt động BVMT, thể hiện tính toàn diện và đa lĩnh vực. Tiêu chí 17 với 8 nội dung được cụ thể hóa đã tác động tích cực, góp phần nâng cao nhận

thúc và hành động BVMT ở nông thôn. Đây là căn cứ để xây dựng và triển khai chính sách về BVMT tại các địa phương như: Đề án thu gom, xử lý rác thải và thành lập các tổ thu gom rác; việc thu gom, xử lý rác được giao cho hợp tác xã, doanh nghiệp có năng lực; Tiêu chí BVMT đã được gắn với gia đình văn hóa, đưa tiêu chí BVMT vào quy ước, hương ước của bản. Nhiều phong trào, mô hình về BVMT được duy trì có hiệu quả như: Vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm, phong trào “5 không, 3 sạch” do Hội Phụ nữ làm nòng cốt... Đặc biệt, Bộ tiêu chí này có vai trò điều phối, kết nối về chức năng quản lý, BVMT khu vực nông thôn. Tiêu chí môi trường liên quan đến nhiều lĩnh vực, đòi hỏi cần có sự phối hợp, vào cuộc của các ngành, các cấp chính quyền trong công tác chỉ đạo điều hành, triển khai chính sách. Vai trò của các ngành: NN&PTNT, TN&MT, Xây dựng, Y tế... hay các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên... đều được thể hiện rõ và đầy đủ. Đồng thời, nội dung của tiêu chí môi trường cũng trở thành công cụ để thực hiện vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc trong xây dựng NTM.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các nội dung của tiêu chí 17 trong thời gian qua vẫn còn những bất cập, tồn tại: Quá trình triển khai thực hiện Tiêu chí 17 về môi trường không đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn, mà phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức, ý thức trách nhiệm của chính quyền và người dân. Bài học từ nhiều địa phương cho thấy, sau thời điểm công nhận, một số địa phương mà không tiếp tục quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện, nên kết quả đạt được không được giữ vững. Tiêu chí 17 về môi trường là một trong những tiêu chí không ổn định, thường xuyên thay đổi và chịu ảnh hưởng từ các rào cản của các tiêu chí khác về hạ tầng (hệ thống đường, thu gom nước thải, tiêu thoát nước mưa)...

Nhìn chung, nông nghiệp, nông thôn đang bước vào giai đoạn phát triển mới, đứng trước những yêu cầu về quá trình đô thị hóa, yêu cầu về bảo tồn và giữ gìn cảnh quan, văn hóa truyền thống..., do đó, cần xác định các hoạt động BVMT là yếu tố then chốt đánh giá chất lượng NTM, cần nhận diện được chuyển đổi cấu trúc nông thôn về kinh tế, xã hội, môi trường trong mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị, giữa kinh tế và môi trường hướng tới phát triển bền vững. Các vấn đề về môi trường

nông thôn cần được quan tâm nghiên cứu gồm: Chức năng về BVMT của nông thôn trong tương lai; thiết kế cảnh quan môi trường nông thôn; cơ sở hạ tầng môi trường cần được ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách trong xây dựng NTM...

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN TIÊU CHÍ 17 CHO PHÙ HỢP VỚI GIAI ĐOẠN TIẾP THEO (2021 - 2025)

Cần tiếp tục và hoàn thiện xây dựng tiêu chí môi trường trong xây dựng xã NTM áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025, trên cơ sở kế thừa tiêu chí về xã NTM giai đoạn 2016-2020 để có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp, khắc phục hạn chế đã được đề cập.

Tiêu chí môi trường là tiêu chí động, thay đổi thường xuyên theo tốc độ phát triển kinh tế. Vì vậy để thực hiện có kết quả tốt phải có quyết tâm chính trị cao, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, liên tục của các cấp ủy, chính quyền, nhất là có vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc cùng với sự quan tâm của toàn xã hội. Điều này có ý nghĩa quan trọng dẫn dắt và thúc đẩy thực hiện tiêu chí môi trường trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

Về nội dung cần điều chỉnh, bổ sung: Tách tiêu chí về an toàn thực phẩm để thuận lợi cho việc hướng dẫn, đánh giá kiểm tra chuyên ngành, đồng thời có những chỉ số lượng hóa rõ hơn nhằm thúc đẩy việc bảo vệ tài nguyên tự nhiên, cảnh quan và môi trường; xây dựng bộ tiêu chí phân theo vùng để đảm bảo việc xây dựng NTM phù hợp

với các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa (tỷ lệ thu gom, phân loại chất thải rắn; xây dựng nghĩa trang, bãi rác theo cụm xã...); Nên chia thành nhóm chỉ tiêu bắt buộc, nhóm chỉ tiêu khuyến khích (trồng hoa bên đường, đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đường). Triển khai thực hiện xây dựng tiêu chí, đáp ứng đúng thực chất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp đặc thù từng xã; tránh việc làm hình thức, múa mỏc theo tiêu chí, gây lãng phí nguồn lực.

Cần xây dựng định mức, tiêu chuẩn thiết kế đối với công trình thoát nước, xử lý nước thải nông thôn; quy định về tỷ lệ nước thải được thu gom phù hợp với từng vùng miền; quy định về yêu cầu vệ sinh môi trường trong tái sử dụng nước thải cho mục đích tưới tiêu. Các chỉ tiêu 17.3, 17.4, 17.5 cần quy định tỷ lệ % đạt chuẩn để có cơ sở đánh giá (như quy định rõ tỷ lệ hộ gia đình phải thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt; tỷ lệ hộ gia đình phân loại rác tại nguồn; tỷ lệ các tuyến đường trồng cây, trồng hoa; cần lượng hóa trong bảo vệ rừng, nguồn nước, đất đai và các nguồn tài nguyên khác).

Có thể nói, nông thôn Việt Nam đang từng bước chuyển mình, có nhiều thay đổi trước những yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi bộ mặt nông thôn về hạ tầng cơ sở, cảnh quan, chất lượng sống... theo hướng phát triển bền vững. Vì vậy, tiêu chí 17 về môi trường trong bộ tiêu chí về NTM càng được quan tâm và cần xem xét đánh giá, bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình phát triển của nông thôn Việt Nam trong thời kỳ mới■

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 3 nhiệm vụ: Lập quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) (Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 3/2/2020); lập quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia (Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 14/2/2020); lập quy hoạch BVMT (Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/2/2020), thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc lập quy hoạch nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan.

Mục tiêu tổng quát và tầm nhìn của quy hoạch bảo tồn ĐDSH là xác định được các mục tiêu cơ bản, có tính chất chủ đạo, xuyên suốt nhằm định hướng việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH của Việt Nam trong thời kỳ quy hoạch; bảo đảm các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài, nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm được bảo tồn và phát triển bền vững; tăng cường hợp tác hiệu quả giữa các ngành trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và bảo tồn ĐDSH; xác định được tầm nhìn đến năm 2050 đối với ĐDSH Việt Nam. Trên cơ sở các mục tiêu tổng quát, phải xác định được các mục tiêu cụ thể mang tính định lượng cho thời kỳ 2021 - 2030 theo từng vùng sinh thái trên toàn quốc và đối với từng đối tượng quy hoạch bao gồm: Các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn ĐDSH, hành lang ĐDSH, khu vực ĐDSH cao, cảnh quan sinh thái quan trọng và vùng đất ngập nước quan trọng; định hướng các hoạt động nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên tại các khu vực ĐDSH cao, cảnh quan sinh thái, vùng đất ngập nước quan trọng.

Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia đặt ra mục tiêu là xây dựng quy hoạch tổng thể hệ thống quan trắc môi trường quốc gia bao gồm chương trình quan trắc chất lượng môi trường tại các lưu vực sông và hồ liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, khu vực tập trung nhiều nguồn thải, có nguồn thải lớn tác động liên tỉnh, quan trắc môi trường xuyên biên giới và chương trình quan trắc ĐDSH để đánh giá hiện trạng, theo dõi diễn biến chất lượng môi

trường, kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường phục vụ công tác quản lý và công khai thông tin tới cộng đồng.

Đối với quy hoạch BVMT, phải xác định được các mục tiêu cơ bản, có tính chất chủ đạo, xuyên suốt nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên, kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, quản lý chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, các bon thấp và phát triển bền vững đất nước. Đồng thời, định lượng được các mục tiêu cụ thể về xác lập vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên ĐDSH; hình thành các khu quản lý chất thải rắn, nguy hại tập trung; thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo về chất lượng môi trường trên phạm vi cả nước cho giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn năm 2050.

VN

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THAN



Để đảm bảo an toàn, tin cậy trong quá trình sản xuất cũng như công tác BVMT, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 515/BCT-ATMT ngày 21/1/2020 về việc tăng cường công tác BVMT nhà máy nhiệt điện than. Theo đó, Bộ Công Thương yêu cầu các nhà máy thực hiện các giải pháp tuần hoàn, tái sử dụng triệt để nước thải sau xử lý cho công đoạn sản xuất, hoạt động của nhà máy. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước làm mát đầu ra theo đúng các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường, đặc biệt là các thông số về nhiệt độ và hàm lượng clo dư; Kiểm soát chặt chẽ chất lượng khí thải đầu ra đáp ứng đúng cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường; Nghiên cứu và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo đưa hệ thống lọc bụi tĩnh điện vào hoạt động ngay từ đầu của quá trình khởi động, thay thế sử dụng dầu đốt kèm từ FO sang DO, hoàn thành việc lắp đặt và truyền số liệu quan trắc khí thải tự động đến các cơ quan môi trường địa phương. Đối với chất thải rắn, các nhà máy phải lập, phê duyệt và thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Đề án tiêu thụ, xử lý tro, xỉ, thạch cao theo quy định; Tăng cường các biện pháp giảm thiểu bụi từ kho than, khu vực cảng than, việc vận chuyển, lưu giữ tro, xỉ tại bãi xỉ.

NAM VIỆT

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ KIỂM SOÁT VIỆC NUÔI NHỐT, BUÔN BÁN, TIÊU THỤ TRÁI PHÉP ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19, ngày 14/2/2020, Bộ TN&MT đã ban hành Công văn số 676/BTNMT-TCMT về tăng cường biện pháp quản lý chất thải và Công văn số 679/BTNMT-TCMT về tăng cường quản lý động vật hoang dã và kiểm soát việc nuôi nhốt, buôn bán, tiêu thụ trái phép.

Tại Công văn số 676/BTNMT-TCMT, Bộ TN&MT đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp chặt chẽ và chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tại địa phương tăng cường thực hiện một số công tác gồm: Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng các khuyến cáo, hướng dẫn của Bộ Y tế về việc sử dụng khẩu trang phòng, chống dịch bệnh; tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức của nhân dân về việc sử dụng khẩu trang thông thường trong hoạt động sinh hoạt bình thường của người dân; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các tổ chức, cá nhân có hành vi thu gom khẩu trang y tế đã qua sử dụng để tái sử dụng nhằm trực lợi bất chính, trường hợp phát hiện xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật; tăng cường chỉ đạo, giám sát đối với công tác thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn nói chung, chất thải rắn sinh hoạt nói riêng; xây dựng kế hoạch xử lý chất thải rắn trước mắt và lâu dài ở cấp tỉnh.

Đối với các cơ sở y tế thực hiện nghiêm quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ TN&MT quy định về quản lý chất thải y tế, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/5/2015 của Bộ TN&MT về quản lý chất thải nguy hại; tăng cường kiểm tra, giám sát việc xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải nguy hại (có xử lý chất thải y tế lây nhiễm) tại địa phương và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT; chỉ đạo các cơ sở y tế và khu vực cách ly tập trung bố trí các điểm thu gom, lưu giữ khẩu trang y tế theo đúng quy định; hướng dẫn người dân đến các cơ sở y tế thăm, khám trước khi ra về phải thải bỏ vào các thiết bị lưu chứa chất thải y tế và xử lý theo đúng quy định để ngăn ngừa nguy cơ phát tán mầm bệnh.



Tại Công văn số 679/BTNMT-TCMT, Bộ TN&MT đề nghị các Bộ, ngành và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo cơ quan truyền thông, các ban, ngành, đơn vị tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức cho người dân về việc không săn bắt, buôn bán, nuôi nhốt, tiêu thụ trái phép động vật hoang dã, các mối nguy cơ lây nhiễm bệnh dịch từ việc tiêu thụ, tiếp xúc với động vật hoang dã; chỉ đạo cơ quan thực thi pháp luật (kiểm lâm, quản lý thị trường, hải quan, biên phòng, công an) tăng cường phối hợp liên

ngành, thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra các nhà hàng, cơ sở kinh doanh, ngăn chặn hoạt động buôn bán động vật hoang dã tại các chợ động vật tự phát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ các loài động vật hoang dã; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã tăng cường công tác kiểm dịch, khử trùng, hạn chế việc tiếp xúc với động vật hoang dã, thường xuyên liên lạc với các cơ quan quản lý chuyên môn của tỉnh để nắm bắt thông tin về tình hình phát sinh dịch bệnh và lây nhiễm.

NGUYỄN HẰNG

Covid-19: Hồi chuông cảnh tỉnh từ nạn săn bắt và tiêu thụ động vật hoang dã

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN

NGUYỄN THỊ PHÚ HÀ

WWF tại Việt Nam

Sau khi bùng phát tại Vũ Hán (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc) từ cuối năm 2019, dịch bệnh do virus Corona chủng mới đã khiến hơn 2.762 người thiệt mạng và hơn 80.995 người nhiễm trên toàn cầu (tính đến ngày 26/2/2020). Trước tình hình dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, chính quyền Trung Quốc đã ban hành lệnh cấm tạm thời đối với buôn bán động vật hoang dã để chống lại sự lây lan của loài virus này. Tuy nhiên, các nhà bảo tồn trên thế giới đang dùng cơ hội này để yêu cầu một lệnh cấm vĩnh viễn nạn buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã.



▲ Chợ Hoa Nam (Vũ Hán - Trung Quốc)

Dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (nCoV) gây ra đang lây nhiễm rất nhanh, nghiêm trọng và đã ở mức rất cao tại Trung Quốc. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã tuyên bố tình trạng y tế khẩn cấp toàn cầu. Virus Corona là một loại virus đường hô hấp mới gây bệnh viêm đường hô hấp cấp ở người và cho thấy có sự lây lan từ người sang người. Virus này được xác định trong một cuộc điều tra ổ dịch bắt nguồn từ khu chợ lớn chuyên bán hải sản và động vật ở Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Virus Corona là chủng virus mới chưa được xác định trước đó. Ngoài chủng virus Corona mới phát hiện này, đã có 6 chủng virus Corona khác được biết tới ngày nay có khả năng lây nhiễm ở người.

Virus Corona là một betacoronavirus, giống như MERS và SAR, tất cả đều có nguồn gốc từ vật chủ là loài dơi. Virus Corona là một họ virus lớn, phổ biến ở nhiều loài động vật khác nhau, bao gồm lạc đà, mèo và dơi. Phân tích cây di truyền của virus này đang được tiếp tục để biết nguồn gốc cụ thể của virus. SARS, một loại corona virus khác xuất hiện lây nhiễm cho người, bắt nguồn loài từ cây hương, trong khi MERS, một loại coronavirus khác lây nhiễm cho người, bắt nguồn từ lạc đà.

Virus này ban đầu xuất hiện từ nguồn động vật nhưng có khả năng lây lan từ người sang người. Điều quan trọng cần lưu ý là sự lây lan từ người sang người có thể xảy ra liên tục. Ở người, virus lây từ người này sang người kia thông qua tiếp xúc với dịch cơ thể của người bệnh. Tùy thuộc vào mức độ lây lan của chủng virus, việc ho, hắt hơi hay bắt tay có thể khiến người xung quanh bị phơi nhiễm. Tính đến ngày 26/2/2020, con số người chết vì virus Corona mới vượt quá con số 2.000. Số lượng người bị lây nhiễm bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc tiếp tục gia tăng.

Cho đến nay, đại đa số các trường hợp lây nhiễm ở ngoài biên giới Trung Quốc đều do những người đến từ vùng tâm dịch Vũ Hán. Trước hiện tượng mới đáng lo ngại này, Tổng Giám đốc Tổ chức Y tế thế giới Tedros Adhanom Ghebreyesus cảnh báo cho dù trong hiện tại, hiện tượng được ghi nhận này mới chỉ là "một tia lửa nhỏ", nhưng có thể làm bùng lên

một trận hỏa hoạn lớn. Tổng giám đốc WHO nhấn mạnh là mục tiêu hiện nay là phải cô lập, ngăn chặn ngay từ đầu nguy cơ lan rộng của các tia lửa nhỏ, và kêu gọi cộng đồng quốc tế tập trung nỗ lực phòng dịch. Ngày 11/2/2020, WHO công bố tên gọi mới của chủng virus Corona gây bệnh viêm phổi là Covid-19

Trước tình hình dịch bệnh có những diễn biến phức tạp, Chính phủ Trung Quốc đã ban bố lệnh tạm cấm việc mua, bán các loài hoang dã tại các chợ, các nhà hàng và trên các nền tảng trực tuyến. Những tác động tiêu cực của việc buôn bán bất hợp pháp

trong lịch sử cận đại cho thấy cần phải hành động khẩn trương và tăng cường nâng cao nhận thức về các nguy cơ tiềm ẩn tới sức khỏe con người do buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã gây ra.

Các thị trường buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã còn sống hay đã chết rất phổ biến ở nhiều nước châu Á, đặc biệt là ở lưu vực sông Mê Kông, trong đó có Việt Nam, khu vực Tam giác vàng, điểm gặp nhau giữa Thái Lan, Lào và Myanmar, rất gần với biên giới Trung Quốc. Những kẻ săn trộm trái bẫy khắp nơi để săn bắt thú rừng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở khu vực và đã trở thành vấn nạn phổ biến ở các nước. Kết cục là rất nhiều khu rừng nhiệt đới ở châu Á đang trở thành rừng rỗng, không còn các quần thể thú đặc hữu, quý và hiếm. Vì vậy việc buôn bán các loài hoang dã này cần phải được cấm tuyệt đối. Đáng tiếc là, nhiều quốc gia đã có luật cấm buôn bán, săn bắt các loài hoang dã nguy cấp, nhưng việc thực thi pháp luật đối với các thị trường bất hợp pháp này thường như bị bỏ ngỏ.

Những hoạt động buôn bán bất hợp pháp này không chỉ là mối đe dọa đối với quần thể các loài hoang dã. Do hoạt động buôn bán này không được kiểm dịch nên nó đã trở thành mối đe dọa đối với sức khỏe con người và vật nuôi, do đó tiềm ẩn những ảnh hưởng khôn lường tới cộng đồng và kinh tế cả ở cấp quốc gia cũng như cấp quốc tế. Virus Corona gây bệnh trên động vật, và có thể truyền từ động vật sang người.

Loại virus này có khả năng tự biến đổi và trú ngụ tại vật chủ là động vật có vú và truyền sang người ở những nơi con người tiếp xúc gần với các

loài thú mang bệnh. Vì vậy, các thị trường buôn bán các động vật hoang dã tạo ra một môi trường tiềm ẩn nguy cơ cao cho các loại virus như thế này biến đổi lây sang con người và đôi khi gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Thêm vào đó, sự thuận tiện của giao thông và phát triển du lịch khiến cho việc phát tán virus từ người mắc bệnh trở nên dễ dàng, các ổ dịch cục bộ có thể nhanh chóng phát triển thành đại dịch.

Việt Nam đã từng chịu ảnh hưởng và thiệt hại về người và của đối với các dịch bệnh nguy hiểm có nguồn gốc từ động vật như SARS và hiện tại là Covid-19. Để tránh sự bùng phát của các dịch bệnh này, Việt Nam cần đóng cửa vĩnh viễn các thị trường buôn bán động vật hoang dã trái phép và tăng cường thực thi pháp luật. Phản ứng nhanh đối với dịch cúm virus corona, chính phủ Trung Quốc đã ban hành lệnh cấm buôn bán động vật hoang dã. Việt Nam cần có những hành động tương tự để đóng góp vào nỗ lực toàn cầu trong việc ngăn chặn dịch bệnh có nguồn gốc từ động vật trong tương lai.

Trong thời gian tới, WWF sẽ làm việc chặt chẽ với các chính phủ ở khu vực châu Á Thái Bình Dương để tiếp tục tăng cường hệ thống pháp lý quốc gia và quốc tế cũng như vận động sự tham gia của ngành y tế công cộng nhằm chấm dứt nạn buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã, bao gồm đóng cửa các thị trường các loài hoang dã chưa được quản lý.

Đồng thời để đảm bảo an toàn quốc gia, an ninh kinh tế và sức khỏe cộng đồng cũng như vì mục tiêu giữ gìn các hệ sinh thái quý giá của Việt Nam, WWF mong muốn Chính phủ Việt Nam thực hiện các hành động mạnh mẽ và bền vững để ngăn chặn mọi hoạt động buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã bất hợp pháp tại Việt Nam với các kiến nghị cụ thể: Xác định và đóng cửa các chợ và các địa điểm có buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp; Xác định và thực thi lệnh cấm với các nhà hàng bán trái phép các sản phẩm thịt hoang dã; Ban hành các quy định bắt buộc với tất cả các nền tảng thương mại điện tử, phương tiện truyền thông xã hội và báo chí trực tuyến để theo dõi, loại bỏ mọi giao dịch, quảng cáo các sản phẩm động vật hoang dã bất hợp pháp; Xây dựng các quy định, quy trình nghiêm ngặt để quản lý hiệu quả hoạt động gây nuôi thương mại; Cải cách thủ tục tư pháp để nâng cao hiệu quả răn đe, phòng ngừa trong công tác xử lý tội phạm về động vật hoang dã; Nâng cao nhận thức hơn nữa cho người dân Việt Nam về những rủi ro của việc tiêu thụ động vật hoang dã đối với an ninh công cộng và sức khỏe cộng đồng.



▲ Các thị trường buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã rất phổ biến ở nhiều nước châu Á, đặc biệt là ở lưu vực sông Mê Kông

Chất lượng môi trường không khí tại một số đô thị trong tháng 1-2 năm 2020

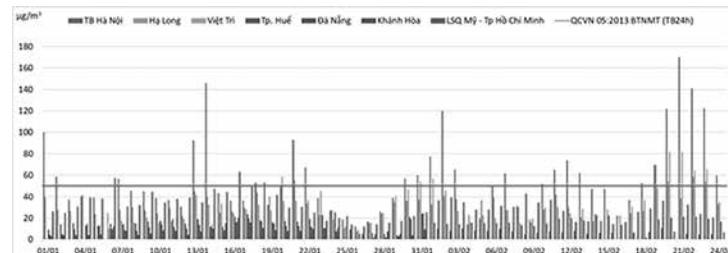
MẠC THỊ MINH TRÀ

Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc
Tổng cục Môi trường

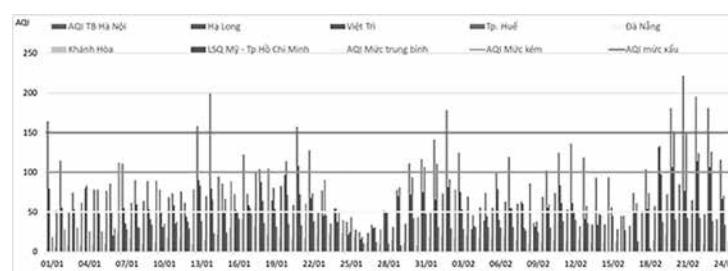
Trong 2 tháng đầu năm 2020, tiếp tục có những diễn biến xấu về chất lượng không khí (CLKK) ở một số đô thị khu vực miền Bắc và miền Nam, đặc biệt là tại TP. Hà Nội. Theo số liệu kết quả quan trắc của 5 trạm quan trắc không khí tự động liên tục (tại Hà Nội, Việt Trì, Hạ Long, Huế, Đà Nẵng) do Tổng cục Môi trường quản lý; 10 trạm (tại Hà Nội) do Sở TN&MT Hà Nội quản lý; 1 trạm (tại Hà Nội) của Đại sứ quán Pháp và 2 trạm (tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh) của Đại sứ quán Mỹ cho thấy, ô nhiễm không khí chủ yếu do bụi mịn PM_{2.5}, các thông số còn lại (NO₂, O₃, CO, SO₂) về cơ bản vẫn đạt QCVN 05:2013/BTNMT.

Tại một số đô thị khu vực miền Bắc (Việt Trì, Hà Nội, Hạ Long), giá trị trung bình 24 giờ thông số PM_{2.5} cao hơn các khu vực khác, trong đó Hà Nội có giá trị cao nhất. Tại Hà Nội, trong tháng 1, giá trị quan trắc trung bình 24 giờ các trạm có 9 ngày vượt quá giới hạn so với QCVN, riêng trong tháng 2 (từ ngày 1/2 - 24/2) đã có 14 ngày vượt QCVN. Thành phố Việt Trì cũng có 6 ngày trong tháng 2 có giá trị PM_{2.5} trung bình 24 giờ vượt giới hạn cho phép. Tại các thành phố ở khu vực miền Trung (Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa), giá trị trung bình 24 giờ thông số PM_{2.5} về cơ bản vẫn đạt QCVN. Tại TP. Hồ Chí Minh cũng ghi nhận một số ngày có giá trị trung bình 24 giờ thông số PM_{2.5} vượt QCVN (ngày 6/1 và ngày 16/1).

Đánh giá CLKK theo chỉ số AQI cho thấy, từ ngày 1/1 đến ngày 24/2 tại các đô thị khu vực miền Bắc, số ngày trong tháng có CLKK ở mức trung bình và mức kém chiếm tỷ lệ khá cao. Tại Hà Nội, chỉ có 7 ngày chất lượng không khí ở mức tốt (AQI<50), 9 ngày CLKK ở mức xấu (AQI>150), những ngày còn lại CLKK nằm ở mức từ trung bình đến kém. Tại các đô thị khu vực miền Trung, CLKK phổ biến ở mức tốt và trung bình. Tại TP. Hồ Chí Minh, số ngày có CLKK ở mức tốt chiếm 30%, mức trung bình chiếm 64% và ở mức kém chiếm 6% (Biểu đồ 2).

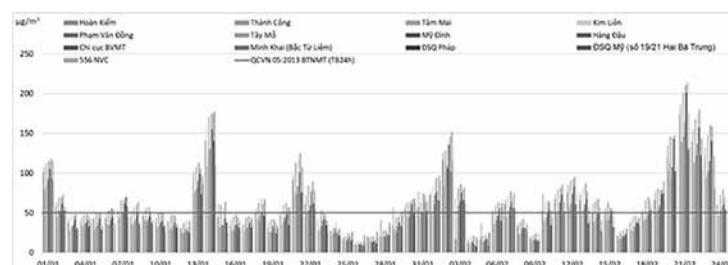


▲ Biểu đồ 1. Diễn biến giá trị trung bình 24 giờ thông số PM_{2.5} tại một số đô thị từ ngày 1/1 đến ngày 24/1/2020



▲ Biểu đồ 2. Diễn biến chỉ số AQI ngày tại một số đô thị từ ngày 1/1 đến 24/1/2020 CLKK tại thủ đô Hà Nội trong 2 tháng đầu năm 2020

Tại Hà Nội, trong 2 tháng đầu năm 2020 đã có một số thời gian giá trị trung bình 24 giờ của thông số PM_{2.5} tăng lên rất cao (vượt từ 2 - 3 lần giới hạn cho phép của QCVN), ví dụ như các ngày 1/1, 13/1 - 14/1, ngày 2/2 và ngày 20-23/2. Sự thay đổi của các hoạt động sản xuất, sinh hoạt có tác động rất lớn tới chất lượng môi trường không khí. Điều này thể hiện rõ trong khoảng thời gian từ ngày 23/1 đến 29/1, chất lượng không khí của thủ đô được đánh giá ở mức tốt, giá trị trung bình 24 giờ của thông số PM_{2.5} thấp hơn giới hạn so với QCVN nhiều lần. Đây là thời gian Tết Nguyên đán, lượng phương tiện tham gia giao thông ít, các hoạt động sản xuất, dịch vụ... cũng ít nên CLKK của thủ đô có sự cải thiện đáng kể (Biểu đồ 3).



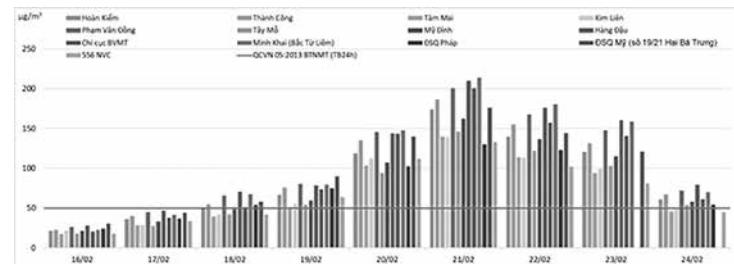
▲ Biểu đồ 3. Diễn biến giá trị trung bình 24 giờ thông số PM_{2.5} tại Hà Nội từ ngày 1/1 - 24/2/2020

Trong khoảng thời gian 1 tuần gần đây, từ ngày 17/2 - 23/2 kết quả quan trắc cho thấy, giá trị thông số $PM_{2.5}$ có xu hướng liên tục tăng, đặc biệt trong khoảng thời gian từ ngày 20/2 - 23/2 giá trị $PM_{2.5}$ rất cao. Giá trị trung bình 24 giờ của thông số $PM_{2.5}$ ngày 21/2 vượt quá gần 3 lần so với giới hạn trong QCVN (Biểu đồ 4).

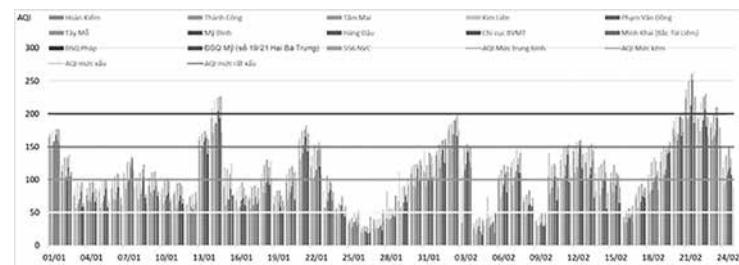
Kết quả tính toán chỉ số AQI ngày tại các trạm của Hà Nội từ ngày 1/1 - 24/2/2020 cho thấy, có khoảng 50% số ngày có CLKK ở mức kém đến rất xấu ($AQI > 100$). Riêng ngày 21/2 là ngày có chất lượng không khí kém nhất trong khoảng thời gian nêu trên (mức rất xấu ở đa số các trạm) (Biểu đồ 5).

Chỉ riêng 1 tuần trở lại đây (từ ngày 18 - 24/2), kết quả tính toán AQI giờ của 3 ngày (từ ngày 20 - 23/2) có chỉ số AQI giờ ở mức rất xấu (> 200) ở nhiều trạm. Đặc biệt, tại trạm Mỹ Đình, chất lượng không khí đã ở mức nguy hại vào 2h sáng ngày 21/2. Ngày 24 và 25/2, tình trạng sương mù đã giảm đi và chất lượng không khí cũng có sự cải thiện hơn (Biểu đồ 6).

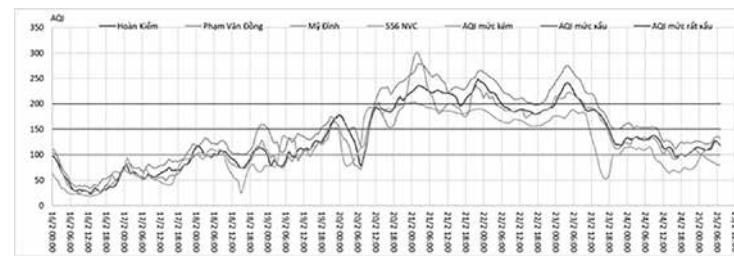
Có thể nhận thấy, trong 2 tháng đầu năm 2020, môi trường không khí tại một số đô thị lớn ở nước ta vẫn tiếp tục bị ô nhiễm bởi thông số bụi mịn $PM_{2.5}$, trong đó, thủ đô Hà Nội vẫn tiếp tục là đô thị có giá trị thông số bụi $PM_{2.5}$ cao nhất. Hà Nội và một số đô thị khác ở miền Bắc nước ta vẫn đang trong thời gian ghi nhận nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí, trong đó có $PM_{2.5}$ là cao nhất trong năm (từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau). Trong thời gian nghỉ Tết Nguyên đán, do hoạt động giao thông giảm mạnh, các hoạt động công nghiệp, xây dựng cũng hầu như dừng, nên CLKK được đánh giá ở mức tốt. Còn trong



▲ Biểu đồ 4: Giá trị trung bình 24 giờ của thông số $PM_{2.5}$ tại Hà Nội từ ngày 16/2 đến ngày 24/2/2020



▲ Biểu đồ 5: Diễn biến chỉ số AQI ngày tại các trạm ở Hà Nội từ ngày 1/1 đến 24/1/2020



▲ Biểu đồ 6: Diễn biến chỉ số AQI giờ trong 1 tuần gần đây

khoảng 1 tuần vừa qua (từ ngày 18 - 24/2), CLKK bị suy giảm mạnh, có những ngày được đánh giá ở mức rất xấu. Chính vì vậy, khoảng thời

gian này, người dân cần theo dõi thường xuyên các bản tin về CLKK, sử dụng khẩu trang đủ tiêu chuẩn khi ra đường để bảo vệ sức khỏe■



▲ Chất lượng không khí Hà Nội sáng ngày 13/12/2019 (Ảnh: Thành Đạt - TTXVN)

Diễn biến chất lượng môi trường không khí và nước khu vực miền Trung, Tây Nguyên năm 2019

ThS. PHẠM QUANG HIẾU

ThS. PHẠM THỊ HỮU

ThS. ĐỖ HẢI HÀ

ThS. LÊ CHÂU QUANG VIỄN

Trung tâm Quan trắc môi trường miền Trung và Tây Nguyên Tổng cục Môi trường

Năm 2019, Trung tâm Quan trắc môi trường miền Trung và Tây Nguyên được Tổng cục Môi trường giao thực hiện “Chương trình quan trắc môi trường quốc gia đổi mới với môi trường không khí và nước” tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên nhằm theo dõi hiện trạng chất lượng môi trường (CLMT) nước, không khí theo khống gian và thời gian, kịp thời phát hiện, cảnh báo các trường hợp ô nhiễm, sự cố ô nhiễm môi trường nước, không khí từ đó đề xuất giải pháp khắc phục.

Chương trình được thực hiện tại 33 điểm không khí thuộc địa bàn các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định); 36 điểm nước mặt trên 2 lưu vực sông (LVS): Hương, Vu Gia - Thu Bồn tại 4 tỉnh, TP (Kon Tum, Quảng Nam, TP. Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế); môi trường nước biển ven bờ tại 34 điểm thuộc 7 tỉnh, TP (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, TP. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định). CLMT nước mặt được đánh giá dựa theo chỉ số chất lượng nước (CLN) của Việt Nam (VN_WQI) do Tổng cục Môi trường ban hành theo Quyết định số 1460/QĐ - TCMT ngày 12/11/2019 về việc ban hành hướng dẫn kỹ thuật tính toán, công bố chỉ số CLN Việt Nam và được tính theo các thông số quan trắc đặc trưng bao gồm: Nhiệt độ, pH, một số thông số kim loại nặng, thuốc bảo vệ thực vật, hữu cơ và dinh dưỡng. CLMT không khí (CLMTKK) được đánh giá, so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT (TB 01h) và QCVN 26:2010/ BTNMT. CLMT nước biển được đánh giá, so sánh với QCVN 10-MT:2015/ BTNMT.

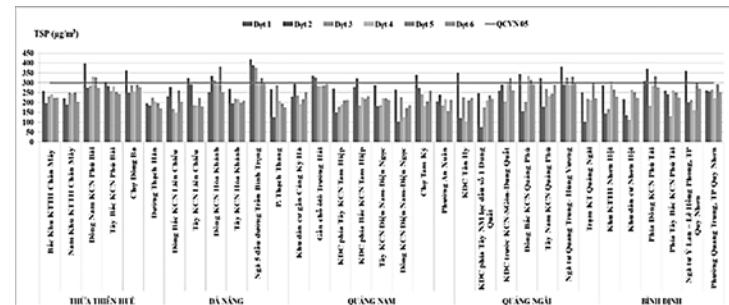
1. KẾT QUẢ CLMTKK VÀ NUỐC NĂM 2019 (THỰC HIỆN TỪ THÁNG 3 - 11/2019)

CLM TTKK và tiếng ôn

Kết quả quan trắc môi trường không khí (MTKK) qua 6 đợt năm 2019 tại 5 tỉnh miền Trung cho thấy, MTKK chủ yếu bị ô nhiễm tổng bụi lơ lửng (TSP) và tiếng ồn với tỷ lệ trung bình

cả năm là 13,9%, giá trị TSF vượt QCVN 05:2013/BTNMT (300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$) (viết tắt là QCVN 05), và 44,2% giá trị tiếng ồn vượt QCVN 26:2010/BTNMT tại các trục giao thông lớn và KCN; các thông số SO₂ và NO_x thấp hơn giới hạn cho phép.

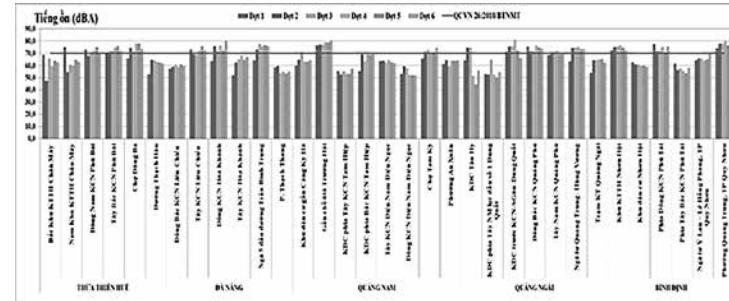
Qua 6 đợt quan trắc năm 2019, tại 33 điểm cho thấy giá trị TSP dao động từ 77 - 491 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, giá trị TSP trung bình năm 2019 vượt QCVN 05 (300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$) tại các địa phương khu vực miền Trung có xu hướng tăng cao tại thời điểm quan trắc đợt 1 (tháng 3, 4), đợt 5 (9 và 10) và giảm ở đợt 6 (tháng 11).



▲ Biểu đồ 1. Giá trị TSP vùng kinh tế trọng điểm miền Trung 6 đợt năm 2019

Ô nhiễm tiếng ồn tập trung tại các điểm quan trắc trên tuyến giao thông lớn và điểm gần Khu công nghiệp (KCN), đặc biệt vào các giờ cao điểm, mức độ ồn dao động trong khoảng 81,2 - 594 dBA đã vượt ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT. Các điểm quan trắc có giá trị tiếng

ôn vượt ngưỡng cả 6/6 đợt
năm 2019 được xác định tại
điểm quan trắc: Tây Bắc KCN
Phú Bài (Thừa Thiên - Huế);
Gần ôtô Trường Hải (Quảng
Nam), Đông Bắc KCN Quảng
Phú (Quảng Ngãi), Khu kinh
tế Nhơn Hội và phía Đông
KCN Phú Tài, phường Quang
Trung, TP. Quy Nhơn (Bình
Định).



▲ Biểu đồ 2. Giá trị *tiếng ồn* vùng kinh tế trọng điểm miền Trung 6 đợt năm 2019 CLN trên LVS Vu Gia - Thu Bồn và sông Hương

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt 6 đợt năm 2019 tại LVS Vu Gia - Thu Bồn (30 điểm quan trắc) và sông Hương (6 điểm quan trắc) có chỉ số VN_WQI CLN trung bình năm 2019 dao động từ 46 - 95, đạt mức tốt khá cao, trong đó 12/36 điểm quan trắc có CLN chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác (33%), 5 điểm quan trắc có CLN sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt (14%), 18 điểm quan trắc có CLN sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp (50%) và có 1 điểm quan trắc có CLN sử dụng cho giao thông thủy, các mục đích tương đương khác (3%).

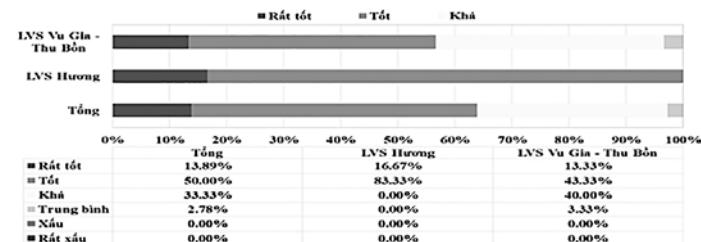
CLN trên LVS Hương năm 2019 có giá trị VN_WQI trung bình nằm trong khoảng 76 - 91, đa số có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp và 1 điểm quan trắc có CLN sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt. CLN sông năm 2019 tốt hơn so với năm 2018 (năm 2018 có giá trị WQI trung bình nằm trong khoảng 53 - 65, nước sông có thể sử dụng được cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác).

CLN trên LVS Vu Gia - Thu Bồn năm 2019 có giá trị WQI trung bình nằm trong khoảng 46 - 95, trong đó 12 điểm quan trắc có CLN chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác, 4 điểm quan trắc có CLN sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, 13 điểm quan trắc có CLN sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp và 1 điểm quan trắc có CLN sử dụng cho giao thông thủy, mục đích tương đương khác.

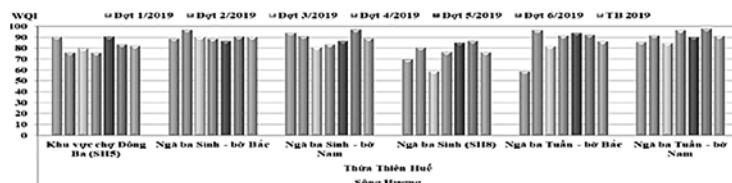
CLN biển ven bờ duyên hải miền Trung

Khu vực ven biển duyên hải miền Trung năm 2019 được thực hiện quan trắc 3 đợt trong đó quan trắc 34 điểm/đợt tập trung tại khu vực ven biển của 7 tỉnh/ TP (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định). Trong đó, vùng ven biển Quảng Bình 10 điểm, vùng ven biển Quảng Trị 6 điểm, vùng ven biển Thừa Thiên - Huế 08 điểm; vùng ven biển Đà Nẵng 2 điểm; vùng ven biển Quảng Nam 3 điểm; ven biển Quảng Ngãi 3 điểm và 2 điểm ven biển Quy Nhơn.

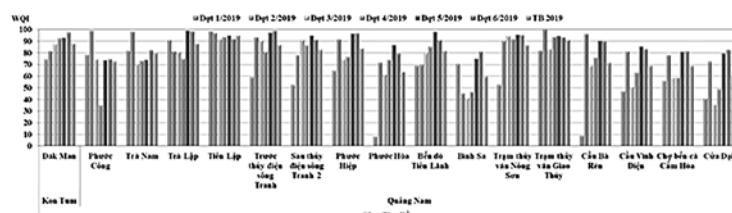
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS): Giá trị TSS qua 3 đợt quan trắc năm 2019 dao động 9,0 - 65,0 mg/L với giá trị cao nhất tại điểm quan trắc biển Thuận An 1 (đợt 2) 65,0 mg/L vượt 1,3 lần QCVN 10 (cột 1&2). Có 5/102 mẫu vượt QCVN 10 (cột 1&2); tần suất vượt 4,90%.



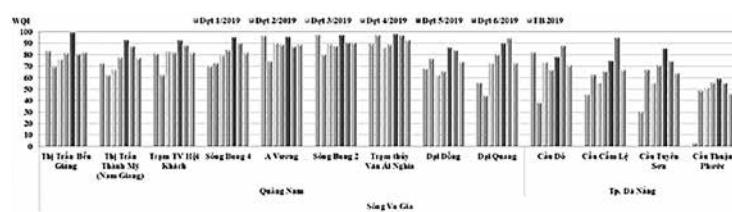
▲ Biểu đồ 3. CLMT nước theo chỉ số VN_WQI trên 2 LVS miền Trung năm 2019



▲ Biểu đồ 4. Diễn biến VN_WQI trên sông Hương năm 2019



▲ Biểu đồ 5. Diễn biến CLN trên sông Thu Bồn năm 2019



▲ Biểu đồ 6. Diễn biến CLN trên sông Vu Gia năm 2019

Giá trị N - NH₄⁺: Giá trị N-NH₄⁺ dao động từ <0,09 - 10,13 mg/L. Trong đó giá trị N-NH₄⁺ tại điểm quan trắc Âu thuyền Thọ Quang đợt 1 (tháng 3) tăng cao đột biến, vượt QCVN 10 là 101,3 lần so với cột 1 (0,1mg/L) và 20,3 lần so với cột 2 (0,5mg/L) do điểm quan trắc này chịu ảnh hưởng lớn hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá và neo đậu tàu thuyền nên có 59/102 giá trị vượt QCVN 10 cột 1, tần suất vượt là 57,84% và có 17/102 giá trị vượt QCVN 10 cột 2, tần suất vượt là 16,67%.

Giá trị P - PO₄³⁻: Giá trị P-PO₄³⁻ dao động 0,014 - 0,253 mg/L với giá trị vượt cao nhất

tại điểm Phá Tam Giang trong đợt 2 là 0,253 mg/L vượt 1,2 lần QCVN 10 cột 1 (0,2 mg/L), tần suất mẫu vượt QCVN 10 cột 1 là 2,94% (3/102 mẫu vượt). Tại điểm quan trắc Âu thuyền Thọ Quang, giá trị P - PO₄³⁻ vượt nhẹ QCVN 10 cột 1 (0,2 mg/L) đợt 1 (0,227mg/L); đợt 2(0,223mg/L); tại hầu hết các điểm quan trắc còn lại giá trị P - PO₄³⁻ đều nằm trong giới hạn cho phép.

Giá trị P-PO₄³⁻ tại 34 điểm quan trắc dao động <0,024-2,201mg/L. Trong đó, giá trị P - PO₄³⁻ tại điểm Âu thuyền Thọ Quang có biến động lớn giữa các đợt trong năm 2019 và vượt QCVN 10 cột 1 (0,2mg/L) từ 5,1 - 11,0 lần. Kết quả quan

Đánh giá diễn biến chất lượng không khí một số đô thị nước ta và đề xuất giải pháp cải thiện

GS.TSKH. PHẠM NGỌC ĐĂNG - Phó Chủ tịch
Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam

T rong các thành phần của không khí có tới 20,94% ôxy (O_2), là dưỡng khí, nuôi sống toàn bộ các tế bào của cơ thể con người. Không khí khô tuyệt đối, không có độ ẩm, trong sạch, chứa 3 chất khí chủ yếu: 78,08% khí nito (N_2), 20,94% ôxy (O_2), 0,93% Argon (Ar). Còn lại khoảng 0,043% thường là các chất khí CO_2 (0,04%), Ne (0,0018%), He (0,0005%), CH_4 (0,0002%), H_2 (0,00005%). Ngoại trừ 3 chất chủ yếu tạo nên không khí khô nêu trên, các chất khác có trong không khí ở nồng độ rất nhỏ, dưới chuẩn cho phép được coi là các tạp chất (impurity) có thể chấp nhận. Nếu chúng có nồng độ vượt trội so với tiêu chuẩn cho phép thì được coi là các chất ô nhiễm (pollutants) và không khí ở trạng thái như vậy là không khí bị ô nhiễm.

Những hoạt động sản xuất của con người (các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải...), đốt chất thải, đun nấu, sinh hoạt, đã phát thải vào không khí rất nhiều hợp chất khác nhau, tạo nên hai nhóm chính các chất ô nhiễm: Các khí ô nhiễm, như NO_x , SO_x , O_3 (ôzone), CO, CO_2 , TVOC, Formaldehyde... có kích thước phân tử vô cùng nhỏ, khoảng dưới 5 nanomet (1 mm = 1.000 μm = 1.000.000 nm); Các hạt bụi, bao gồm bụi lơ lửng trong không khí, chúng có đường kính $\leq 100 \mu m$, bụi mịn PM_{10} (có đường kính $\leq 10 \mu m$), bụi mịn PM_5 (có đường kính $\leq 5 \mu m$), bụi siêu mịn $PM_{2.5}$ (có đường kính $\leq 2.5 \mu m$), và bụi siêu mịn PM_1 (có đường kính $\leq 1 \mu m$). Độ dày của sợi tóc khoảng 100 μm . Do vậy, những hạt bụi mịn này mắt thường chúng ta không thể nhìn thấy được. Những hạt bụi kích cỡ nhỏ hơn PM_{10} tồn tại rất lâu trong không khí, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.

1. CÁC CĂN CỨ ĐỂ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ (ÔNKK) Ở CÁC ĐÔ THỊ NƯỚC TA

Căn cứ để đánh giá mức độ ÔNKK ở các đô thị cần phải so sánh số liệu Monitoring ÔNKK thực tế và trị số tiêu chuẩn môi trường cho phép theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT (Bảng 1).

Bảng 1. Giá trị giới hạn các thông số cơ bản trong môi trường không khí xung quanh ($\mu g/m^3$) theo QCVN 05:2013/BTNMT

TT	Thông số	Trung bình 1 giờ	Trung bình 8 giờ	Trung bình 24 giờ	Trung bình năm
1	SO_2	350	-	125	50
2	CO	30.000	10.000	-	-
3	NO_x	200	-	100	40
4	O_3	200	120	-	-
5	TSP	300	-	200	100
6	PM_{10}	-	-	150	50
7	$PM_{2.5}$	-	-	50	25
8	Chì (Pb)	-	-	1,5	0,5

Theo Bảng 1 cho thấy, QCVN 05:2013/BTNMT cho các giá trị cho phép trung bình 1 giờ, trung bình 8 giờ, trung bình 24 giờ (trung bình ngày) và trung bình năm. Vì vậy, phải so sánh các trị số trung bình giờ, trung bình ngày hay trung bình năm do hệ thống thiết bị Monitoring thu thập được với các trị số trung bình giờ, trung bình ngày hay trung bình năm cho trong Quy chuẩn. Nếu lấy trị số Monitoring từng lần đo tức thời so sánh với các trị số trung bình nêu trong Bảng 1 để đánh giá mức độ ÔNKK đô

thị, như một số phương tiện truyền thông đưa ra trong thời gian qua là hoàn toàn không đúng.

Tiếp theo là cần đánh giá mức độ ÔNKK đô thị bằng Chỉ số chất lượng không khí (AQIx) theo Quyết định số 1459/QĐ-TTCTMT, ngày 12/11/2019, của Tổng cục Môi trường:

Giá trị AQIx của các thông số SO_2 , CO, NO_x , O_3 được tính toán theo công thức 1, giá trị AQIx của các thông số PM_{10} , $PM_{2.5}$ được tính toán theo công thức 2:

$$AQIx = \frac{I_{i+1} - I_i}{BP_{i+1} - BP_i} (C_i - BP_i) + I_i \quad (\text{Công thức 1})$$

$$AQIx = \frac{I_{i+1} - I_i}{BP_{i+1} - BP_i} (Nowcast_i - BP_i) + I_i \quad (\text{Công thức 2})$$

Các mức AQI tốt, trung bình, kém, xấu, rất xấu, nguy hại và tương tác của chúng với sức khỏe con người được cho ở Bảng 2.

Bảng 2. Các mức AQI và ảnh hưởng của chúng đến sức khỏe con người

Khoảng giá trị AQI	Chất lượng không khí	Ảnh hưởng đến sức khỏe
0 - 50	Tốt	Không ảnh hưởng đến sức khỏe
51 - 100	Trung bình	Nhóm nhạy cảm nên hạn chế thời gian ở ngoài trời
101 - 150	Kém	Nhóm nhạy cảm nên hạn chế thời gian ở ngoài trời
151-200	Xấu	Nhóm nhạy cảm phải hạn chế thời gian ở ngoài trời
201 - 300	Rất xấu	Nhóm nhạy cảm tránh ra ngoài trời, những người khác hạn chế ở bên ngoài
301 - 500	Nguy hại	Mọi người nên ở trong nhà

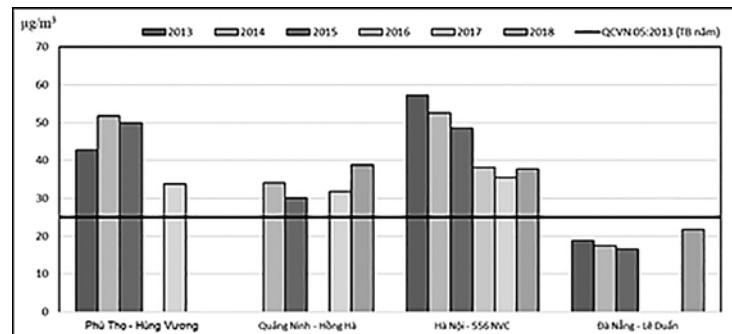
Khi AQI = $101 \div 200$ (tương ứng với chất lượng không khí (CLKK) ở mức kém và xấu). AQI = $201 \div 300$ (CLKK ở mức rất xấu). AQI = $301 \div 500$ (CLKK ở mức nguy hại). Diễn hình như tại thủ đô Hà Nội, số ngày trong năm 2014 có AQI ở mức kém chiếm tỷ lệ hơn 50% tổng số ngày quan trắc trong năm, thậm chí, có những ngày chất lượng không khí suy giảm đến ngưỡng rất xấu và nguy hại (AQI>300).

2. DIỄN BIẾN CLKK TẠI MỘT SỐ ĐÔ THỊ Ở NƯỚC TA TRONG CÁC NĂM GẦN ĐÂY

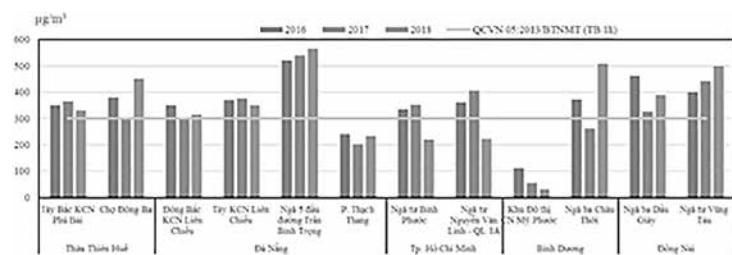
Cho đến nay, chưa có địa phương nào công bố chính thức kết quả Monitoring môi trường năm 2019. Căn cứ vào các thông tin của Trung tâm Quan trắc Môi trường của Tổng cục Môi trường năm 2019, có 3 biểu đồ điển hình về hiện trạng diễn biến ô nhiễm các thành phần môi trường không khí trong 6 năm gần đây (2013 -2018); biểu đồ 1, biểu đồ 2 và biểu đồ 3.

Xem xét các biểu đồ trên cho thấy, vấn đề ô nhiễm các thành phần không khí ở một số đô thị nước ta những năm gần đây, cụ thể:

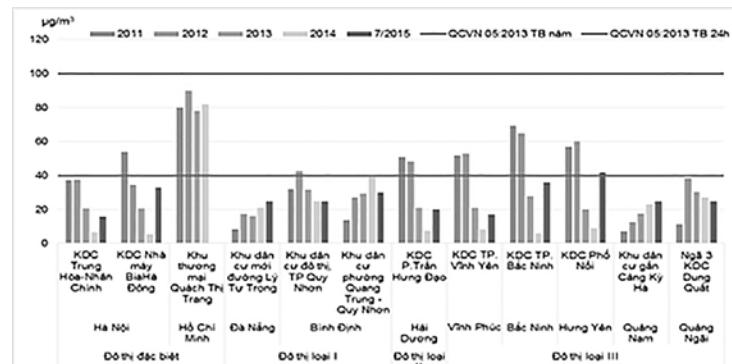
Ô nhiễm bụi PM₁₀, PM_{2,5}: Căn cứ vào các số liệu quan trắc bụi mịn PM₁₀ và PM_{2,5} của 6 trạm quan trắc không khí tự động ở các TP. Hà Nội, Hạ Long, Việt Trì, Huế, Đà Nẵng và Nha Trang cho thấy, ô nhiễm bụi vẫn tiếp tục là vấn đề nổi cộm. Tuy vậy, xét biểu đồ 1 cho thấy, ô nhiễm bụi mịn PM₁₀ và PM_{2,5} trong không khí ở TP. Hà Nội và TP. Việt Trì, Phú Thọ, có xu hướng giảm dần trong các năm gần đây. Ô nhiễm bụi mịn PM₁₀ và PM_{2,5} trong không khí của TP. Hạ Long ít có sự thay đổi và ở mức độ xấp xỉ trị số cho phép. Nồng độ bụi mịn PM₁₀ và PM_{2,5} trong không khí của TP. Đà Nẵng đều thấp hơn trị số tiêu chuẩn cho phép. Nhìn chung, theo số liệu quan trắc các trạm Monitoring tự động ở 6 TP (Hà Nội, Hạ Long, Việt Trì, Huế, Đà Nẵng và Nha Trang) cho thấy, biến thiên bụi mịn từ năm 2011 đến năm 2018 đã được cải thiện. Cụ thể như ở Hà Nội, tỷ lệ số ngày có nồng độ bụi PM₁₀ vượt trị số tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 05:2013/ BTN&MT năm 2010 là 13,13%, năm 2015 là 6,87% và năm 2018 là 1,93%; đối với PM_{2,5} trong các năm tương tự là 61,25%; 33,91% và 19,69%. CLKK của 3 tỉnh ven biển miền Trung (Huế, Đà Nẵng, Nha Trang) còn tương đối tốt (hầu như chưa bị ô nhiễm bụi). Cụ thể, tỷ lệ trên của năm 2015 đối với PM₁₀ ở Huế là 3,67%, Đà Nẵng: 2,86% và Nha Trang 0,0%.



▲ Biểu đồ 1. Diễn biến nồng độ bụi mịn $PM_{2.5}$ trung bình năm tại các trạm quan trắc tự động đặt tại Hà Nội, Phú Thọ, Quảng Ninh và Đà Nẵng giai đoạn 2013 - 2018 (Nguồn: Tổng cục Môi trường, 3/2019)



▲ Biểu đồ 2. Diễn biến nồng độ TSP tại một số đô thị Thủ Thiêm-Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, giai đoạn 2016 - 2018 (Nguồn: Tổng cục Môi trường, 3/2019)



▲ Biểu đồ 3. Diễn biến nồng độ NO₂ trung bình năm ở một số khu dân cư 2011 - 2015 (Nguồn: TCMT, Viện TN&MT TP. Hồ Chí Minh; một số Sở TN&MT 2015)

Ô nhiễm bụi lơ lửng (TSP):
Hoạt động xây dựng là nguồn
chủ yếu gây ra ô nhiễm bụi
TSP. Trong cùng một thành
phố, TSP quan trắc ở các vị trí
khác nhau sẽ có kết quả khác
nhau và phụ thuộc vào hoạt
động xây dựng phân bố trong
TP. Trong mấy năm gần đây, tại
TP. Hà Nội nồng độ TSP ở các
trạm đo trên đường Phạm Văn
Đồng, Trường Chinh, Vĩnh Tuy,

Mai Động... vẫn ở mức ô nhiễm
nặng và rất nặng.

Sự biến thiên nồng độ bụi trong năm ở các đô thị miền Bắc rất rõ rệt (từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, nồng độ bụi lớn hơn các tháng 5-9), ngược lại ở các thành phố duyên hải miền Trung thì nồng độ bụi biến thiên theo mùa là không rõ rệt. Nồng độ bụi biển thiên theo giờ trong ngày ở 6 thành



▲ Môi trường không khí ở TP. Hồ Chí Minh trong tháng 9/2019

phố nêu trên là tương tự nhau, cực đại vào các giờ cao điểm và nhỏ nhất vào buổi trưa (13-14 giờ). Tỷ lệ bụi PM_{2,5}/ bụi PM₁₀ trung bình ở các thành phố trên là khoảng 0,57 - 0,72.

Các đô thị ở vùng ven biển đều có CLKK tốt hơn so với các đô thị ở trong đất liền xa biển. Đối với các khu đô thị ở phía Nam, khí hậu trong năm có sự phân hóa giữa mùa khô và mùa mưa. Nồng độ các loại bụi PM₁₀, PM_{2,5} có sự khác biệt đáng kể giữa hai mùa, mùa mưa (tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô (tháng 12 đến tháng 4 năm sau), nồng độ bụi đô thị thường cao trong mùa khô và thấp trong mùa mưa.

Ô nhiễm các khí NO₂, SO₂, CO và VOC: Ở khu vực đô thị, nguồn gốc phát sinh các loại khí NO₂, CO và VOC chủ yếu từ hoạt động giao thông, khí SO₂ phát thải từ đốt than và dầu chúa lưu huỳnh (xe buýt, sản xuất công nghiệp (nếu có) và đun nấu bằng than tổ ong).

Nồng độ khí NO₂ trong không khí tại một số đô thị lớn, như là TP. Hồ Chí Minh (Biểu đồ 3) trong những năm

gần đây cũng đã vượt ngưỡng giới hạn cho phép. Còn lại, tại nhiều đô thị đều có nồng độ các khí NO₂ thấp hơn hoặc xấp xỉ trị số tiêu chuẩn cho phép.

Nồng độ khí VOC: Tại các đô thị, đặc biệt là các khu vực có hoạt động giao thông với tần suất cao, nguồn phát thải của hợp chất hữu cơ này có thể từ khí thải của hệ thống giao thông vận tải. Tại một số địa phương như Hà Nội, Đồng Nai, nồng độ VOC trong không khí quan trắc được ở một số vị trí trong giai đoạn 2011 - 2015 đã

vượt trị số quy chuẩn cho phép.

Nồng độ khí SO₂, CO ở hầu hết các đô thị vẫn nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Đánh giá chung về ÔNKK đô thị: Từ năm 2013 đến nay, ÔNKK tại các đô thị ở nước ta có xu hướng giảm, tuy nhiên, trong từng thời điểm có sự

tăng/giảm khác nhau. Năm 2019, ÔNKK tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có khác thường so với các năm trước, ô nhiễm cục bộ tăng lên. Đặc biệt, trong tháng 9/2019, ô nhiễm bụi mịn PM_{2,5} tăng cao do ít mưa nhất trong vòng 6 năm qua. Trong tháng 9/2019, xảy ra hiện tượng nghịch nhiệt, bụi lơ lửng, không thoát được lên cao. Bên cạnh đó, thời điểm này vào vụ thu hoạch lúa, tình trạng đốt rơm rạ ở ngoại thành đã ảnh hưởng đến không khí nội đô.

Ngoài ra, tùy theo vị trí đặt trạm đo khác nhau sẽ cho kết quả chỉ số không khí khác nhau. Điểm nào ùn tắc giao thông, mật độ xây dựng công trình cao thì có chỉ số ÔNKK cao hơn nơi khác. Do đó, CLKK trên địa bàn của TP còn phụ thuộc vào mật độ phân bố các trạm quan trắc đo lường.

3. CÁC NGUỒN THẢI Ô NHIỄM VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN

Để đưa ra các biện pháp phòng chống ô nhiễm, cải thiện CLKK đô thị có hiệu quả thì trước tiên cần phải xác định chính xác các nguồn thải chủ yếu gây ô nhiễm môi trường đô thị. Theo nghiên cứu đô thị nước ta, đặc biệt là ở các đô thị lớn, có 8 nguồn ô nhiễm chủ yếu như: Các chất ô nhiễm thải ra từ các ống xả của các phương tiện giao thông cơ giới, đặc biệt từ các xe cũ không được bảo dưỡng thường xuyên và các xe chạy dầu; Phát thải từ các hoạt động xây dựng mới và sửa chữa các công trình nhà cửa, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Phát thải từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp ở bên trong và xung quanh TP; Vệ sinh đường phố kém là nguồn phát sinh bụi lơ lửng (TSP) và một phần bụi mịn (PM_{10} , $PM_{2.5}$); Phát thải từ các bếp đun than tổ ong chủ yếu là các chất ô nhiễm SO_2 , NO_2 , CO và bụi TSP; Rò rỉ và bốc hơi khí xăng dầu và các khí VOC từ các trạm bán xăng dầu, từ các xe cộ cơ giới, từ các nơi sản xuất chế biến sơn, vecny và từ các nơi quét sơn, vec ny...; Mùi hôi bốc lên từ cống rãnh, ao hồ, sông ngòi bị ô nhiễm môi trường nước; Hoạt động đốt rơm rạ trong mùa thu hoạch lúa. Dưới đây là một số giải pháp để cải thiện CLKK đô thị:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và hướng dẫn thực hiện các quy định BVMT. Huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng, mọi người dân, mọi cơ sở sản xuất, mọi tổ chức xã hội trong công tác BVMT không khí nói riêng và BVMT thành phố nói chung.

Thứ hai, kiểm soát chặt chẽ các nguồn ô nhiễm giao thông vận tải. Giải pháp trước mắt, cần kiểm soát, kiểm tra nguồn thải từ các phương tiện giao thông cơ giới. Tiến hành định kỳ kiểm tra theo quy định của quy chuẩn môi trường về khí thải đối với tất cả các phương tiện giao thông cơ giới (các loại xe ô tô, đặc biệt là các loại xe buýt, xe tải, xe ô tô chạy dầu, và các loại mô tô, xe máy), cấm lưu hành đối với tất cả các xe không đáp ứng yêu cầu về BVMT (bao gồm cả rò rỉ hơi xăng dầu); tiến hành phun nước rửa đường vào các ngày trời nắng hanh khô. Giải pháp lâu dài, hoàn thiện quy hoạch chung đô thị hợp lý, đặc biệt là quy hoạch giao thông đô thị thông minh; phát triển hệ thống giao thông đô thị công cộng, như là các dạng xe buýt, metro, đường xe điện trên cao...; khuyến khích hình thành các khu phố đi bộ, xe đạp; các loại xe cơ giới chạy bằng khí gas, khí hóa lỏng và xe chạy điện...

Thứ ba, tập trung kiểm soát, kiểm tra và xử lý nghiêm ngặt các nguồn thải ô nhiễm bụi phát sinh từ các hoạt động xây dựng mới và sửa chữa các công trình nhà cửa, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, cấp gas, hệ thống cáp thông tin...); áp dụng các công nghệ xây dựng ít ô nhiễm, như không sản xuất bê tông tươi tại công trường mà sản xuất bê tông tươi tại các trạm sản xuất bê tông tươi rồi chở đến công trường bơm lên sàn, cột công trình.

Thứ tư, tăng cường năng lực cơ quan quản lý môi trường không khí ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và ở các thành phố lớn khác, như là thành lập phòng quản lý môi trường không khí ở Chi cục BVMT, bổ sung cán bộ chuyên môn được đào tạo đúng chuyên ngành môi trường không khí cho Chi cục BVMT, cũng như các phòng quản lý môi trường ở các quận/huyện; tổ chức các lớp bồi túc kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý môi trường không khí cho các cán bộ đương chức trong hệ thống quản lý môi trường các cấp của các đô thị lớn.

Thứ năm, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải bụi phát sinh từ vận chuyển nguyên vật liệu rời, đặc biệt là vận chuyển về ban đêm, các xe vận chuyển về ban đêm thường vi phạm quy định về BVMT.

Thứ sáu, vệ sinh đường phố sạch sẽ, văn minh, hiện đại. Quét dọn đường xá, vỉa hè, thường xuyên bảo đảm đường xá được hút bụi hoặc rửa đường sạch sẽ; thực hiện thu

gom, vận chuyển và xử lý đúng kỹ thuật vệ sinh 100% rác thải của đô thị. Giáo dục nhân dân giữ gìn vệ sinh đường phố, không vứt rác ra đường hoặc vứt rác ra cống rãnh, kênh mương thoát nước;

Thứ bảy, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các chất hữu cơ bay hơi (VOC), nhất là hơi xăng dầu đối với các trạm mua bán xăng dầu, các cơ sở sản xuất, chế biến và sử dụng sơn, vec ny, xăng dầu nằm trong đô thị; xử lý triệt để các sông, hồ, ao, cống rãnh bị ô nhiễm nước; áp dụng các biện pháp kỹ thuật xử lý bụi phát sinh từ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp ở bên trong và xung quanh thành phố.

Thứ tám, áp dụng các chính sách khuyến khích ưu đãi để đạt được mục tiêu đến năm 2030 không còn bếp đun than ở các đô thị; cần áp dụng các chính sách phát triển công nghệ cần thiết để nông dân ngoại thành chấm dứt việc đốt rơm rạ trong mùa thu hoạch nông nghiệp.

Thứ chín, phát triển trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh trong thành phố, bảo đảm chỉ tiêu diện tích cây xanh trên đầu người dân đạt trị số quy định theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Thứ mười, ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường không khí, đặc biệt là hệ thống quan trắc không khí tự động cố định ở các đô thị. Ở TP. Hồ Chí Minh trước đây có 9-11 trạm quan trắc không khí tự động, nay đã bị hỏng 100%. Ở Hà Nội trước đây có 6 trạm quan trắc không khí tự động, nay đã bị hỏng 5 trạm tự động. Hiện đã bổ sung, thay thế bằng các trạm quan trắc cảm biến■

trắc năm 2019 có 10/102 giá trị vượt QCVN 10 cột 1, tần suất vượt 9,8%.

Fe: Giá trị Fe dao động <0,09-0,98 mg/L với giá trị vượt cao nhất tại Phong Hải (đợt 3) 0,98mg/L vượt 1,96 lần QCVN 10 (cột 1&2, 0,5 mg/L). Kết quả quan trắc tại 34 điểm năm 2019 cho thấy, giá trị Fe đợt 3 (tháng 11) tăng cao so với đợt 1 (tháng 3) và đợt 2 (tháng 7); có 10/102 giá trị vượt QCVN 10 cột 1&2, tần suất vượt là 9,8% và có xu hướng tăng mạnh so với năm 2018 (các điểm đều đạt QCVN 10 cột 1&2).

Giá trị dầu mỏ khoáng: Kết quả quan trắc dầu mỏ khoáng tại 10 điểm năm 2019 dao động <0,90-2,08 mg/L, với giá trị cao nhất tại cảng Tiên Sa vượt QCVN 10 cột 1 (0,2mg/L) là 10,4 lần và vượt QCVN 10 cột 2 (0,3mg/L) là 6,9 lần. Có 25/30 giá trị vượt QCVN 10 cột 1&2, tần suất vượt quy chuẩn 83,33%.

2. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Đối với MTKK và tiếng ồn: CLMTKK và tiếng ồn tại miền Trung năm 2019 nhìn chung diễn biến giá trị các khí ô nhiễm SO₂, NO₂ đều nằm trong giới hạn QCVN 05 (chưa có dấu hiệu ô nhiễm). Tuy nhiên, giá trị bụi lơ lửng tổng số và tiếng ồn trung bình năm 2019 vượt quy chuẩn tại một số khu kinh tế, KCN và các trung tâm đô thị thương mại, khu dân cư (phía Đông KCN Hòa Khánh, ngã 5 Trần Bình Trọng - Đà Nẵng; gần ôtô Trường Hải - Quảng Nam và ngã tư Quang Trung - Hùng Vương - Quảng Ngãi).

Môi trường nước: Kết quả quan trắc trên 2 LVS Vu Gia - Thu Bon và sông Hương cho thấy, các thông số ô nhiễm tập trung chủ yếu là: TSS; nhóm hữu cơ (COD, BOD₅); nhóm dinh dưỡng (N-NH₄⁺, N-NO₂); Cl- và Fe. Các thông số còn lại đều nhỏ hơn QCVN 08 cột A2&B1 và không có biến động bất thường.

Môi trường nước biển ven bờ: Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước biển ven bờ vùng ven biển duyên hải miền Trung năm 2019 cho thấy, các thông số TSS, N-NH₄⁺, P-PO₄³⁻, Fe, dầu mỏ khoáng có giá trị vượt ngưỡng quy định theo QCVN 10: TSS (4,90%), N-NH₄⁺ (57,84%), P-PO₄³⁻ (2,94%, Fe (9,80%), dầu mỏ khoáng (83,33%), các thông số còn lại chưa có dấu hiệu ô nhiễm■

Tác động của bụi amiăng đến sức khỏe con người và môi trường, đề xuất giải pháp kiểm soát

GS.TS. LÊ VÂN TRÌNH

Chủ tịch Hội Khoa học Kỹ thuật ATVSLSĐ Việt Nam

1. TÁC ĐỘNG CỦA BỤI AMIĂNG ĐẾN SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

Amiăng là các hợp chất silicat kép của Can xi (Ca) và Magie (Mg), chứa SiO₂ có trong tự nhiên, trong môi trường dưới dạng các bó sợi có thể được tách thành các sợi mỏng, bền để sử dụng trong các ứng dụng thương mại và công nghiệp. Những sợi này có khả năng chịu nhiệt, lửa và hóa chất và không dẫn điện, chủ yếu sử dụng làm vật liệu xây dựng và trong công nghiệp. Có hai loại amiăng trắng và xanh nâu. Tất cả các loại bụi amiăng, kể cả amiăng trắng (Chrysotile) được khẳng định là có hại cho sức khỏe. Sau 40 năm nghiên cứu, từ năm 1973, Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) thuộc Tổ chức Y tế thế giới đã có đủ bằng chứng trên người và thực nghiệm để xếp tất cả các loại amiăng vào nhóm 1 là các chất gây ung thư ở người.

Tấm lợp xi măng - amiăng có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe trong quá trình lắp đặt, phá hủy, cải tạo hoặc làm sạch bề mặt. Nhất là khi chúng được rửa áp lực, chà nhám, cưa, khoan, đập vỡ hoặc xáo trộn, các sợi amiăng có thể

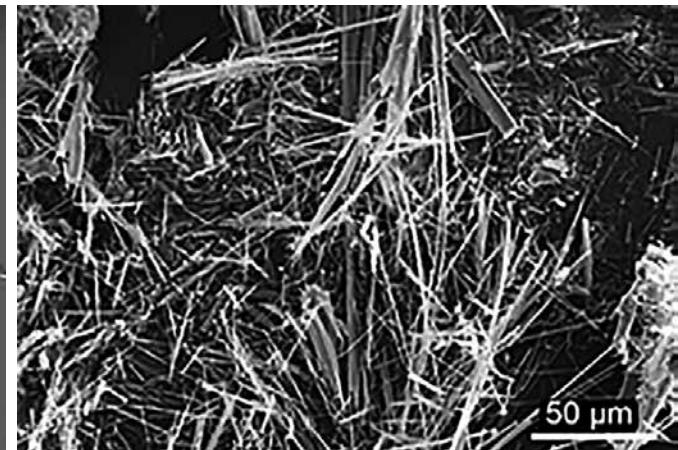
bay vào không khí và những người dân có thể hít phải mà không biết. Thời gian và thời tiết (mưa, bão, gió) cũng có thể làm suy yếu các tấm lợp này, làm các sợi amiăng đang bám dính trên tấm lợp có thể phát tán thành bụi ra môi trường.

Tác hại của amiăng đến sức khỏe người lao động và môi trường cho cộng đồng được biết đến là gây bệnh bụi phổi amiăng (asbestosis), ung thư phổi, ung thư trung biểu mô ác tính (màng phổi, màng bụng, màng tim), mảng màng phổi, tràn dịch và dày màng phổi, ung thư thực quản, buồng trứng. Người tiếp xúc với amiăng thường phát bệnh sau khi tiếp xúc từ 20-30 năm. Amiăng là chất gây ung thư nghề nghiệp quan trọng nhất, với ước tính gây ra ½ số ca tử vong do ung thư nghề nghiệp trên thế giới. Gánh nặng bệnh tật toàn cầu do amiăng là mỗi năm có hơn 100.000 người chết và hơn 1,5 triệu năm phải sống với khuyết tật. Số người chết do ung thư phổi là 41.000 người. Số người chết do ung thư trung biểu mô ác tính là 59.000 người. Amiăng là



a. Amiăng trắng

▲ Cấu trúc sợi amiăng



b. Amiăng xanh, nâu,...

nguyên nhân của 80% các trường hợp bị ung thư trung biểu mô ác tính ở người. Số người chết do ung thư trung biểu mô ác tính ngày càng gia tăng ở các nước phát triển đã sử dụng nhiều amiăng trong quá khứ.

Phổi nhiễm với bụi amiăng xảy ra khi hít vào những sợi mảnh chủ yếu từ không khí bị ô nhiễm trong môi trường làm việc, cũng như từ môi trường xung quanh trong vùng phụ cận của điểm nguồn hay không khí trong nhà có chứa các nguyên vật liệu có sợi amiăng. Mức độ phổi nhiễm cao nhất xảy ra trong khi đóng gói lại các công cụ để chứa amiăng, trộn lẫn với các nguyên vật liệu thô khác và cắt khô các sản phẩm có chứa amiăng bằng các công cụ để mài mòn. Phổi nhiễm cũng có thể xảy ra trong khi lắp đặt và sử dụng các sản phẩm có chứa amiăng và bảo trì xe cộ.

Ở Việt Nam, bệnh bụi phổi amiăng là một bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm từ năm 1976 và đã có 3 trường hợp được giám định và chi trả bồi thường. Đã có 150 trường hợp ung thư trung biểu mô được ghi nhận tại 9 trung tâm và có xu hướng ngày càng tăng. Tuy nhiên, việc chẩn đoán các bệnh ung thư, đặc biệt là ung thư trung biểu mô yêu cầu kỹ thuật cao về thiết bị và đội ngũ bác sĩ giỏi nên Việt Nam mới chỉ đáp ứng một phần. Hiện nay, Bộ Y tế Việt Nam đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2019/BYT, trong đó quy định, giá trị giới hạn tiếp xúc tối đa cho phép bụi amiăng tại nơi làm việc đối với amiăng Serpentine (chrysotile: amiăng trắng) là 0,1 sợi/ml không khí trong 1 ca làm việc và amiăng Amphibole là 0 sợi/ml không khí.

2. MỘT SỐ KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TÁC ĐỘNG CỦA AMIÄNG TỚI SỨC KHỎE Ở VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

Theo nhận định của các chuyên gia, rất khó có thể kiểm soát mức độ an toàn đối với sức khỏe con người tại các cơ sở sản xuất và sử dụng amiăng tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy, amiăng có khả năng gây bệnh cao, dù với mức độ tiếp xúc thấp và không thể sử dụng amiăng một cách an toàn. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đều khuyến nghị các nước loại bỏ sử dụng tất cả các loại amiăng để phòng chống các bệnh liên quan đến amiăng. Hiện nay, trên thế giới, 66 quốc gia đã cấm tất cả các loại amiăng, trong đó có nhiều quốc gia lớn như Úcstralia, Braxin, Anh, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản.... Chỉ còn 6 quốc gia vẫn sử dụng một lượng lớn amiăng trong sản xuất (hơn 50.000 tấn) gồm Indônêxia, Việt Nam, Ấn Độ, Nga, Trung Quốc và Uzbekistan. Chính phủ tại các quốc gia sản

xuất nhiều amiăng như Nga, Kazakhstan, Zimbabwe, Trung Quốc cũng đều yêu cầu ghi cảnh báo độc hại trên các bao bì amiăng dòng chữ "Sản phẩm này gây hại cho sức khỏe của bạn", "Hít phải bụi amiăng có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng tới sức khỏe" ...

Tại Việt Nam, trong giai đoạn vừa qua, ngành y tế, lao động đã phối hợp với nhiều đơn vị nghiên cứu triển khai các hoạt động phòng chống bệnh liên quan đến amiăng với sự hỗ trợ của Bộ Y tế - Lao động và Phúc lợi Nhật Bản thông qua Tổ chức Y tế thế giới, Tổ chức Lao động quốc tế như xây dựng Hồ sơ quốc gia về amiăng; chỉ đạo thực hiện đảm bảo an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở sản xuất và sử dụng amiăng; nâng cao năng lực giám sát môi trường lao động và chẩn đoán các bệnh liên quan đến amiăng; giám sát các trường hợp ung thư trung biểu mô tại cộng đồng; tuyên truyền về tác hại của amiăng và các biện pháp phòng chống. Tuy nhiên, việc phổ biến các thông tin vẫn còn hạn chế, nhất là cho đối tượng người lao động và cộng đồng dân cư.

Cho đến nay, ở Việt Nam ít phát hiện được bệnh bụi phổi do amiăng gây ra, do những nguyên nhân: Giám sát sức khỏe của người lao động chưa thường xuyên; Người lao động khi chuyển công việc không được theo dõi về tiền sử tiếp xúc với amiăng; Không có các trung tâm theo dõi người lao động tiếp xúc với amiăng; Kinh nghiệm chẩn đoán, phát hiện bệnh amiăng còn ít, nguồn lực kém, trong khi bệnh do amiăng gây ra khá phức tạp, không dễ phát hiện; Các nghiên cứu dịch tễ học của Việt Nam về vấn đề này còn chưa sâu; Nghiệp vụ nghiệp không có điều kiện cho người lao động khám sức khỏe sâu; Tổ chức khám sức khỏe cho cộng đồng có tiếp xúc với amiăng rất tốn kém...

3. ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT AMIÄNG

Năm 2014, Văn phòng Chính phủ ra thông báo số 7307/VPCP-KGVX ngày 19/9/2014 về triển khai đánh giá và kiểm soát tác hại vật liệu amiăng trắng đến sức khỏe con người. Theo đó, giao các Bộ: Xây dựng, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, TN&MT nghiên cứu, áp dụng kinh nghiệm quản lý quốc tế và tăng cường kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất và sử dụng amiăng trắng tại môi trường làm việc; điều kiện an toàn, bảo hộ lao động; điều kiện và tiêu chí bệnh nghề nghiệp; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; quy định về xử lý môi trường với các sản phẩm thải bỏ có chứa amiăng trắng là chất thải nguy hại". Năm 2017, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 7232/VPCP-KGVX ngày 11/7/2017 giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ/ngành liên quan để xuất cụ thể lộ trình dừng sử dụng amiăng trắng phù hợp với việc tìm vật liệu tấm lợp thay thế, đáp ứng yêu cầu và khả năng chi trả của người dân tại các khu vực khó khăn. Văn phòng Chính phủ cũng đã giao Bộ Y tế phối hợp với các bộ/ngành liên quan xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia loại trừ các bệnh liên quan đến amiăng giai đoạn 2020 và định hướng đến năm 2030, đảm bảo toàn diện, khoa học, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và các thông lệ

quốc tế, trong đó cần xác định rõ biện pháp xử lý sản phẩm thải bỏ có chứa amiăng trắng và các biện pháp giảm thiểu tác động của amiăng trắng đối với sức khỏe người dân và môi trường Việt Nam. Năm 2018, tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2018 của Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng dự thảo lộ trình dừng sử dụng amiăng vào năm 2023 trình Chính phủ phê duyệt. Cũng trong năm 2018, tại Hội nghị tổng kết của ngành xây dựng 16/1/2018, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về dừng sử dụng amiăng trắng chậm nhất vào năm 2023. Trên cơ sở đó, xin đề xuất một số giải pháp kiểm soát amiăng:

Đối với người lao động: Cần thực hiện quy định an toàn lao động và có biện pháp phòng ngừa với một số ngành nghề công việc đang còn phải tiếp xúc với amiăng như: Sản xuất vật liệu xây dựng tấm lợp amiăng; tán, nghiên, sàng và thao tác khô với quặng hoặc đá có amiăng; chải sợi, kéo sợi và dệt vải amiăng; làm cách nhiệt bằng amiăng; Tháo dỡ các công trình xây dựng có sử dụng amiăng; thao tác khô với amiăng trong kỹ nghệ chế tạo ximăng amiăng; chế tạo các loại bộ phận má phanh ô tô, bìa giấy bằng amiăng....

Ngoài ra, cần cẩn dụng các loại trang thiết bị phòng hộ cá nhân đúng tiêu chuẩn chất lượng (quần áo, giày dép, khẩu trang); Không hút thuốc, ăn uống tại nơi làm việc; Tắm rửa thay quần áo tại nơi lao động, không mang quần áo bẩn về nhà để giặt rũ; Định kỳ khám, chụp phim X quang phổi, đo chức năng hô hấp để kiểm tra sức khỏe và phát hiện sớm bệnh có liên quan đến amiăng... Khi có các dấu

hiệu của bệnh liên quan đến amiăng, cần thông báo ngay cho cơ quan y tế (các biểu hiện thường gặp khi mắc bệnh như: Đau tức ngực và khó thở, đau tức ngực khi gắng sức là hai triệu chứng chính của bệnh; ho kéo dài; lúc đầu ho khan, sau ho kèm theo khạc đờm; ho ra máu, thở khò khè...).

Đối với người dân: Nếu gia đình đang còn sử dụng tấm lợp xi măng amiăng thì không tự ý tháo dỡ, vứt bỏ vật liệu chứa amiăng, mà cần có tư vấn của cơ quan môi trường địa phương, không dùng các tấm có chứa amiăng vỡ để lát đường, làm chuồng trại. Nếu sống gần các nhà máy sản xuất các vật liệu chứa amiăng (tấm lợp, má phanh..), khi có các biểu hiện bệnh do bụi amiăng cần đi khám và báo cho các cơ quan có thẩm quyền (môi trường, y tế) để kiểm tra, xử lý và điều trị bệnh kịp thời.

Mặt khác, phải ngừng sử dụng tất cả các loại amiăng; thay thế amiăng bằng các vật liệu an toàn hơn và áp dụng các cơ chế kinh tế và công nghệ để kích thích sản xuất và áp dụng các vật liệu thay thế; Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa phơi nhiễm với amiăng tại nơi sản xuất, sử dụng và trong quá trình loại bỏ amiăng; Nâng cao kỹ thuật chẩn đoán, điều trị và phục hồi chức năng sớm cho các bệnh liên quan đến amiăng; Thiết lập các trung tâm nguồn dữ liệu amiăng để đăng ký, theo dõi và giám sát điều trị cho những người bị phơi nhiễm với amiăng; Nâng cao nhận thức của cộng đồng về những tác hại của amiăng để biết cách phòng, tránh; Các cơ quan quản lý cần xác định chất thải có chứa amiăng là chất thải nguy hại để có biện pháp hữu hiệu khi xử lý■

Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng nhằm giảm thiểu chất thải nhựa, cải thiện chất lượng môi trường

Vừa qua, Chương trình “Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng cải thiện chất lượng môi trường” và trại sáng kiến “Hành động nhỏ - Thay đổi lớn” trong khuôn khổ Dự án Zero Plastic Waste Challenge: Small Action, Big Impact (Dự án Zero Plastic Waste) đã được tổ chức tại Hạ Long do Bộ Ngoại giao Mỹ tài trợ và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Xanh (GreenHub) thực hiện. Hoạt động nhằm thúc đẩy giới trẻ, thanh niên Việt Nam có những sáng kiến BVMT, như giảm thiểu, tái chế rác thải nhựa (RTN), đây cũng là diễn đàn để giới trẻ học hỏi và trau dồi thêm kiến thức về môi trường; nâng cao các kỹ năng mềm xây dựng dự án BVMT cộng đồng. Để hiểu rõ hơn về nội dung của Dự án, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với bà Nguyễn Thu Hà - Điều phối Dự án Zero Plastic Waste tại miền Bắc.

*Bà có thể cho biết đôi nét về ý tưởng, kế hoạch thực hiện Dự án Zero Plastic Waste?

Bà Nguyễn Thu Hà: Dự án Zero Plastic Waste nghĩa là thử thách không rác thải nhựa: Hành động nhỏ, Thay đổi lớn thuộc Chương trình MDAO, do Vụ Giáo dục và Văn Hóa, Bộ Ngoại giao Mỹ tài trợ. Ý tưởng của Dự án được khởi xướng và đề ra nhiều chương trình thực hiện tại Việt Nam bởi các cựu sinh viên Mỹ. Tại khu vực miền Bắc, Trung tâm GreenHub đã phối hợp cùng với Hội cựu sinh viên Mỹ thực hiện Chương trình “Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng cải thiện chất lượng môi trường” và trại sáng kiến “Hành động nhỏ - Thay đổi lớn” nằm trong khuôn khổ của Dự án Zero Plastic Waste.

Trong bối cảnh Việt Nam là quốc gia bị ô nhiễm lớn do RTN, với khối lượng trôi nổi ở đại dương khoảng 1,8 triệu tấn mỗi năm, các chuyên gia của Dự án nhận thức được “ô nhiễm trắng” đã trở thành một trong những mối quan ngại hàng đầu của đất nước. Vì vậy, đã ấp ủ và xây dựng Dự án, hướng tới mục đích nâng cao nhận thức cộng đồng về RTN trong đời sống hàng



▲ Bà Nguyễn Thu Hà - Điều phối Dự án Zero Plastic Waste tại miền Bắc

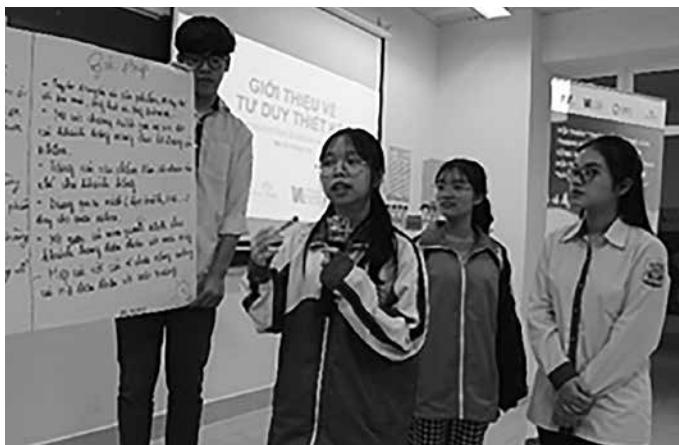
ngày. Đặc biệt, Dự án mong muốn gắn kết, hỗ trợ các bạn trẻ phát huy khả năng học hỏi và thúc đẩy vai trò tiên phong trong mạng lưới hành động chống RTN, đồng thời thúc đẩy những nỗ lực trong công tác BVMT.

Để thực hiện Chương trình, Dự án Zero Plastic Waste đề ra một số mục tiêu cụ thể như: Tiếp cận, truyền thông trực tiếp đến 2.000 người, phủ sóng trên các phương tiện truyền thông và tiếp cận online 80.000 người; tổ chức 8 hội thảo lớn về nhựa ở 8 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang và TP. Hồ Chí Minh); tổ chức cuộc thi tìm ra 8 sáng kiến khả thi về vấn đề môi trường, xã hội để tài trợ thực hiện.

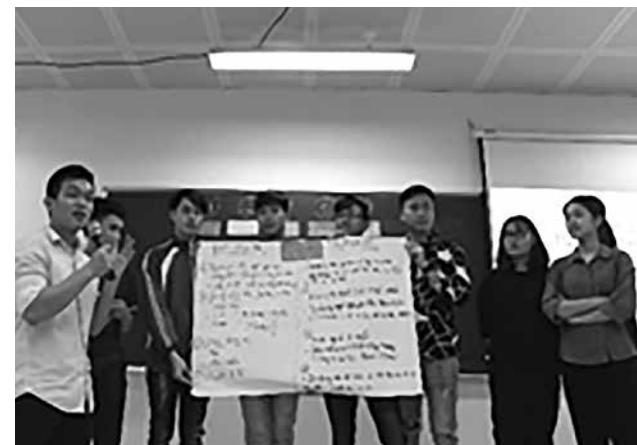
Dự án được thực hiện từ tháng 8/2019 - 8/2020. Tại miền Bắc, Dự án được chia thành 3 hoạt động chính: Đầu tiên là Chiến dịch truyền thông lan tỏa với cuộc thi video “I choose - Tôi chọn không

RTN”. Cuộc thi chính thức mở đăng ký và nhận bài thi từ ngày 4/12/2019 và kết thúc vào ngày 25/12/2019, bình chọn trực tuyến từ ngày 26/12/2019, công bố kết quả vào ngày 29/12/2019. Trong khoảng thời gian này, cuộc thi đã thu hút được các bài dự thi từ 9 tỉnh, thành phố, với độ tuổi từ 12 - 25 tuổi. Các video thể hiện sự sáng tạo khi được trình bày dưới nhiều hình thức: Phim ngắn, phóng sự, bản tin... với giải pháp khoa học như túi nilông thân thiện làm từ khoai tây hay vỏ tôm. Kết quả, giải Nhất được trao cho em Đặng Viết Tùng (lớp 11, trường THPT Lương Thế Vinh, TP. Điện Biên); Nguyễn Huy Hoàng (lớp 11, trường THPT Uông Bí, Uông Bí) đạt giải Nhì; Giải thí sinh được yêu thích nhất thuộc về thí sinh Lê Thị Phương Lan (Đại học Hải Phòng).

Hoạt động thứ hai là Hội thảo và Trại sáng kiến thanh niên được tổ chức trên 4 tỉnh, thành phố trong thời gian từ tháng 1 - 4/2020. Hội thảo tạo



▲ Các bạn học sinh ở TP. Hạ Long tích cực tham gia Chương trình và thuyết trình những sáng kiến BVMT



điều kiện giao lưu mở, với số lượng 250 bạn học sinh, sinh viên cho mỗi hội thảo, và trại sáng kiến thanh niên. Đây cũng là nơi quy tụ của 50 trại viên xuất sắc nhất tham dự. Hoạt động thứ 3 là Cuộc thi “Sáng kiến thanh niên”, cơ hội để các bạn trẻ hiện thực hóa dự án về xã hội và môi trường còn đang ấp ủ, với nguồn tài trợ lên tới 4.000 USD.

*Bà có đánh giá gì về kết quả của Chương trình “Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng cải thiện chất lượng môi trường” đã được tổ chức ở Hạ Long vừa qua?

Bà Nguyễn Thu Hà: Có thể nói rằng, Chương trình “Thúc đẩy vai trò của thanh niên trong sáng kiến cộng đồng cải thiện chất lượng môi trường” là diễn đàn giúp kết nối các bạn trẻ yêu, quan tâm đến những vấn đề về môi trường, đặc biệt là vấn đề về RTN, qua đó khơi dậy những sáng kiến, giải pháp sáng tạo trong việc hạn chế, giảm thiểu, tái sử dụng RTN trong cuộc sống hàng ngày. Đây cũng là cơ hội để các bạn được học hỏi, trau dồi thêm những kiến thức về nhựa, tác hại của RTN đối với môi trường, đồng thời nâng cao những kỹ năng về làm việc nhóm, xây dựng dự án cộng đồng.

Chương trình được tổ chức tại trường Đại học Hạ Long, theo đó Dự án đã mở trang thông tin đăng ký tham gia cho tất cả thanh niên trên địa bàn tỉnh. Chương trình đã thu hút được các bạn học sinh, sinh viên đến từ hơn 7 trường THPT, Đại học trên địa bàn tỉnh Hạ Long, trong đó chủ yếu tập trung là các trường tại Hạ Long và Uông Bí. Đối với trại sáng kiến thanh niên, chúng tôi đã lựa chọn được 40 bạn để chia sẻ, tập huấn sâu về xây dựng sáng kiến dự án cộng đồng. Đặc biệt, Chương trình “Thúc đẩy vai trò thanh niên trong sáng kiến cộng đồng cải thiện chất lượng môi trường” thu hút hơn 100 sinh

viên, học sinh và tại đây, các bạn được hiểu hơn về dự án do tổ chức môi trường như GreenHub thực hiện, hoạt động của thanh niên thế giới trong công tác BVMT...

Qua hoạt động lần này, chúng tôi nhận thấy rằng, các bạn trẻ đã có nhận thức rõ, cũng như có mối quan tâm sâu sắc và động lực để giải quyết các vấn đề môi trường. Có nhiều nhóm thanh niên đã đứng lên thành lập các câu lạc bộ (CLB) về môi trường và hiện đang hoạt động tích cực như trường THPT Uông Bí (CLB UBEC), Hòn Gai (CLB HaLo.w). Phản hồi sau Chương trình, các bạn đều cho rằng mình đã học được kiến thức mới, được mở rộng thêm góc nhìn mới. Và đến cuối ngày, chúng tôi cảm nhận được một sự viên mãn, khi mà các bạn trẻ, không những được học mà còn được vui chơi, giao lưu.

*Sau khi Chương trình kết thúc, theo bà, cần có những giải pháp gì để những sáng kiến, mô hình giảm thiểu RTN sẽ được ứng dụng hiệu quả vào cuộc sống và thực tế của địa phương?

Bà Nguyễn Thu Hà: Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện Chương trình “thúc đẩy vai trò của thanh

niên trong sáng kiến cộng đồng cải thiện chất lượng môi trường” tại 3 tỉnh, thành phố tiếp theo là Hà Nội, Bắc Ninh và Thanh Hóa. Sau khi Chương trình kết thúc, Dự án sẽ tiếp tục tổ chức Cuộc thi “Sáng kiến thanh niên”, dự kiến sẽ diễn ra vào tháng 5/2020 để kêu gọi các sáng kiến, giải pháp cộng đồng về BVMT có tính khả thi để tài trợ triển khai.

Bên cạnh đó, để áp dụng thực tế những sáng kiến của các bạn trẻ, cần có những giải pháp thúc đẩy tinh thần cũng như hướng dẫn và hỗ trợ thêm kiến thức, kinh nghiệm thực hiện dự án cho các bạn trẻ; địa phương cùng chung tay hỗ trợ triển khai Dự án; đặc biệt với vai trò của các tổ chức môi trường như GreenHub, sẽ là cái nôi để giúp đỡ và hỗ trợ các bạn trong việc lên kế hoạch, thực hiện và triển khai Dự án được hiệu quả. Ngoài ra, nguồn lực cũng là một yếu tố quan trọng để giúp cho các bạn trẻ có thể thực hiện được dự án của mình... Chúng tôi hy vọng rằng, dù đây là một dự án nhỏ, nhưng tác động của nó đối với các bạn trẻ sẽ rất lớn và tạo ra một làn sóng với mục tiêu chung là BVMT, giảm thiểu RTN.

*Trân trọng cảm ơn bà!
CHÂU LOAN (Thực hiện)

Áp dụng hóa học xanh nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh và giảm thiểu phát thải các hóa chất nguy hại



▲ Hội thảo khởi động Dự án “Áp dụng HHX tại Việt Nam nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh, giảm thiểu việc phát thải và sử dụng các hóa chất POPs, hóa chất nguy hại” tại Hà Nội, ngày 6/4/2018

Trong thời gian gần đây, hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất đang phát triển mạnh. Hầu hết doanh nghiệp sản xuất trong các ngành công nghiệp khai thác, chế biến thực phẩm và đồ uống, thuốc lá, sản phẩm dệt, may mặc, da, giả da... đều có khả năng sử dụng các loại hóa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs), hoặc các chất có khả năng tạo thành các POPs (các chất POPs phát sinh không chủ định, còn gọi là U-POP) khiến nguồn nước gần các khu công nghiệp thường có hàm lượng hóa chất POPs cao...

Trước bài toán được đặt ra khi vừa phải thúc đẩy sản xuất trong nước có sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất, vừa phải quản lý việc sử dụng hóa chất và kiểm soát những tác động đến môi trường, hóa học xanh (HHX) là một trong những giải pháp được khuyến khích sử dụng để giải quyết vấn đề bằng cách ứng dụng các phương pháp nhằm hạn chế tối đa việc sử dụng và phát thải các hóa chất nguy hại. HHX để cao tiết kiệm tài nguyên và tận dụng tối đa nguyên liệu tái sinh.

HHX (hay còn gọi là hóa học bền vững) là một khái niệm chỉ một ngành hóa học và kỹ thuật khuyến khích việc thiết kế các sản và quá trình giảm thiểu việc sử dụng và tạo ra các chất độc hại. HHX sẽ giảm thiểu và ngăn ngừa ô nhiễm tại nguồn. Nguyên tắc của HHX là có thể áp dụng cho hóa hữu cơ, vô cơ, hóa sinh, hóa phân tích, hóa học vật lý, trọng tâm là giảm thiểu các nguy hiểm và tối đa hóa hiệu quả của hóa chất sử dụng. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, việc áp dụng nguyên tắc của HHX không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến sức khỏe con người và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Sau hai thập kỷ được ứng dụng, HHX đã mang lại những tác động tích cực cho xã hội và môi trường khi các lĩnh vực nghiên cứu mới như dung môi xanh, vật liệu biến tính có nguồn gốc sinh học, khoa học năng lượng thay thế, phân tử tự lắp ráp, thiết kế chất xúc tác thế hệ mới và thiết kế phân tử hướng đến giảm thiểu các rủi ro... đã được phát triển trên diện rộng.

Tại Việt Nam, ngành hóa chất cơ bản và các ngành sản xuất có sử dụng hóa chất đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc sử dụng một số hóa chất nguy hại trong quá trình sản xuất sản phẩm đang gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người, môi trường và hệ sinh thái. Quá trình thải bỏ hóa chất và các sự cố hóa chất diễn ra trong quá trình sản xuất (chủ yếu do công nghệ lạc hậu) đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, tạo áp lực và gánh nặng lên Chính phủ khi phải nỗ lực bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng. Dù vậy, các hóa chất nguy hại bao gồm cả POPs có khả năng phát tán trong môi trường và tích lũy sinh học trong cơ thể con người hiện vẫn đang được sử dụng trong nước. Bên cạnh đó, một số chất có khả năng tạo thành các chất U-POP trong những điều kiện nhất định vẫn đang được sử dụng rộng rãi. Nguyên nhân chính là do sự thiếu hụt thông tin liên quan đến việc sử dụng POPs và các chất có khả năng phân hủy thành POPs trong các lĩnh vực sản xuất, đặc biệt

là ở những cơ sở sản xuất quy mô nhỏ. Ngoài ra, động lực để doanh nghiệp đầu tư vào phát triển công nghệ, quy trình sản xuất thân thiện với môi trường cũng chưa được chú trọng do năng lực về tài chính và con người còn hạn chế.

Để khắc phục tình trạng trên, Chính phủ đã và đang rất quan tâm đến phát triển hiệu quả, an toàn, thân thiện môi trường đối với các ngành sản xuất có sử dụng hóa chất. Ngoài việc đầu tư từ ngân sách, Việt Nam cũng kêu gọi các tổ chức quốc tế hỗ trợ trong lĩnh vực này. Giai đoạn từ năm 2015 - 2018, Tổng cục Môi trường - Bộ TN&MT đã phối hợp với Cục Hóa chất - Bộ Công Thương triển khai trên toàn quốc Dự án Quản lý an toàn POPs và hóa chất nguy hại do Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ ủy thác thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) nhằm giúp Việt Nam giảm thiểu các rủi ro về môi trường và sức khỏe con người thông qua giảm phát thải POPs và hóa chất nguy hại. Theo đó, đã rà soát các chồng chéo, mâu thuẫn tại các văn bản liên quan tới quản lý POPs và hóa chất độc hại (Luật BVMT, Luật Hóa chất, các văn bản dưới luật) để bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý vấn đề này hiệu quả hơn.

Tiếp nối các hoạt động hỗ trợ xử lý POPs, hóa chất nguy hại, đồng thời, với mục tiêu tạo môi trường thuận lợi cho việc giới thiệu và áp dụng HHX, khuyến khích doanh nghiệp hạn chế sản xuất, sử dụng các hóa chất nguy hại, hướng đến phát triển các phương pháp cũng như quá trình sản xuất thân thiện với môi trường, sức khỏe con người, Cục Hóa chất - Bộ Công Thương đã triển khai Dự án “Áp dụng HHX tại Việt Nam nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh, giảm thiểu việc phát thải và sử dụng các hóa chất POPs, hóa chất nguy hại”. Dự án tuân thủ theo 12 nguyên tắc của HHX, đó là: Ngăn ngừa phát sinh chất thải; tối đa hóa việc tiết kiệm nguyên tử; phát triển quá trình tổng hợp hóa học ít độc hại hơn; phát triển các sản phẩm và hóa chất an toàn hơn; sử dụng dung môi và điều kiện phản ứng an toàn hơn; tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng; sử dụng các nguyên liệu có thể tái sinh; tránh làm phát sinh phụ phẩm; sử dụng chất xúc tác để tăng hiệu suất phản ứng; phát triển các hóa chất và sản phẩm có thể phân hủy sau khi sử dụng; quan trắc và phân tích theo thời gian thực tế để ngăn ngừa ô nhiễm; giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra tai nạn. Dự án giúp giảm thiểu việc sử dụng chất ô nhiễm POPs và giảm phát thải U-POPs, thông qua những hoạt động giới thiệu về các cách tiếp cận HHX trong 6 ngành công

nghiệp tại Việt Nam: Mạ crôm, sản xuất giấy và bột giấy, nhựa, dệt, hóa chất bảo vệ thực vật và dung môi - sơn. Những hướng dẫn cụ thể cho từng ngành sản xuất sẽ được xây dựng, đồng thời lồng ghép những cách tiếp cận HHX vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Với sự hỗ trợ của Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) và UNDP, Dự án được thực hiện trong 3 năm (2018 - 2020), gồm 4 hợp phần: Tạo dựng môi trường thuận lợi cho việc áp dụng HHX tại Việt Nam; Tăng cường nhận thức về HHX; Giới thiệu cách tiếp cận của HHX cho các ngành ưu tiên và áp dụng tại ít nhất hai cơ sở sản xuất; Giám sát, đánh giá, thu thập và phổ biến các bài học kinh nghiệm. Tổng kinh phí thực hiện Dự án là 10.399.800 USD, trong đó vốn đối ứng của Bộ Công Thương là 700.000 USD, UNDP tài trợ 200.000 USD và JICA 1,5 triệu USD, khởi tư nhân là 4 triệu USD, Quỹ BVMT 2 triệu USD và GEF viện trợ không hoàn lại thông qua UNDP 1.999.800 USD.

Qua giai đoạn khảo sát, Dự án đã xác định được 6 ngành nghề được ưu tiên triển khai HHX trong Dự án bao gồm: Mạ điện, sản xuất giấy và bột giấy, nhựa, dệt nhuộm, hóa chất bảo vệ môi thực vật, sơn và dung môi. Đây là những ngành có khả năng sử dụng POPs, thủy ngân và những chất có thể phản hủy thành POPs trong sản xuất. Trong năm 2018 - 2019, Dự án đã thiết lập được môi trường thuận lợi cho việc áp dụng thực hành HHX; giới thiệu các ứng dụng và lợi ích của HHX cho cán bộ lãnh đạo, công chúng, doanh nghiệp thuộc các ngành tiêu ngành công nghiệp được chọn; đánh giá năng lực quốc gia liên quan

đến áp dụng HHX; đánh giá hiện trạng khung pháp lý cho 6 ngành ưu tiên; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn...

Trong năm 2020, Dự án sẽ thí điểm mô hình ứng dụng HHX tại Công ty CP Plato Việt Nam thuộc lĩnh vực mạ điện và Công ty CP Sơn Nishu thuộc lĩnh vực sơn và dung môi. 2 công ty này sẽ được hỗ trợ các trang thiết bị, nguyên vật liệu cho hoạt động trình diễn HHX từ Dự án, xây dựng cơ sở dữ liệu về các hóa chất đang được sử dụng nhằm xác định chất có thể thay thế các loại dung môi có chứa clo, thay thế cho các chất POPs hay các hóa chất nguy hại đã bị cấm ở một số nước như PFOS, PBDE và SCCP. Đồng thời, áp dụng nguyên tắc sử dụng những chất diệt khuẩn, tẩy rửa thân thiện với môi trường, giảm thiểu tối đa lượng nước xả thải, và thiết lập hệ thống kiểm soát chất lượng nước tự động. Hai công ty này sẽ minh chứng cho những lợi ích của việc áp dụng HHX như nâng cao hiệu suất, giảm thiểu chi phí trong quá trình sản xuất, BVMT cũng như đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng.

Mặc dù, chưa có kết quả cuối cùng nhưng có thể khẳng định rằng, Dự án “Áp dụng HHX tại Việt Nam nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh, giảm thiểu việc phát thải và sử dụng các hóa chất POPs, hóa chất nguy hại” sẽ góp phần tạo môi trường pháp lý, nâng cao nhận thức và thử nghiệm thực tế, giúp giảm phát thải các chất ô nhiễm khó phân hủy. Đây cũng là xu hướng tất yếu đối với công nghiệp hóa chất tại Việt Nam giúp giảm thiểu hóa chất nguy hại vì sức khỏe cộng đồng và hội nhập quốc tế.

NGUYỄN VĂN LUYỆN

Tập đoàn SCG chia sẻ kinh nghiệm về phát triển bền vững gắn với kinh tế tuần hoàn

Là tập đoàn lớn tại Đông Nam Á hoạt động trong ba lĩnh vực chính gồm xi măng - vật liệu xây dựng, hóa dầu và bao bì, SCG đang từng bước hướng đến mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trong toàn chuỗi giá trị, từ sản xuất tới tiêu dùng và tái chế chế phẩm sau khi sản xuất. Tại Việt Nam, SCG bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 1992 và đến nay đã có hơn 22 công ty con tại Việt Nam với hơn 8,600 nhân viên. Bên cạnh đó, SCG đang có nhiều dự án đầu tư tại Việt Nam, trong đó lớn nhất là dự án lọc hóa dầu Long Sơn tại thành phố Vũng Tàu.

TỐI ƯU HÓA VIỆC SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Tại buổi làm việc với Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân vào đầu tháng 2/2020, ông Piayong Jriyasetapong - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn SCG cho biết, Tập đoàn SCG đã luôn chú trọng định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Thái Lan trong nhiều năm qua. Tại các nhà máy của SCG, từ năm 2012 đã không có chất thải chôn lấp. Các chất thải rắn được tái chế thành viên nén năng lượng để sử dụng trong các nhà máy xi măng hoặc phát điện. "Kinh nghiệm của chúng tôi là nếu không có cơ sở hạ tầng tốt thì xây dựng kinh tế tuần hoàn khó khả thi", ông Piayong Jriyasetapong cho hay.

Theo đó, SCG đã ứng dụng các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn và thực hiện hóa "Mô hình tuần hoàn SCG" bằng cách cam kết tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên trong quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ và thu hồi sản phẩm thải bỏ. Tuy nhiên, để thực hiện thành công nền kinh tế tuần hoàn cần sự cam kết của Chính phủ sở tại cũng như cộng đồng doanh nghiệp. Do đó, ứng dụng thành công nền kinh tế tuần hoàn có thể thúc đẩy sử dụng các sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao, từ đó tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn tài nguyên.

Tại khu vực Đông Nam Á, SCG là một trong những tập đoàn có kinh nghiệm dày dặn nhất trong việc cắt giảm rác thải nhựa cũng như sản



▲ Tập đoàn SCG và các đối tác tham gia liên minh BVMT

xuất bao bì thân thiện với môi trường và dễ dàng tái chế. Ba những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của SCG là bao bì, vật liệu xây dựng và hóa dầu đều là những ngành nghề trực tiếp tác động xấu lên môi trường; nên nếu họ không thể hiện sớm trách nhiệm xã hội, có thể dẫn đến khủng hoảng truyền thông ở một lúc nào đó trong tương lai. Theo Báo cáo từ SCG, trong những năm vừa qua, họ đã kết hợp các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn vào hoạt động của doanh nghiệp với 3 chiến lược như sau. Giảm sử dụng vật liệu và tăng độ bền vật liệu bằng cách hạn chế sử dụng tài nguyên trong sản xuất cũng như phát triển các sản phẩm với thời gian sử dụng dài hơn, ví dụ như sản xuất bao bì gọn nhẹ với vẻ ngoài bắt mắt - bền nhưng tiêu tốn ít giấy hơn. Nâng cấp và thay thế bằng cách đổi mới công nghệ để thay thế các sản phẩm và nguyên liệu thô hiện tại bằng các giải pháp hiệu quả hơn, giúp giảm thiểu tiêu thụ nguyên liệu hoặc làm cho sản phẩm dễ dàng tái chế hơn. Ví dụ: nhà vệ sinh dạng module, tấm tường đúc sẵn, tấm bê tông khí chung áp linh

hoạt, bao bì thực phẩm Fest thay thế thùng xốp và bao bì linh hoạt độ bền cao và dễ dàng tái chế. Tái sử dụng và tái chế bằng cách tăng cường khả năng tái chế của vật liệu, ví dụ: phát triển sản phẩm với dây chuyền sản xuất sử dụng tỷ lệ vật liệu tái chế cao hơn, hợp tác với các siêu thị và cửa hàng bán lẻ hiện đại nhằm thu thập các hộp giấy và giấy đã qua sử dụng để tái chế; phát triển công thức nhựa với tỷ lệ nhựa tái chế cao hơn.

Năm 2018, SCG đã chuyển đổi khoảng 313.000 tấn chất thải công nghiệp thành nguyên liệu thô tái tạo và tận dụng 131.000 tấn chất thải công nghiệp thông thường thành nhiên liệu thay thế. Năm 2019, SCG đang tiếp tục tích hợp các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn vào sản xuất sản phẩm và đặt mục tiêu giảm sản xuất nhựa sử dụng 1 lần từ 46% xuống 20% vào năm 2025 và tăng tỷ lệ nhựa tái chế, tái sử dụng và phân hủy sinh học lên 100% đến năm 2025.

Tại Việt Nam, trong thời gian đầu, SCG tập trung chủ yếu vào việc truyền thông và giáo dục về tầm quan trọng

của việc sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường cũng như khả năng tái chế dễ dàng của sản phẩm nhựa cho cán bộ công nhân viên. Sau đó SCG mới truyền thông ra ngoài hay liên minh các đối tác tại Việt Nam. Là Chủ đầu tư dự án Tổ hợp hóa dầu Long Sơn, SCG dự tính sẽ đưa tổ hợp này trở thành hình mẫu về kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. Trong đó, tất cả các nhà thầu và người tham gia xây dựng dự án đều phải tuân thủ điều kiện tương thích với kinh tế tuần hoàn, cụ thể là tiết kiệm nhiên liệu, BVMT và khép kín chu trình vòng đời sản phẩm. Từ dự án này, chính quyền địa phương có thể thúc đẩy hệ thống trường học các cấp tham gia vào kinh tế tuần hoàn.

Theo Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân, việc áp dụng kinh tế tuần hoàn ở dự án lọc hóa dầu Long Sơn cần tính đến các sản phẩm sau hóa dầu đáp ứng yêu cầu của kinh tế tuần hoàn, với khí thải, nước thải phải được xử lý tuần hoàn. Chất thải rắn sau quá trình sản xuất phải được thu hồi, tái sử dụng, tạo ra giá trị mới. Kinh nghiệm triển khai kinh tế tuần hoàn ở dự án lọc hóa dầu Long Sơn của Tập đoàn SCG có thể là bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp và tập đoàn khác tại Việt Nam nhằm thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp trong việc áp dụng kinh tế tuần hoàn.

NHỮNG BÀI HỌC QUÝ GIÁ VÀ TRẢI NGHIỆM ĐẦY CẢM HỨNG TỪ THỰC TẾ

Thời gian qua, từ những sự cố môi trường liên tiếp gần đây trên toàn thế giới như cháy rừng Amazon, hay hiện tượng ô nhiễm không khí diễn ra ngay tại Việt Nam cho thấy vấn đề môi trường thật sự đang là nỗi lo “không của riêng ai”. Trong bối cảnh đó, vai trò của giới trẻ sẽ mang đến niềm hy vọng về những thay đổi tích cực nhằm cải thiện các vấn đề về môi trường trong tương lai. Chính vì lẽ đó, SCG - tập đoàn tiên phong về phát triển bền vững đã tổ chức Hội trại SCG Sharing The Dream ASEAN 2019, quy tụ 73 đại diện trẻ từ 7 quốc gia khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam để cùng nhau học hỏi, chia sẻ và hợp tác tìm hướng giải quyết cho những vấn đề cấp bách của khu vực. Không chỉ được tham gia những khóa đào tạo kỹ năng lãnh đạo do chính Ban Giám đốc SCG hướng dẫn, các sinh viên của hội trại còn được trải nghiệm



▲ Ban Lãnh đạo Tập đoàn SCG chụp ảnh lưu niệm với các bạn trẻ trong khuôn khổ Hội trại SCG Sharing The Dream ASEAN năm 2019

những dự án phát triển bền vững, áp dụng nguyên tắc Nền kinh tế tuần hoàn trong thực tế của SCG. Một trong những ý tưởng cực kỳ thú vị là dự án Đường từ nhựa tái chế do SCG phối hợp với tập đoàn Dow Chemicals thực hiện. Đây là một giải pháp thông minh, bền vững, giúp giải quyết vấn đề rác thải nhựa vốn đang là vấn nạn của nhiều quốc gia.

Hội trại SCG Sharing The Dream ASEAN 2019 còn là diễn đàn để các bạn trẻ chia sẻ góc nhìn của mình về những vấn đề môi trường bức thiết mà quốc gia mình đang đối mặt, cũng như cùng nhau đưa ra giải pháp thiết thực cho những vấn đề đó. Dự án “Say no to single use plastic - Nói không với đồ nhựa dùng một lần” của đại diện Việt Nam đã nhận được những lời khen, phản hồi và đóng góp tích cực từ cả phía Tập đoàn SCG và bạn bè quốc tế. Ban Lãnh đạo cấp cao SCG nhận xét: “Tôi thực sự ấn tượng với cách nhìn nhận sâu sắc của các sinh viên Việt Nam, vấn đề không nằm ở vật liệu nhựa mà ở chính hành vi sử dụng và đặc biệt là thói quen dùng nhựa một lần. Làm

sao để thay đổi thói quen này và sử dụng chúng đúng cách, nhựa sẽ trở nên có ích cho môi trường”. Niềm vui còn được nhân lên khi ý tưởng này còn nhận được tài trợ kinh phí từ SCG Việt Nam để thực hiện tại chính quê hương Việt Nam. Hiện tại nhóm đã xây dựng xong cơ cấu nhân sự, lên ý tưởng sơ bộ cho các hoạt động truyền thông sắp tới. Hơn bao giờ hết, những đại diện trẻ Việt Nam tại Hội trại SCG Sharing The Dream ASEAN 2019 đã cho chúng ta hy vọng về một thế hệ trẻ sống có trách nhiệm, năng động, hiểu biết và đầy nhiệt huyết với các vấn đề môi trường, cộng đồng.

Ngoài các chương trình nêu trên, SCG còn triển khai nhiều chương trình dành cho thanh thiếu niên khác như chương trình “SCG Thực tập sinh quốc tế”, chương trình “SCG Nhà lãnh đạo trẻ”... Với tầm nhìn trở thành doanh nghiệp tầm cỡ quốc tế về phát triển bền vững, SCG luôn chú trọng không những môi trường mà còn quan tâm nâng đỡ thế hệ trẻ qua những chương trình trách nhiệm xã hội thiết thực.

HỒNG GẦM

Ban quản lý Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ nỗ lực trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học

Khu bảo tồn biển đảo (KBTBD) Cồn Cỏ là một trong những hệ sinh thái biển có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao của Việt Nam, với các hệ sinh thái (HST) điển hình của vùng biển nhiệt đới như rạn san hô (RSH), rong cỏ biển và các loài cá. Trong những năm qua, Ban Quản lý (BQL) KBTBD đã làm tốt công tác bảo tồn ĐDSH và quản lý tài nguyên biển đảo, nghiên cứu, thử nghiệm nuôi cấy san hô, phục hồi nguồn lợi biển trong KBTBD.

KBTBD Cồn Cỏ có tổng diện tích 4.532 ha, bao gồm 3 phân khu chức năng: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích 534 ha; phân khu phục hồi sinh thái 1.392 ha; phân khu phát triển 2.376 ha. KBTBD Cồn Cỏ có mức độ ĐDSH cao với khoảng 113 loài san hô, 57 loài rong cỏ biển, 67 loài động vật đáy, 19 loài giáp xác, 224 loài cá biển khơi, 87 loài cá RSH, 164 loài thực vật phù du, 68 loài/nhóm động vật phù du; trong đó có nhiều loài hải sản quý hiếm, có giá trị kinh tế cao như tôm hùm, ghẹ, hải sâm, vẹm xanh, điệp, cá thu, cá mú, cua biển, mực, san hô sừng. Tổng trữ lượng nguồn hải sản vùng biển đảo Cồn Cỏ ước tính đạt khoảng 40.000 tấn, sản lượng khai thác bền vững khoảng 12.000 tấn/năm.

Trong những năm qua, BQL KBTBD Cồn Cỏ đã triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH tại KBTBD. Trong đó, tiêu biểu là đề tài: “Điều tra hiện trạng cua đá tại đảo Cồn Cỏ”. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng các giải pháp quản lý bền vững nguồn lợi cua đá tại đảo; nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường, thu thập kiến thức, kinh nghiệm trong công tác xây dựng, quản lý dự án có sự tham gia của cộng đồng. Bên cạnh đó, BQL cũng đã xây dựng đề xuất các chương trình nghiên cứu khoa học, điều tra đánh giá nguồn lợi sinh vật biển đảo Cồn Cỏ giai đoạn 2016-2020; chương trình điều tra bổ sung bảo tồn gen của các loài động, thực vật quý hiếm tại KBTBD. Qua đó, từng bước thu thập, phân loại và xây dựng tủ mẫu vật trung bày các loài động



▲ BQL KBTBD Cồn Cỏ phối hợp với Đồn biên phòng Cửa Tùng thả về tự nhiên một cá thể rùa biển

thực vật biển quý hiếm, đặc trưng của đảo Cồn Cỏ nhằm lưu trữ nguồn gen; Những tiêu bản các loài đặc trưng có ở KBTBD gồm: 100 bộ mẫu vật tươi (tôm hùm, cá mú, ghẹ sao, ghẹ đỏ, ốc tù và, cá hồng, cua đồi, cá chim, cá bướm, cá dìa, cua đá...) bảo quản bằng hóa chất ngâm trong chậu kính, và các tiêu bản thuộc bộ ốc và hai mảnh vỏ gồm: trai tai tượng, trai ngọc nữ, bào ngư chín lỗ, ốc hương, ốc vú nàng, ốc đụn, ốc mặt trăng, ốc nón, ốc gai, ốc sứ, điệp và một số loài san hô.

Ngoài ra, BQL KBTBD Cồn Cỏ cũng đã đẩy mạnh hoạt động điều tra, nghiên cứu, công tác giám sát đánh giá các HST, tài nguyên biển, nhất là vùng Đông Nam, Đông Bắc và Tây Bắc đảo Cồn Cỏ. BQL phối hợp với các đối tác trong việc triển khai các đề tài khoa học, thử nghiệm nuôi cấy san hô, phục hồi nguồn lợi biển trong KBTBD được kịp thời và đạt hiệu quả cao. Tháng 8/2015, BQL đã phối hợp với

Viện Nghiên cứu Hải sản Hải Phòng tiếp tục theo dõi ứng dụng khoa học kỹ thuật nuôi cấy san hô tại Bến Nghé đảo Cồn Cỏ. Theo kết quả giám sát vườn ươm san hô, năm 2011 đã trồng mới 360 tạ, đoàn san hô cứng tại Bến Nghé, sau 230 ngày tỷ lệ sống đạt 71,1%. Sau 4 năm, đến năm 2015, một số tạ đoàn san hô đã phủ nền đáy khoảng 1/10 m² và hiện nay đang sinh trưởng phát triển tốt.

Hàng năm, BQL tổ chức định kỳ 4 đợt lặn kiểm tra HSTRSH, thảm rong cỏ và nền đáy biển nhằm theo dõi giám sát sự sinh trưởng, phát triển, phát hiện kịp thời các sự cố về sinh vật và môi trường biển nhằm đưa ra các giải pháp ứng phó. Từ ngày 24/6 - 2/7/2018, BQL đã phối hợp với Viện Nghiên cứu Hải sản Hải Phòng tiến hành lặn kiểm tra RSH, thảm rong cỏ biển và nền đáy biển tại 5 mặt cắt bao quanh đảo: Mặt cắt Bến Tranh và các phía Đông, Nam, Bắc, Tây của



▲ Đoàn viên thanh niên Quảng Trị ra quân vệ sinh môi trường tại Cồn Cỏ

đảo. Qua kết quả kiểm tra giám sát cho thấy, tại Bến Tranh, RSH cũng bị tẩy trắng cuối năm 2017 đã phục hồi gần như hoàn toàn (đến 90%). Đặc biệt, tại khu vực từ Bến Tranh đến Bến Nghè, hệ ốc phát triển rất mạnh, trứng và ốc con bám vào hệ rong cỏ biển với khối lượng rất lớn, chủ yếu là các loại ốc mặt trăng, ốc đụn và một số loại khác... Điều này cho thấy, HSTRSH, rong cỏ biển phát triển tốt, là bãi đẻ cho nhiều loài hải sản sống trong KBTBĐ. Ngoài ra, tại 4 mặt cắt còn lại, san hô phát triển tốt, đặc biệt là san hô mềm, các loài hải miên, hải sâm có sự tăng trưởng về thành phần và khối lượng.

Ngoài ra, BQL KBTBĐ Cồn Cỏ còn phối hợp với Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) triển khai chương trình “Bảo tồn, cứu hộ rùa biển” nhằm ngăn chặn nạn đánh bắt, mua bán, xẻ thịt, cứu hộ kịp thời rùa biển, song song với đó là không ngừng tăng cường nhận thức cho người dân về công tác bảo tồn rùa biển. Từ tháng 5/2017 - 5/2019, BQL đã kịp thời cứu hộ và thả 45 cá thể rùa biển về biển. Đây là những cá thể rùa bị mắc lưới của ngư dân, kiem ăn tại ngư trường Quảng Trị, rùa vào bờ để trú ẩn, rùa bị săn bắt trái phép... BQL đã triển khai được 20 lớp tập huấn bảo tồn và cứu hộ rùa biển, thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Luật Thủy sản, Luật Biển và các nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản cho lực lượng ngư dân, chủ tàu thuyền, thuyền trưởng

và cán bộ quản lý các xã ven biển nhằm nâng cao năng lực quản lý, nhận thức của cộng đồng về công tác bảo vệ, bảo tồn và phát triển nguồn lợi biển và ĐDSH theo hướng bền vững.

Nhằm phát huy những thành tích đã đạt về công tác bảo vệ HSTRSH, bảo vệ tài nguyên KBTBĐ, bảo vệ và cứu hộ rùa biển..., BQL KBTBĐ Cồn Cỏ đã đề ra một số biện pháp trong những năm tiếp theo:

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục vận động ngư dân, khách du lịch, cán bộ công nhân viên đang sinh sống và công tác trên đảo Cồn Cỏ thực hiện tốt Quy chế bảo tồn biển để nguồn lợi biển ngày càng được nâng cao góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương cũng như khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên biển; Lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục môi trường và BVMT trong các lớp tập huấn nhằm trang bị cho các em học sinh,

ngư dân, khách du lịch, các doanh nghiệp hiểu sâu hơn về lợi ích của KBTBĐ mang lại vì sự nghiệp phát triển kinh tế biển bền vững;

Tăng cường quản lý tài nguyên biển, đặc biệt trong việc phối hợp tuần tra, giám sát, truy quét và ngăn chặn các tác động xâm hại tới RSH, rong cỏ biển, môi trường nước biển trong KBTB; tích cực phối hợp với các lực lượng chức năng của huyện đảo và các đơn vị liên quan như Chi cục Thủy sản, các đồn biên phòng ven biển và đảo cồn cỏ trong việc tuần tra kiểm soát các tàu cá hoạt động, neo đậu trong khu BTB, nhất là các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt phân khu Phục hồi sinh thái, phân khu phát triển và các vùng xung quanh đảo cồn cỏ. Lắp đặt thêm và bảo dưỡng hệ thống phao phân vùng nhằm quản lý tốt hơn tài nguyên biển.

Đẩy mạnh hoạt động điều tra, nghiên cứu, công tác giám sát đánh giá các HST, tài nguyên biển, nhất là vùng Đông Nam, Đông Bắc và Tây Bắc đảo Cồn Cỏ. Phối hợp với các đối tác trong việc triển khai các đề tài khoa học, thử nghiệm nuôi cấy san hô, phục hồi nguồn lợi biển trong KBTBĐ Cồn Cỏ được kịp thời và đạt hiệu quả cao.

Tăng cường công tác cứu hộ, bảo vệ, bảo tồn động vật hoang dã quý, hiếm, nguy cấp được ưu tiên bảo vệ có tên trong sách Đỏ Việt Nam, cũng như sách Đỏ thế giới; các loài quý, hiếm, nguy cấp được ưu tiên bảo vệ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP như 5 loài rùa biển, cá heo, trai tai tượng, các loài san hô...

PHẠM THỊ NHÂM

Bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường quần thể Hòn Yến



▲ Quần thể Hòn Yến



▲ HST san hô quần thể Hòn Yến

Quần thể Hòn Yến thuộc địa bàn thôn Nhơn Hội, xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; cách trung tâm TP. Tuy Hòa khoảng 20km về hướng Bắc, cách thăng cảnh Gành Đá Dĩa 15 km về hướng Nam và Quốc lộ 1 khoảng 3 km về hướng Đông. Đây là khu vực bao gồm Hòn Yến, Hòn Đụn, Bàn Than, Gành Yến, Hòn Choi, Vũng Choi tạo thành một quần thể thăng cảnh tự nhiên vô cùng độc đáo bên bờ biển; trong đó Hòn Yến là điểm nhấn nổi bật nhất của quần thể danh thắng này.

Hòn Yến có độ đa dạng sinh học (ĐDSH) cao; trên cạn có thảm thực vật bao phủ và một số loài chim như nhạn biển, yến; dưới nước là nơi sinh tồn, phát triển của các hệ sinh thái (HST) san hô, cỏ biển, rong biển và một số loài cá nhỏ, hải sâm, sao biển... có giá trị kinh tế, khoa học; đặc biệt rạn san hô nơi đây đa dạng, phong phú về chủng loại, nhiều màu sắc và độc đáo, gắn với giá trị địa chất, địa mạo, là biểu tượng của tỉnh Phú Yên. Kết quả điều tra khảo sát, đánh giá tình hình thực tế về ĐDSH, quần thể san hô tại khu vực Hòn Yến và một số khu vực khác năm 2019 của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (Bộ Quốc phòng) cho thấy, khu vực này phân bố san hô với diện tích 12,71 ha; thảm rong, cỏ biển có diện tích khoảng 6,5 ha, với 17 loài san hô cứng và 40 loài động vật không xương sống cỡ lớn.

Với sự kết hợp hài hòa giữa cảnh quan thiên nhiên và giá trị từ các HST, ĐDSH, ngày 29/4/2018, quần thể Hòn Yến đã được Bộ Văn

hoa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích thăng cảnh cấp Quốc gia. Quần thể Hòn Yến là danh thắng có giá trị tự nhiên, từ địa chất đến hệ động, thực vật, ĐDSH; có giá trị về văn hóa, lịch sử và tiềm năng phát triển du lịch biển hấp dẫn. Tuy nhiên, các khảo sát gần đây cho thấy, quần thể Hòn Yến đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, do tiếp nhận lượng lớn nước thải, rác thải chưa qua xử lý từ hoạt động nuôi trồng thủy sản; hoạt động dân sinh; các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên bờ và khách du lịch tham quan. Đối với khu vực nuôi trồng thủy sản, 100% các lồng bè nuôi đều xả thải trực tiếp ra môi trường biển, không qua xử lý; điều này không chỉ gây ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng đến các thủy sinh vật, mà còn dễ phát sinh và lây lan dịch bệnh. Ngoài ra, hoạt động xả thải (nước thải, rác thải, dầu...) từ các tàu bè phục vụ du lịch và khai thác thủy sản; chất thải do rửa trôi

đất, theo sông, kênh, suối kéo theo chất ô nhiễm từ đất liền đổ vào biển cũng góp phần gây ô nhiễm môi trường nơi đây. Đặc biệt, các tác động tiêu cực từ con người; khai thác, đánh bắt các nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt; hoạt động giãm đập lên các HST... cũng làm cho rạn san hô ven bờ nơi đây đã và đang bị hủy hoại nghiêm trọng.

Trước những thách thức trên, ngày 2/7/2019, UBND tỉnh Phú Yên đã ban hành văn bản số 3464/UBND-KT về việc tăng cường công tác bảo vệ ĐDSH và giữ vệ sinh môi trường khu vực quần thể Hòn Yến; trong đó giao Sở TN&MT Phú Yên chủ trì, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học liên quan đề xuất và triển khai các giải pháp bảo vệ, phục hồi HST san hô; xây dựng Đề án thành lập Khu bảo tồn, bảo vệ HST san hô; qua đó, đánh giá thực trạng, xu thế phát triển HST san hô biển, đảo ven bờ nhằm xác lập các nội dung



▲ Quần thể Hòn Yên (xã An Hòa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên) được công nhận là Danh thắng cấp quốc gia vào tháng 4/2018

nghiên cứu cho quản lý, bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững.

Mới đây, UBND tỉnh Phú Yên đã phê duyệt Đề án bảo vệ, bảo tồn Đ DDSH, cảnh quan môi trường quần thể Hòn Yên, huyện Tuy An đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 để chi tiết hóa những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cũng như phân bổ trách nhiệm cụ thể cho từng Sở, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội liên quan cùng hướng đến công tác BVMT, bảo tồn Đ DDSH Di tích thắng cảnh cấp Quốc gia quần thể Hòn Yên. Đề án triển khai trong nhiều giai đoạn, trong đó, năm 2020, tập trung điều tra, đánh giá hiện trạng để đưa ra phương án bảo vệ, bảo tồn phù hợp.

Theo đó, việc bảo vệ, bảo tồn được tiến hành trên nguyên tắc phát triển bền vững, quản lý tổng hợp và liên ngành, kết hợp giữa quản lý nhà nước với nâng cao ý thức, trách nhiệm, sự tham gia của cộng đồng. Công tác bảo vệ, bảo tồn Đ DDSH, cảnh quan, môi trường quần thể Hòn Yên được tiến hành, thực hiện thường xuyên, lâu dài, dựa trên nguyên tắc phòng ngừa là chính, kết hợp với kiểm soát ô nhiễm, khắc phục suy thoái, bảo vệ, bảo tồn Đ DDSH và đẩy mạnh việc ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào BVMT, bảo tồn Đ DDSH. Mục tiêu của Đề án là tăng cường hoạt động bảo vệ, bảo tồn Đ DDSH, cảnh quan môi trường quần thể Hòn Yên nhằm chặn đứng mức độ già tăng ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; hướng đến khai thác sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên; bảo vệ, bảo tồn Đ DDSH, cảnh quan khu vực, phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội

huyện Tuy An nói riêng và tỉnh Phú Yên nói chung. Đồng thời, Đề án cũng đề ra các nhiệm vụ trọng tâm gồm:

Hoàn thành điều tra, thống kê, đánh giá toàn diện về Đ DDSH quần thể Hòn Yên làm cơ sở cho công tác quản lý và thành lập khu bảo tồn.

Tăng cường năng lực, thề chế, chính sách, ban hành các văn bản cụ thể hóa các quy phạm pháp luật về BVMT và Đ DDSH có tính chất đặc thù, ưu đãi để áp dụng cho khu vực quần thể Hòn Yên; Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật; tăng cường cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý; xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn về quản lý Đ DDSH; bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả trong việc thực thi công tác bảo vệ Đ DDSH, cảnh quan, môi trường khu vực quần thể Hòn Yên; đẩy mạnh công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với các cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động xả thải ra môi trường gây mất cảnh quan, ô nhiễm nguồn nước và Đ DDSH quần thể Hòn Yên.

Phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục tình trạng ô nhiễm và BVMT quần thể Hòn Yên. Theo đó, một số chỉ tiêu thực hiện được đặt ra là hơn 85% khu vực bị ô nhiễm môi trường được khắc phục, xử lý; hơn 90% hộ dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên bờ trong khu vực nghiên cứu có dụng cụ phân loại rác tại nguồn; hơn 90% chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên bờ trong khu vực nghiên cứu được thu gom và xử lý triệt để; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, nước thải của các hộ dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên bờ đảm bảo chất lượng trước khi thảm ra biển; 100% khu vực công cộng và các vị trí thuận lợi có thùng đựng rác thải để người dân, du khách bỏ rác; di dời và xử lý triệt để các lồng bè nuôi tôm hùm, hoặc nuôi trồng thủy hải sản không theo quy hoạch, gây mất cảnh quan, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến các HST khác trong khu vực.

Bảo tồn Đ DDSH khu vực quần thể Hòn Yên; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các dụng cụ khai thác thủy sản hủy diệt (lò dây, đặng, chấn, kích điện), đặc biệt là hóa chất nguy hại gây hủy diệt sinh vật, Đ DDSH và ô nhiễm môi trường trong khu vực; xây dựng chương trình bảo tồn sử dụng và phát triển bền vững các loài; HST đặc hữu, quý, hiếm, có giá trị kinh tế, đặc biệt là HST rạn san hô trong khu vực nghiên cứu.

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm và thu hút sự tham gia của cộng đồng về quản lý, bảo vệ, bảo tồn Đ DDSH, cảnh quan, môi trường quần thể Hòn Yên■

KIM NGÂN

HUYỆN ĐẢO CÔ TÔ:

Phấn đấu trở thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển đảo cấp quốc gia



▲ Vẻ đẹp hoang sơ, độc đáo của Cô Tô

Huyện đảo Cô Tô là một quần đảo gồm khoảng 50 đảo nằm ở phía Đông của tỉnh Quảng Ninh, có diện tích 46,2 km², 1.500 hộ dân, với gần 6.000 nhân khẩu. Những năm gần đây, Cô Tô đã trở thành địa điểm du lịch hấp dẫn, mỗi năm thu hút hàng trăm nghìn lượt du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng. Bằng việc đầu tư ngày càng đồng bộ về hạ tầng giao thông, du lịch, dịch vụ... Cô Tô đang nỗ lực để trở thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển đảo cấp quốc gia vào năm 2020.

CÔ TÔ - ĐẢO NGỌC

Cô Tô là vùng biển có giá trị đa dạng sinh học hàng đầu của Việt Nam, mang nhiều hệ sinh thái điển hình cho vùng biển nhiệt đới, trong đó có hệ sinh thái rạn san hô. Đây cũng là nơi có nhiều loài hải sản quý hiếm như tôm hùm, bào ngư, hải sâm, cầu gai, cua, ghẹ, cá song, cá mú, mực, san hô sừng... Ngoài ra, Cô Tô còn có những bãi biển sạch với làn nước trong xanh, bờ biển thoải cùng hệ sinh thái rừng nguyên sinh nhiệt đới được bảo tồn gần như nguyên vẹn... là thế mạnh để phát triển du lịch nơi đây.

Cô Tô lớn - Hòn đảo tiền tiêu, bao gồm những bãi biển như Tàu Đầm, Hồng Vàn, Vàn Chảy, Bắc Vàn, Vòm Si, Vụng Ông Viên... Tại bãi Bắc Vàn, du khách có thể chiêm ngưỡng loài sao biển, còn ở bãi đá Móng Rồng (trước đây gọi là bãi Cầu Mỹ) du khách sẽ được thỏa thích ngắm các con sóng, những vách núi kỳ thú lung linh trong ánh bình minh và huyền ảo lúc hoàng hôn. Nhưng nơi đẹp nhất của đảo Cô Tô lớn là bãi biển Hồng Vàn, nằm ở phía Đông, còn mang đậm nét hoang sơ, không khí trong lành, bãi cát trắng thoai thoái, mềm mại, dài như vô tận, màu nước biển trong xanh...

Đặc biệt, đến với Cô Tô lớn du khách sẽ được khám phá rừng chổi nguyên sinh lớn nhất trong cả nước, có diện tích 10 ha, ở thôn Nam

Đồng, xã Đồng Tiến, ngay trên đường tham quan, cách trung tâm huyện khoảng 9 km. Cánh rừng chạy dọc theo bờ biển Bắc Vàn, ôm trọn cả con đường nhựa. Theo các nhà khoa học lâm nghiệp, phải mất hàng trăm năm mới có được một rừng chổi nguyên sinh như ở Cô Tô. Tại đây có nhiều cây chổi cổ thụ cao hơn 20 m, tuổi thọ gần 100 năm. Ngoài giá trị cảnh quan, rừng chổi còn có giá trị về đa dạng sinh học - giá trị độc đáo của rừng nguyên sinh trên đảo Cô Tô. Với đặc tính là giống cây thân dẻo, dai, phân nhánh sớm, chịu được sóng gió và cát biển, rừng chổi nguyên sinh Cô Tô còn là rừng phòng hộ, bảo vệ cho xóm làng, luôn được người dân và du khách nhắc nhở có ý thức giữ gìn. Đến đây, du khách sẽ được trải nghiệm các hoạt động tham quan, khám phá rừng, chụp ảnh lưu niệm, nghiên cứu... Nhất là vào tháng 4, khi hoa chổi nở, đây là khoảng thời gian thích hợp nhất để trải nghiệm rừng chổi, tận hưởng không khí trong lành, yên tĩnh, chỉ có tiếng chim muông - một trải nghiệm vô cùng thú vị. Có thể nói, vẻ đẹp của rừng chổi đã khiến nơi đây trở thành một trong những địa điểm du lịch lý thú đối với nhiều du khách.

Cùng với đảo Cô Tô lớn là đảo Cô Tô con, nằm cách nhau hơn nửa giờ đi tàu loại nhỏ. Đảo Cô Tô con rộng hơn 200 ha, gồm một hệ thống



▲ Rừng chòi nguyên sinh trên đảo Cô Tô

rừng sinh thái phong phú, trong đó có nhiều loài cây gỗ và động vật quý hiếm. Nơi đây mang vẻ đẹp hoang sơ với bãi biển cát trắng trải dài, uốn lượn cùng những dải san hô lung linh dưới làn nước biển trong xanh. Ngoài ra, đến tham quan Cô Tô, du khách còn có cơ hội trải nghiệm ngọt hải đăng - "nóc nhà" của đảo ngọc, với 72 bậc cầu thang.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI BVMT

Năm 2012, lượng khách du lịch đến Cô Tô chỉ hơn 35 nghìn lượt, nhưng đến năm 2018 đã tăng lên hơn 320 nghìn lượt, mang lại doanh thu hàng trăm tỷ đồng cho địa phương. Nhờ phát triển du lịch, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao với mức thu nhập hiện nay đạt gần 3.400 USD/người/năm, cao hơn mức bình quân chung của tỉnh Quảng Ninh. Cùng với đó, hạ tầng cảng, bến bãi và đường giao thông đến từng ngõ xóm ở Cô Tô được kiên cố hóa; công nghệ thông tin, truyền thông hoàn thiện ở mức độ tương đương với đất liền; các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế được đầu tư đạt chuẩn. Cô Tô cũng là huyện đảo đầu tiên trong cả nước được Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và quy hoạch trở thành khu du lịch sinh thái biển cao cấp của quốc gia.

Năm 2019, huyện Cô Tô đã làm việc với Tập đoàn Sun Group về quy hoạch tổng thể phát

triển du lịch, dịch vụ huyện đảo, với mục đích phát triển đảo Cô Tô lớn thành đảo năng động; phát triển Thanh Lan thành đảo tịnh lặng và hòa hợp với thiên nhiên; đảo Cô Tô con là điểm nhấn cho tổng thể quần đảo Cô Tô, đặc biệt, Cô Tô sẽ có sân bay, tiếp nhận các chuyến bay phổ thông. Về phía Cô Tô, địa phương cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, mặt bằng và hợp tác tốt với nhà đầu tư để những ý tưởng quy hoạch nhanh chóng trở thành hiện thực. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát triển các ngành có lợi thế như thủy, hải sản, du lịch, dịch vụ biển...

Cũng trong năm 2019, UBND huyện Cô Tô và Hội Du lịch Cô Tô đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, trong đó có Hội thảo xúc tiến phát triển du lịch tại Hà Nội và Chương trình Famtrip với chủ đề "Cô

Tô, ngọc Đông Bắc" tổ chức vào đầu tháng 3/2019, nhằm khảo sát các điểm tham quan tại huyện đảo với sự tham gia của đại diện gần 50 đơn vị lữ hành đến từ nhiều địa phương trong cả nước. Ngoài việc khảo sát tiềm năng, thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, đa dạng sinh thái, Hội Du lịch Cô Tô đã kiến nghị về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của địa phương từ các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn. Với sự đầu tư hệ thống tàu cao tốc chất lượng cao, cùng cam kết của các doanh nghiệp du lịch, hàng vận chuyển, Cô Tô hứa hẹn sẽ mang lại những dịch vụ chuyên nghiệp, chất lượng nhất cho du khách. Các doanh nghiệp du lịch Cô Tô cũng đang nỗ lực hướng đến minh bạch giá cả và tăng cường quảng bá sâu rộng về tiềm năng, thế mạnh của địa phương thông qua nhiều kênh truyền thông.

Huyện Cô Tô xác định không đánh đổi môi trường lấy mục tiêu tăng trưởng mà sẽ coi trọng phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, không ngừng nâng cao dân trí và đời sống của người dân; kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ, tái tạo tài nguyên, BVMT sinh thái để phát triển bền vững. Song song với đó, Cô Tô gắn kết chặt chẽ sự phát triển của huyện với sự phát triển trong khu vực, nhất là TP. Hạ Long, Khu kinh tế Vân Đồn, TP. Móng Cái và vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ. Đó cũng là quyết tâm của tỉnh Quảng Ninh trong mục tiêu xây dựng Cô Tô trở thành đảo ngọc noi tiền tiêu Đông Bắc của Tổ quốc.

LÊ VĂN TÙNG

Một số công trình thân thiện với môi trường ở thành phố Rotterdam, Hà Lan



▲ Công viên nổi vừa thu gom rác, vừa là điểm đến thư giãn

Nằm ở phía Tây Hà Lan, với dân số khoảng 620.000 người, Rotterdam là một trong những thành phố đã áp dụng thành công các mô hình tái chế rác thải, góp phần BVMT Xanh - Sạch - Đẹp.

CÔNG VIÊN TỪ RÁC THẢI NHỰA

Theo một báo cáo của Bộ Hạ tầng và Môi trường Hà Lan, hàng năm có khoảng hơn 1.000 m³ rác thải nhựa (RTN) thải xuống sông Meuse và biển Bắc, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nhằm hạn chế lượng RTN, Quỹ đảo tái chế (Recycled Island Foundation) và 25 đối tác khác đã xây dựng thành công Công viên Tái chế ở TP. Rotterdam. Trong gần 5 năm, từ thiết kế đến thu hồi nhựa, thi công, Công viên Tái chế đã được xây dựng và khánh thành vào tháng 8/2018. Nhóm nghiên cứu đã dành 1,5 năm để phát triển, thử nghiệm, cải thiện bẫy rác và cuối cùng phát triển một hệ thống để thu giữ nhựa trôi nổi trên sông, cảng. Các bẫy rác có tác dụng thu gom, chứa rác trôi nổi, mặc dù giao thông đường thủy cũng như thủy triều liên tục thay đổi. Đây là một cấu trúc xanh nổi, không chỉ góp phần giảm thiểu

tình trạng ô nhiễm nhựa, mà còn được thiết kế như một môi trường sống hoang dã cho các loài động vật siêu nhỏ như ốc sên, giun, ấu trùng, bọ cánh cứng, cá... nhằm phủ xanh TP và cải thiện hệ sinh thái ở cảng Rotterdam.

CON ĐƯỜNG BẰNG VẬT LIỆU TÁI CHẾ

Không chỉ có công viên nổi, Hà Lan còn nổi tiếng với công nghệ làm đường bằng vật liệu tái chế. Công ty xây dựng VolkerWessels đã thực hiện hiệu quả kế hoạch xây dựng con đường sinh thái, thân thiện môi trường, bằng cách sử dụng chất thải từ nhựa để lát mặt đường - một cuộc cách mạng trong việc sử dụng nhựa tái chế, góp phần hạn chế lượng khí CO₂ thải ra môi trường.

Theo đó, con đường sinh thái được trải hoàn toàn bằng nhựa tái chế, với tính năng ưu việt, rút ngắn thời gian xây dựng, cũng như bảo trì, bởi độ bền gấp 3 lần đường làm từ bê tông. Việc lắp đặt các ống dẫn tiện ích, dây cáp thuận tiện hơn và được bố trí dưới mặt đường, dễ dàng cho việc thoát nước, xử lý việc tắc nghẽn ống dẫn nước. Ngoài ra, các bề mặt nhựa có thể chịu được nhiệt độ từ -40°C - 80°C, giúp giảm thiểu lượng khí thải CO₂ từ nhựa đường.

NHÀ HÀNG NỔI DRIJVEND PAVILJOEN

Là một tổ hợp của 3 bán cầu trong suốt, hình quả bóng nổi, có chiều cao 12 m, Drijvend Paviljoen là kết quả đầu tiên của "Sáng kiến khí



▲ Con đường bằng vật liệu tái chế



▲ TP. Rotterdam, Hà Lan

hậu Rotterdam" với mục đích xây dựng những căn nhà có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) ở các khu vực bên ngoài đê.

Nhà hàng nổi Drijvend Paviljoen có khung cảnh đẹp, cùng nhiều tiện nghi, thuận tiện cho cả giao thông đường bộ và đường thủy. Đây là địa chỉ thường xuyên diễn ra các hoạt động về văn hóa, phát triển bền vững, công nghệ sạch, lễ hội ẩm thực... Drijvend Paviljoen không chỉ đặc biệt bởi thiết kế hình bóng đèn nổi trên mặt nước, mà còn thể hiện sự sáng tạo, tính bền vững, độ linh động, khả năng chống BĐKH. Mái vòm được làm bằng tấm ETFE nhẹ hơn so với thủy tinh khoảng

100 lần; khả năng tự sưởi ấm bằng hệ thống năng lượng mặt trời và làm mát từ hơi nước, qua đó, giúp giảm một nửa lượng khí thải CO₂. Ngoài ra, Drijvend Paviljoen còn được lắp đặt hệ thống xử lý nước vệ sinh, đảm bảo đủ điều kiện trước khi thải ra vịnh. Đặc biệt, nhà hàng nổi tự động dâng theo mực nước - một hình mẫu cho các tòa nhà chống BĐKH sẽ mọc lên ở Rotterdam trong tương lai.

KHU RỪNG BOBBING

Khu rừng nổi có tên Bobbing là ý tưởng của nghệ sĩ Jorge Bakker - người Columbia nhưng sinh sống, làm việc ở Hà Lan. Dự án được hiện thực hóa nhờ nỗ lực của nhà sáng tạo nghệ thuật Jeroen Everaert và nhà sử học kiêm doanh nhân Anne Vander Zwaag với việc chọn cây du Hà Lan - loại cây gỗ chắc, có thể phát triển mạnh ngay cả trong nước mặn. Tháng 3/2016, 20 cây du Hà Lan đầu tiên của khu rừng này được trồng vào trong các phao nhựa cũ tái chế, khi nước ở bến cảng quá mặn, một ngăn chứa nước ngọt trong phao sẽ phát huy tác dụng, cho phép cây phát triển trong gần 4 năm mà không cần phải tưới nước.

Những thân cây nhỏ trôi bồng bềnh trên mặt nước gợi nhắc mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và thế giới xung quanh. Rừng Bobbing được coi là mô hình cho các công viên tương lai ở Rotterdam - thành phố có tới 1/3 diện tích bị phủ nước và 80% diện tích thấp hơn mực nước biển■

GIA LINH

TIÊU CHUẨN HÀ LAN trong tuýp hộp sữa

(*) Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu Chuẩn Của Tập Đoàn Royal FrieslandCampina Hà Lan.

Sữa tươi nguyên chất, tiệt trùng nhän hnh Dutch Lady thuộc nhóm thịt bơ béo sảng, sản xuất tại Việt Nam.
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam, P. Bình Hòa, TX. Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương
Công ty TNHH FrieslandCampina - Hà Nam, Cụm CN Tây Nam, Tp. Phủ Lý, Tỉnh Hà Lan



CÔNG TY TNHH NHÔM ĐÔNG Á

Địa Chỉ: Cụm Công Nghiệp Tân Dân, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương



Công ty TNHH nhôm Đông Á, đóng trên địa bàn Cụm công nghiệp Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã đóng góp không nhỏ cho phát triển kinh tế, tạo việc làm cho lao động địa phương. Công ty TNHH Nhôm Đông Á đã và đang là một trong những nhà sản xuất nhôm hợp kim lớn nhất tại Việt Nam. Đồng thời cũng là một trong những đơn vị chủ đạo thiết lập lên tiêu chuẩn về ngành công nghiệp nhôm hợp kim ở Việt Nam. Công ty TNHH Nhôm Đông Á tích hợp 4 yếu tố: thiết kế; nghiên cứu và phát triển; sản xuất; kinh doanh. Dây chuyền sản xuất của công ty TNHH Nhôm Đông Á sử dụng các loại thiết bị sản xuất và các công cụ kiểm tra tiên tiến bậc nhất được nhập khẩu từ nước ngoài. Với một quy trình sản xuất khép kín, bao gồm các công đoạn: đúc nhôm, ép nhôm, mạ, mạ tĩnh điện, phun sơn, vân gỗ, đố nhựa, gia công. Phương châm của công ty là: chất lượng là mục tiêu hàng đầu, không ngừng cải tiến, khách hàng là trung tâm, hiệu quả thiết thực.

Do đặc thù ngành nghề, sản phẩm nêu bước đầu sản xuất, Công ty không tránh khỏi thiểu sót ô nhiễm môi trường. Nhận thức rõ trách nhiệm với môi trường sống của người dân, cộng đồng, xã hội. Công ty TNHH nhôm Đông Á đã dần hoàn thiện, hiện nay là doanh nghiệp đi đầu trong việc Phát triển sản xuất “gắn kết” bảo vệ môi trường. Làm như thế nào có được đánh giá từ các cơ quan chuyên môn ngành môi trường của tỉnh Hải Dương, là doanh nghiệp đi đầu trong việc “Phát triển sản xuất “gắn kết” bảo vệ môi trường. Chính là sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng đầu tư, cải thiện hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo phát triển sản xuất, không ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh. Công ty đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu bổ sung để

bảo vệ môi trường. Công ty đã ký hợp đồng với trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Hải Dương lập báo cáo “Đánh giá hiện trạng công nghệ xử lý môi trường” để đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý nước thải, khí thải, quy trình thu gom và xử lý chất thải hiện tại, đồng thời đề xuất bổ sung các phương án nhằm bảo đảm khi chất thải ra ngoài đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Đồng thời, Công ty đầu tư lắp đặt hoàn thiện các hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khí thải phát sinh từ trong quá trình sản xuất như khí, bụi phát sinh tại công đoạn đúc nhôm; nước thải, khí, hơi dung môi phát sinh từ khâu mạ, gia công bề mặt thanh nhôm (gồm cả mạ và sơn phủ bề mặt); chất thải rắn từ quá trình luyện, cắt thanh; nước thải làm mát trong quá trình sản xuất. Hệ thống xử lý nước thải bán tự động với công suất xử lý tối đa là 648m³/ngày đêm, nhưng hiện nay công ty mới vận hành xử lý khoảng 200m³/ngày đêm. Xây dựng phân lập các cống, rãnh dẫn, xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn. Công ty ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại với Công ty Cổ Phần Hòa Anh và Cty TNHH Đầu Tư Thương Mại và Phát Triển Bình Nguyên; triển khai các biện pháp để giảm tiếng ồn, nhất là ban đêm; xử lý bùn thải đúng quy định. Chính vì vậy, chất lượng môi trường không khí trong và xung quanh các phân xưởng đã được cải thiện. Tại các lò nung, rã và sấy khuôn đúc thanh nhôm đã được lắp đặt bổ sung hệ thống chụp hút khí cục bộ. Công ty đã cải tạo hệ thống đường ống hút cũ nhằm làm tăng hiệu quả hệ thống hút khí thải phát sinh từ lò đúc nhôm; cải tạo hệ thống bơm nước cấp hóa chất vào buồng lăng uớt trước khi khí thải vào ống khói. Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp hoạt động liên tục bảo đảm xử lý đạt mức B- QCVN 24:2009/BNMT.